

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

VAI TRÒ CỦA PHÉP LẬP TRONG
TẬP THƠ *AI DẠY SỚM* CỦA VÕ QUẢNG

Chủ nhiệm đề tài: VŨ HUYỀN TRANG

Lớp: D16TH3

Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**VAI TRÒ CỦA PHÉP LẬP TRONG
TẬP THƠ *AI DẠY SỚM* CỦA VÕ QUẢNG**

Chủ nhiệm đề tài: VŨ HUYỀN TRANG

Các thành viên: VŨ PHƯƠNG ANH

PHẠM THỊ THẢO NGUYÊN

Lớp: D16TH3

Người hướng dẫn khoa học: ThS. LÊ THỊ THU HOÀI

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

TS. Lê Thị Thu Hoài

Vũ Huyền Trang

NINH BÌNH, 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài	4
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	6
4. Đối tượng nghiên cứu.....	6
5. Phạm vi nghiên cứu.....	6
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	6
6.1. Cách tiếp cận.....	6
6.2. Phương pháp nghiên cứu.....	6
NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	8
Chương 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	8
1.1. Văn bản và đặc trưng của văn bản	8
1.1.1. Văn bản	8
1.1.2. Đặc trưng của văn bản.....	10
1.1.2.1. Tính thống nhất trọn vẹn về nội dung.....	10
1.1.2.2. Tính hoàn chỉnh về hình thức.....	10
1.1.2.3. Tính mạch lạc và liên kết.....	11
1.1.2.4. Tính khả phân của văn bản	13
1.2. Liên kết trong văn bản.....	14
1.2.1. Khái niệm liên kết và các mặt liên kết.....	14
1.2.2. Các phương tiện liên kết và phương thức liên kết lặp.....	18
Tiểu kết chương 1	22
Chương 2: PHÉP LẬP TRONG TẬP THƠ <i>AI DẬY SỚM</i> CỦA VÕ QUẢNG	23
2.1. Giới thiệu về tác giả Võ Quảng và tập thơ <i>Ai dậy sớm</i>	23
2.1.1. Vài nét về Võ Quảng.....	23
2.1.2. Giới thiệu về tập thơ <i>Ai dậy sớm</i>	24
2.2. Khảo sát thống kê các kiểu lập trong tập thơ <i>Ai dậy sớm</i>	26
2.2.1. Lập ngữ âm.....	26
2.2.2. Lập từ vựng.....	27

2.2.3. Lặp ngữ pháp.....	30
2.3. Vai trò của phép lặp trong tập thơ <i>Ai dậy sớm</i>	31
2.3.1. Phép lặp góp phần duy trì đề tài, chủ đề của tác phẩm.....	31
2.3.2. Phép lặp góp phần tạo nên tính nhạc trong thơ.....	37
2.3.3. Phép lặp góp phần tạo nên tính biểu cảm trong thơ.....	46
Tiểu kết chương 2	62
KẾT LUẬN	63
TÀI LIỆU THAM KHẢO	64
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên bảng biểu	Trang
1	Bảng 2.1: Bảng phân chia các bài thơ trong tập thơ <i>Ai dậy sớm</i> theo đề tài	32

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các phương tiện liên kết và các phương thức liên kết là một trong những nội dung quan trọng của ngữ pháp văn bản. Ra đời từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX. Cho đến nay, ngữ pháp văn bản đã chứng minh được vai trò quan trọng của mình trong việc nghiên cứu các đơn vị ngôn ngữ lớn hơn câu (đoạn văn, văn bản). Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học* của I.R. Galperin [6]; *Ngữ pháp văn bản* của O.I. Môtskanskaia, 1981 (Bản dịch tiếng Việt của Trần Ngọc Thêm, 1996); ...

Ở Việt Nam, cũng có những cuốn sách đề cập đến tính liên kết của văn bản trong đó có phép lặp như *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt* của Trần Ngọc Thêm [14]. Đây là cuốn sách đầu tiên của Việt Nam nghiên cứu về ngữ pháp văn bản. Với cuốn sách này, tác giả đã có những nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống liên kết văn bản trong tiếng Việt. Đặc biệt tác giả đã có những nghiên cứu đầy đủ về các phương thức liên kết giữa các phát ngôn, trong đó có phép lặp. Trần Ngọc Thêm khẳng định: “*Phương thức lặp là phương thức liên kết thể hiện ở việc lặp lại trong kết ngôn những yếu tố đã có ở chủ ngôn*” [14, 87]. Sự thành công của cuốn sách đã góp phần thúc đẩy việc đưa ngữ pháp văn bản vào chương trình giảng dạy tiếng Việt ở nhà trường phổ thông như hiện nay. Đồng thời công trình cũng đã mở ra hướng nghiên cứu mới về ngữ pháp văn bản, cung cấp cái nhìn toàn diện về các phương thức liên kết, trong đó có phép lặp. Đặc biệt, tác giả đã khẳng định vai trò quan trọng của phương thức lặp trong việc làm nổi bật sự liên kết trong văn bản.

Đề cập đến tính liên kết và các phương thức liên kết còn có tác giả Diệp Quang Ban với cuốn sách “*Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*” [3]. Trong cuốn sách này, tác giả cũng nêu quan điểm của mình về phép lặp từ ngữ như sau: “*Lặp từ ngữ là sử dụng trong câu sau từ ngữ đã được dùng ở câu trước, theo kiểu lặp y nguyên như vốn có, trên cơ sở đó liên kết những câu chứa chúng*

với nhau” [3, 174]. Trong đó ông phân tích cách thức lặp từ ngữ để tạo sự liên kết giữa các câu, từ đó làm rõ hơn tính chất liên kết trong văn bản tiếng Việt.

Bên cạnh những cuốn sách nghiên cứu chuyên sâu về tính liên kết của văn bản và phép liên kết lặp cũng có một số luận văn nghiên cứu về phép lặp trong thơ như: *Phép lặp ngữ pháp trong thơ Tố Hữu*, luận văn Thạc sĩ của Vi Phương Thùy [16]. *Phép lặp từ vựng và lặp ngữ pháp trong thơ Hữu Thỉnh*, luận văn Thạc sĩ ngôn ngữ học của Nguyễn Thị Hoa [11]. Trong đề tài này, tác giả luận văn đã trình bày một cách có hệ thống về các phép liên kết văn bản, khảo sát các phép lặp từ vựng và lặp ngữ pháp, từ đó chỉ ra giá trị nghệ thuật của các phép lặp trong thơ Hữu Thỉnh. Cả hai công trình nghiên cứu trên đã chỉ ra giá trị nghệ thuật của các phép lặp, góp phần làm phong phú thêm hiểu biết về tính liên kết trong các văn bản thơ.

Phép lặp cũng được đưa vào giảng dạy trong sách Tiếng Việt 5 của chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018 với những kiến thức sơ giản phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh Tiểu học.

Với sự đổi mới về chương trình giáo dục, hiện nay, các trường Tiểu học trong cả nước được quyền lựa chọn một trong ba bộ sách là: “Kết nối tri thức với cuộc sống”, “Cánh diều”, “Chân trời sáng tạo” để giảng dạy. Tuy có những chủ điểm khác nhau nhưng sách Tiếng Việt Tiểu học của cả ba bộ sách nói trên đều rất chú trọng đến việc lựa chọn ngữ liệu dạy học. Tác giả viết sách đã rất dụng công trong việc lựa chọn các tác phẩm văn học của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng chuyên viết cho thiếu nhi như: Trần Đăng Khoa, Xuân Quỳnh, Võ Thanh An, Nguyễn Phan Hách... trong đó có Võ Quảng.

Võ Quảng là một trong những cây bút lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông không chỉ để lại dấu ấn văn học trong lòng bạn đọc nhiều thế hệ mà còn khơi dậy sự quan tâm của nhiều nhà phê bình về chính cuộc đời ông. Dịch giả Phương Thảo đã viết: *"Cuộc đời của ông có thể ví như một cây đại thụ có gốc sâu, rễ bền, thấm đẫm tinh hoa văn hóa nước nhà và thế giới, mạnh mẽ trụ vững giữa phong ba bão táp của những tháng năm ác liệt, để rồi nửa đời*

sau đêm cảnh, này lộc, nở hoa tươi đẹp, kết trái vẫn chường ngọt lành dành cho bao lớp trẻ thơ của đất nước" [23]. Lã Thị Bắc Lý cũng viết về sự cống hiến của Võ Quảng: *"Ông đã từ chối con đường hoạt động chính trị - một con đường đầy thuận lợi và triển vọng đối với ông lúc bấy giờ để đi theo nghề viết văn... Ông chỉ chuyên tâm với sáng tác văn học cho trẻ em, hết mình vì trẻ thơ. Ông là một trong những người đã bỏ nhiều công sức để xây dựng nền móng đầu tiên cho nền văn học thiếu nhi dưới chế độ mới."* [7, 22]

Trong suốt thời gian qua, thơ Võ Quảng luôn nhận được sự yêu mến từ đông đảo độc giả, bạn bè đồng nghiệp cũng như sự quan tâm từ giới phê bình. Tác giả Phạm Thị Phương Liên trong bài *"Võ Quảng - Đặc sắc nghệ thuật thơ viết cho thiếu nhi"* đã cho rằng: *"Thơ Võ Quảng thường sử dụng những điệp từ, điệp ngữ làm ý thơ thêm sâu sắc, nhạc thơ thêm ngân vang, ngân xa"* [21]. Hay *"thơ Võ Quảng luôn có vần. Vần là khuôn âm tiết được lặp lại một cách không hoàn toàn, có tác dụng kết dính câu thơ và các dòng thơ, tạo nên nhạc điệu toàn bài"* [21]. Cũng nghiên cứu về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ và nhạc điệu trong thơ Võ Quảng, Lã Thị Bắc Lý đã nhận xét như sau: *"Hệ thống ngôn ngữ trong thơ văn Võ Quảng thường là những từ thông dụng, dễ hiểu nhưng ông lại đặc biệt chú ý sử dụng các biện pháp tu từ để làm cho vốn từ ngữ đó thật sinh động và hấp dẫn"* [7, 39]. Có lẽ chính vì vậy nên trẻ em rất thích thơ ông, bởi vì *"Có những bài đọc lên thấy linh hoạt, tự nhiên như một bài đồng dao quen thuộc như Chị Chối Tre, Mời vào... có những bài êm dịu hài hòa như Thuyền lướt, Anh Đom Đóm..."* [7, 39].

Thơ Võ Quảng cũng là đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Giáo dục Tiểu học như: *"Giá trị nội dung và nghệ thuật của tập thơ "Ai dậy sớm" - Võ Quảng"*, đề tài nghiên cứu khoa học của Trần Thị Loan [15]. Đề tài đã chỉ ra những giá trị nội dung và nghệ thuật của tập thơ *Ai dậy sớm*. Qua đó khẳng định những đóng góp của Võ Quảng đối với nền văn học thiếu nhi nước nhà.

Như vậy đã có nhiều công trình nghiên cứu cũng như nhận định của các nhà nghiên cứu, nhà phê bình văn học về Võ Quảng và thơ Võ Quảng. Qua những nhận định đó ta thấy được giá trị của tác phẩm và tài năng của ông ngày càng được khẳng định theo thời gian. Tuy nhiên theo tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng.

Vì vậy, những nghiên cứu trên đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp chúng tôi thực hiện đề tài: *“Vai trò của phép lặp trong tập thơ Ai dậy sớm của Võ Quảng”*.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Võ Quảng là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng trong nền văn học Việt Nam. Ông đã dành trọn cuộc đời sự nghiệp của mình cống hiến cho văn học thiếu nhi. Nhà nghiên cứu Phong Lê đã gọi Võ Quảng là *“người hết mình và trọn đời cho trẻ em”*. Bởi lẽ trong 50 năm qua, ông chỉ viết cho trẻ em.

Võ Quảng cũng là một trong những tác giả được giảng dạy trong học phần Văn học - Chương trình đào tạo ngành sư phạm Giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Hoa Lư. Điều này càng khẳng định vai trò to lớn của nhà thơ, nhà văn Võ Quảng trong nền văn học thiếu nhi nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

Thơ Võ Quảng không chỉ mang nội dung phong phú, nghệ thuật đặc sắc mà còn mang ý nghĩa giáo dục cao. Ông quan niệm: *“Thơ có nhiệm vụ phải ghi sâu vào tâm hồn các em tất cả bức tranh đậm đà của đất nước, từ những sự kiện to lớn nhất, cho đến những việc nhỏ nhất, bóng dáng một cánh cò bay, hình ảnh sóng lúa dập dờn, cây đa, bến nước, tất cả vẻ đẹp của núi sông, đó là lớp phù sa mỡ màng, trên đó mọc lên xanh tươi tình yêu Tổ quốc”* [20]. Mỗi bài thơ, mỗi dòng thơ của ông như những giọt nước thanh mát nuôi dưỡng tâm hồn trong sáng của trẻ thơ.

Tập thơ *Ai dậy sớm* là một trong những tác phẩm tiêu biểu về thơ của Võ Quảng. “*Bước vào giữa các vần thơ trong Ai dậy sớm của Võ Quảng, người lớn chúng ta có thể tìm lại được thế giới thiên nhiên tràn ngập sắc màu nơi tuổi thơ đã phai pha. Và trẻ em có thể tìm tới những khoảng trời dung dị nhưng rực rỡ mà có lẽ ngày nay các em hiếm khi được biết đến.*” [18]. Với thể thơ tự do linh hoạt như năm chữ hay bốn chữ, thơ ông dễ dàng đi sâu vào tâm hồn các em thiếu nhi bằng nhịp điệu, âm vần dễ nhớ, dễ thuộc. Mỗi câu thơ như thúc giục, như gọi mời các em “dậy sớm” để thấy “đất trời”, thấy “vùng đông” đang chào đón. Có lẽ vì vậy nên rất nhiều bài thơ trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng được chọn lựa đưa vào giảng dạy trong chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học trước đây (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) cũng như hiện nay (Chương trình giáo dục phổ thông 2018). Có thể kể đến một số bài thơ: *Ai dậy sớm, Anh Đom Đóm, Mầm Non...*

Một trong những yếu tố tạo nên giá trị nghệ thuật đặc sắc của thơ Võ Quảng nói chung và tập thơ *Ai dậy sớm* nói riêng là cách ông sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ và đặc biệt là điệp từ, điệp ngữ (ở góc độ ngữ pháp văn bản là phép lặp). Phép lặp đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sức hấp dẫn và chiều sâu trong từng tác phẩm.

Trước hết, phép lặp góp phần tạo nên nhịp điệu và âm hưởng cho bài thơ. Trong thơ dành cho trẻ em, việc có một nhịp điệu đều đặn, dễ nhớ là rất quan trọng. Những câu thơ sử dụng phép lặp thường mang lại cảm giác vui tươi, sôi động, phù hợp với tâm hồn hồn nhiên của trẻ nhỏ. Khi đọc những câu thơ ấy các em không chỉ dễ dàng ghi nhớ mà còn cảm nhận được sự vui vẻ, hào hứng từ những âm thanh lặp đi lặp lại. Điều này không chỉ giúp các em thuộc lòng thơ mà còn tạo ra một không gian thơ ca sống động, gần gũi.

Bên cạnh đó, phép lặp còn làm phong phú hơn những hình tượng, cảm xúc thẩm mỹ trong thơ. Việc lặp lại các từ, cụm từ, hình ảnh hoặc cảm xúc sẽ làm cho chúng trở nên sâu sắc và ấn tượng hơn. Nó sẽ thu hút sự chú ý của người đọc, mở ra không gian tưởng tượng phong phú giúp người đọc suy nghĩ, liên

tương về những điều liên quan một cách sinh động và thú vị. Đặc biệt phép lặp góp phần làm nổi bật thông điệp mà tác giả muốn truyền tải qua từng bài thơ.

Từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: “*Vai trò của phép lặp trong tập thơ Ai dậy sớm của Võ Quảng*”.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Tìm hiểu vai trò của phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* để thấy được tài năng và phong cách nghệ thuật của Võ Quảng. Từ đó, đề tài khẳng định những đóng góp của nhà thơ đối với văn học thiếu nhi nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

4. Đối tượng nghiên cứu

Phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng.

5. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu các bài thơ trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng (2020), NXB Kim Đồng.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Lí thuyết – vận dụng

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng chủ yếu những phương pháp sau:

* Phương pháp nghiên cứu lí thuyết

Nghiên cứu lí thuyết văn bản, khái niệm và đặc trưng của văn bản cũng như các phương pháp và phương tiện liên kết trong đó có phép lặp.

Nghiên cứu về giá trị nội dung và nghệ thuật của tập thơ *Ai dậy sớm* và phong cách thơ Võ Quảng.

* Phương pháp khảo sát, thống kê, phân loại

Khảo sát, thống kê các kiểu lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng.

* Phương pháp phân tích - tổng hợp

Phân tích chỉ rõ vai trò của phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng. Trên cơ sở đó khái quát những giá trị nghệ thuật đặc sắc trong thơ ông.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chương 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1. Văn bản và đặc trưng của văn bản

1.1.1. Văn bản

Văn bản với tư cách là một đơn vị của ngôn ngữ đã trở thành cơ sở lý thuyết quan trọng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Thuật ngữ văn bản cho đến nay đã được định nghĩa rất đa dạng, được hiểu theo nhiều quan niệm khác nhau của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học trong và ngoài nước.

Khi định nghĩa văn bản, các nhà ngôn ngữ học nước ngoài đã diễn đạt như sau:

Theo L.M. Loseva: *"Văn bản có thể định nghĩa là điều thông báo viết, có đặc trưng là tính hoàn chỉnh về ý, về cấu trúc và thái độ nhất định của các tác giả đối với điều được thông báo [...]. Về phương diện cú pháp, văn bản là một hợp thể nhiều câu (ít khi là một câu) liên kết với nhau bởi ý và bằng các phương tiện từ vựng - ngữ pháp"* (Dẫn theo Diệp Quang Ban) [3, 16].

D. Crystal tập trung vào khía cạnh hình thức của văn bản: *"Văn bản là một sản phẩm diễn ngôn xuất hiện một cách tự nhiên dưới dạng nói, viết hoặc biểu hiện bằng cử chỉ, được nhận dạng vì những mục đích phân tích. Nó thường là một chỉnh thể ngôn ngữ với một chức năng giao tiếp có thể xác định được, ví dụ như một cuộc thoại, một tờ áp phích"* (Dẫn theo Diệp Quang Ban) [3, 16].

I.R. Galperin định nghĩa: *"Văn bản - đó là tác phẩm của quá trình tạo lời, mang tính chất hoàn chỉnh, được khách quan hóa dưới dạng tài liệu, được chải chuốt văn chương theo loại hình tài liệu ấy, là tác phẩm gồm tên gọi (đầu đề) và có một loại đơn vị riêng (những thể thống nhất trên câu) hợp nhất lại bằng những loại hình liên kết khác nhau về từ vựng, ngữ pháp, logic, tu từ, có một hướng đích nhất định và một mục tiêu thực dụng"* [6, 38].

Và văn bản cũng là đối tượng được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Việt Nam quan tâm. Dưới đây là một số quan niệm tiêu biểu về văn bản:

Trong “Từ điển tiếng Việt” của Hoàng Phê, văn bản là *“chuỗi kí hiệu ngôn ngữ hay nói chung những kí hiệu thuộc một hệ thống nào đó, làm thành một chỉnh thể mang một nội dung ý nghĩa trọn vẹn”* [5, 1100].

Theo Diệp Quang Ban, ông định nghĩa: *“Văn bản là một loại đơn vị được làm thành từ một khúc đoạn lời miệng hay lời viết, hoặc lớn hoặc nhỏ, có cấu trúc, có đề tài... loại như một truyện kể, một bài thơ, một đơn thuốc, một biển chỉ đường...”* [4, 37].

Còn Trần Ngọc Thêm cho rằng: *“Nói một cách chung nhất thì văn bản là một hệ thống mà trong đó các câu mới chỉ là các phần tử. Ngoài các câu - phần tử, trong hệ thống văn bản còn có cấu trúc. Cấu trúc của văn bản chỉ ra vị trí của mỗi câu và những mối quan hệ, liên hệ của nó với những câu xung quanh nói riêng và với toàn văn bản nói chung. Sự liên kết là mạng lưới của những quan hệ và liên hệ ấy”* [14, 19].

Và trong “Giáo trình Tiếng Việt 3”, Lê A đã đưa ra khái niệm văn bản gắn với hoạt động giao tiếp: *“Văn bản là sản phẩm của quá trình tạo lời trong giao tiếp có tính thống nhất trọn vẹn về nội dung ý nghĩa và hoàn chỉnh về hình thức”* [8, 123].

Có thể thấy rằng, văn bản từ khi trở thành đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học đã được hiểu theo rất nhiều quan niệm khác nhau từ các nhà ngôn ngữ học. Tuy vậy, khi nói đến văn bản ta cần chú ý:

- Đó là sản phẩm của quá trình tạo lời trong hoạt động giao tiếp.
- Sản phẩm đó nhằm mục đích giao tiếp nhất định (nhận thức hoặc tác động), thống nhất trọn vẹn về nội dung ý nghĩa, hoàn chỉnh về hình thức.
- Văn bản có quan hệ hướng nội và quan hệ hướng ngoại. Quan hệ hướng nội là quan hệ nằm trong nội bộ văn bản. Còn quan hệ hướng ngoại là quan hệ

giữa văn bản đó với các nhân tố nằm ngoài văn bản như: các văn bản khác, người tiếp nhận, đối tượng giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp.

Trong đề tài này, chúng tôi lựa chọn quan điểm về văn bản theo “Giáo trình Tiếng Việt 3” của Lê A làm cơ sở lí thuyết để trình bày rõ những đặc trưng của văn bản.

1.1.2. Đặc trưng của văn bản

1.1.2.1. Tính thống nhất trọn vẹn về nội dung

Một yếu tố quan trọng để đảm bảo tính thống nhất trọn vẹn về nội dung là tất cả các câu trong văn bản đều thể hiện một chủ đề, đề tài nhất định, xuyên suốt. Chủ đề, đề tài này có thể được mở rộng, thể hiện qua các bộ phận của văn bản (câu, đoạn, phần) nhưng toàn văn bản vẫn phải đảm bảo được tính nhất quán về chủ đề, đề tài chung. Do vậy, văn bản cần mạch lạc và hướng đến một chủ đề, đề tài chung, một ý nghĩa cốt lõi trong văn bản.

Tính thống nhất về nội dung còn được thể hiện ở việc toàn bộ nội dung trong văn bản mang chung một tiêu đề hoặc có khả năng đặt tiêu đề chung. Tức là bất kì một trích đoạn trong một văn bản lớn nào đều có thể làm thành một văn bản mới và đặt được tựa đề mới, là văn bản “con” của văn bản “mẹ” (văn bản lớn). Nếu một văn bản không thể đặt một tiêu đề chung và không có khả năng đặt tiêu đề chung thì văn bản đó không thống nhất về nội dung.

Như vậy, văn bản trước hết cần mang tính thống nhất trọn vẹn về nội dung. Nội dung văn bản có trọn vẹn, thống nhất thì tư tưởng, tình cảm cần truyền đạt mới trọn vẹn, thống nhất được.

1.1.2.2. Tính hoàn chỉnh về hình thức

Tính hoàn chỉnh về hình thức của văn bản thường được thể hiện ở các đặc điểm sau:

Không cần thêm hay bớt gì vào trước và sau, văn bản vẫn đảm bảo tính thống nhất trọn vẹn về nội dung. Tức là văn bản trước hết phải đảm bảo tính

thống nhất và chặt chẽ về nội dung, không rời rạc hoặc thiếu hụt đi một trong các phần của cấu trúc văn bản.

Tính hoàn chỉnh về hình thức còn được thể hiện ở văn bản có đầu, có cuối, có bố cục mạch lạc (thường là bố cục ba phần: phần mở, phần thân và phần kết). Phần mở của văn bản sẽ khái quát toàn bộ nội dung văn bản và định hướng nội dung phần thân. Phần thân có nhiệm vụ triển khai, cụ thể hóa, chi tiết hóa các định hướng ở phần mở. Và phần kết thúc văn bản, kết thúc cả nội dung lẫn hình thức của văn bản, nó thường có liên quan mật thiết đến phần mở và phần thân. Hình thức của văn bản cũng sẽ mất đi tính hoàn chỉnh nếu lược đi một trong ba phần bố cục này.

Trong văn bản, ngoài ba phần cơ bản trên còn cần đề cập đến đầu đề của văn bản. Đầu đề của văn bản thể hiện tính hoàn chỉnh về hình thức trong văn bản. Đầu đề là tên gọi của văn bản, phản ánh nội dung cô đọng nhất có thể là đề tài - chủ đề của văn bản.

1.1.2.3. Tính mạch lạc và liên kết

*** Tính mạch lạc**

Một trong số những đặc trưng cốt yếu của văn bản là tính mạch lạc. Mạch lạc là yếu tố làm gắn kết các chuỗi câu trở thành văn bản, tạo nên một chỉnh thể thống nhất trong văn bản. Tính mạch lạc có thể nhận thấy rõ nhất trong quan hệ nghĩa, là “liên kết về mặt nghĩa” giữa các chuỗi câu. Mạch lạc là “*mạng lưới quan hệ nghĩa trong nội bộ văn bản và với các yếu tố ngoài văn bản*” [8, 127].

Mạch lạc là một phần của tính liên kết, nó giúp phân biệt văn bản thống nhất với tập hợp của chuỗi những phát ngôn hỗn độn, tức là phân biệt văn bản với phi văn bản.

Mạch lạc tạo thành tính thống nhất đề tài - chủ đề của văn bản. Có thể nói, bất kì một văn bản nào có mạch lạc trước hết phải có sự thống nhất về đề tài - chủ đề được thể hiện qua việc đảm bảo thống nhất nội dung của văn bản.

Nghĩa là đề tài - chủ đề phải được duy trì và được triển khai một cách hợp lý, logic từ đầu đến cuối văn bản.

Có thể thấy, mạch lạc là đặc trưng cơ bản nhất của một văn bản và “*nó có tầm quan trọng quyết định đối với việc hình thành một văn bản (hay diễn ngôn)*” [4, 94]. Mạch lạc là mạng lưới bao trùm tất cả các quan hệ nghĩa trong văn bản và nó có thể được biểu hiện thông qua những quan hệ logic như: quan hệ nguyên nhân – kết quả, quan hệ thời gian,....

Nói tóm lại, mạch lạc thường được thể hiện ở các đặc điểm:

- Văn bản trình bày rõ ràng, sắp xếp hợp lý (cái trước làm cơ sở cho cái sau xuất hiện), không lặp đi lặp lại, nói hết ý này mới sang ý khác.

- Các bộ phận của văn bản (câu, đoạn, phần) có quan hệ mật thiết và logic với nhau.

- Quan hệ giữa văn bản với các yếu tố nằm ngoài văn bản hợp lý.

*** Tính liên kết**

Liên kết là việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ nhằm tạo ra sự kết nối chặt chẽ giữa các câu, bộc lộ rõ tính mạch lạc và logic của văn bản. Nếu mạch lạc là sự liên kết nội dung bên trong, thống nhất về nghĩa của văn bản thì liên kết chính là sự thể hiện hình thức bên ngoài bằng phương tiện ngôn ngữ. Liên kết là công cụ để hiện thực hóa, tường minh hoá tính mạch lạc trong văn bản. Nói cách khác liên kết mang tính vật chất, vì thế nó dễ dàng nhận thấy hơn so với tính mạch lạc văn bản.

Tính liên kết có thể biến văn bản mà trong đó các câu văn vốn phi logic lại trở nên logic. Ta xét ví dụ sau:

(1) *Người tôi mệt rồi.* (2) *Trời oi bức.*

Nếu xét về quan hệ nhân quả thì câu trên ta có quan hệ quả nhân (nguyên nhân được đặt ra sau) là quan hệ nghịch logic. Quan hệ này tạo ra mâu thuẫn

giữa nội dung và hình thức của hai câu (1) và (2), khiến chúng trở nên tối nghĩa. Do vậy buộc phải sử dụng đến phương tiện liên kết:

(1) *Người tôi mệt rồi.* (2) *Vì trời oi bức.*

Phương tiện liên kết được sử dụng trong câu trên là từ nối “vì”, nó có tác dụng nối kết hai câu và đánh dấu quan hệ nhân quả, tạo nên logic của hai câu có quan hệ này.

Từ những điều trình bày trên, ta thấy được rằng mạch lạc và liên kết là hai mặt khác nhau của văn bản. Mạch lạc tạo nên sự thống nhất đề tài - chủ đề và tính logic cho văn bản. Nó dường như mang tính bản chất nội tại của văn bản. Trong khi đó, liên kết lại mang tính vật chất, là công cụ để hiện thực hóa tính mạch lạc. Chính vì thế, trong các văn bản, ta không những cần đảm bảo tính mạch lạc - đặc trưng cốt yếu mà còn phải chú ý tới tính liên kết của văn bản.

1.1.2.4. Tính khả phân của văn bản

Văn bản là một khối hoàn chỉnh và thống nhất nhưng có thể phân tách ra các bộ phận cấu thành. Đặc trưng này được gọi là tính khả phân. “*Tính khả phân là khả năng có thể phân tách văn bản thành các bộ phận cấu thành nên nó*” [8, 127]. Tính khả phân của văn bản được thể hiện như sau:

Bước phân chia đầu tiên là chia văn bản thành ba phần: mở đầu (mở bài), triển khai (thân bài) và kết thúc (kết bài). Bố cục này là kết cấu của một văn bản thông dụng, thường dùng rộng rãi trong nhà trường. Tuy nhiên, không phải mọi văn bản đều chỉ có bố cục ba phần mà trong thực tế luôn có những biến thể khác nhau. Có những văn bản chỉ có hai phần hoặc có những văn bản không có phần mở đầu (như *Chí Phèo* – Nam Cao).

Các phần còn lại của văn bản có thể chia thành các đoạn văn. Việc phân đoạn chính là sự phân chia nội dung chủ đề của văn bản thành tiểu chủ đề, luận điểm. Nó làm rõ cấu trúc nội dung của toàn bộ chỉnh thể, tạo ra cho văn bản có kết cấu, bố cục hợp lí, do đó ý của mỗi đoạn văn thường tương đối trọn vẹn.

Đoạn văn lại được chia thành nhiều câu. Có câu mở đoạn, các câu thân đoạn và các câu kết đoạn. Các câu trong một đoạn văn gắn bó mật thiết với nhau về nội dung và hình thức.

Như vậy, tính khả phân có thể coi là một công cụ soi chiếu tính logic, sự hài hòa giữa các phần, đoạn, câu của một văn bản. Nó cho ta thấy vị trí và mối quan hệ của các bộ phận cấu thành chủ đề, nội dung văn bản. *“Tính khả phân là một phương diện khác của sự liên kết văn bản, đây là hai mặt của cùng một hiện tượng”* [4, 146].

1.2. Liên kết trong văn bản

1.2.1. Khái niệm liên kết và các mặt liên kết

“Liên kết là mạng lưới các mối quan hệ trong nội bộ văn bản cũng như giữa văn bản với những yếu tố ngoài văn bản” [8, 132]. Nói cách khác, liên kết là quan hệ ngữ nghĩa giữa hai yếu tố ngôn ngữ ở hai câu riêng biệt hoặc ở hai vế của của một câu ghép theo kiểu giải thích nghĩa cho nhau, muốn hiểu nghĩa cụ thể của yếu tố này thì phải tham khảo nghĩa của yếu tố kia. Trên cơ sở đó hai câu chứa chúng liên kết được với nhau. Liên kết chính là yếu tố quan trọng nhất giúp biến một chuỗi câu trở thành văn bản. Liên kết trong văn bản được thể hiện trên nhiều mặt, trong đó có: liên kết đề tài, liên kết chủ đề, liên kết logic, liên kết ngữ pháp.

a) Liên kết đề tài

Đề tài là *“hiện thực được nói tới trong văn bản”* [8, 136]. Ví dụ: đề tài của bài thơ Bánh trôi nước (Hồ Xuân Hương) là nói về số phận đắng cay, tủi nhục của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

“Liên kết đề tài thể hiện ở chỗ văn bản nói đến cùng một hiện thực (một đối tượng), hoặc một số hiện thực (một số đối tượng) có liên quan mật thiết với nhau từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc” [8, 136].

*** Tổ chức liên kết đề tài**

Tổ chức đề tài cần tôn trọng nội dung của hiện thực được đề cập. Hiện thực này có cấu trúc nội tại chặt chẽ. Việc tôn trọng cấu trúc nội tại của hiện thực là yếu tố cần thiết để đảm bảo mối liên kết về đề tài trong văn bản. Văn bản miêu tả phải tuân theo tổ chức nội tại của đối tượng được miêu tả, bao gồm cả không gian và mối quan hệ của đối tượng đó với các đối tượng liên quan khác. Đối với văn bản kể chuyện, cần tuân thủ trật tự thời gian của các biến cố và sự kiện. Còn trong văn bản nghị luận, người viết cần trình bày các khía cạnh của ý kiến và mối quan hệ giữa các khía cạnh đó.

Tổ chức đề tài dựa trên sự lựa chọn chủ quan của người viết. Trong văn bản, các đặc điểm của đối tượng được miêu tả hoặc tường thuật, cũng như các ý kiến cấu thành đề tài, không chỉ phụ thuộc vào bản thân chúng mà còn phải được lựa chọn thông qua ý đồ chủ quan của người viết và khả năng tiếp thu của người đọc. Người viết cần loại bỏ những đặc điểm hoặc phương diện mà họ cho là không quan trọng hoặc không hấp dẫn đối với độc giả. Hơn nữa, người viết cũng cần sắp xếp lại đối tượng sao cho phù hợp và lôi cuốn người đọc.

“Đặt hiện thực được nói tới trong mối quan hệ với các hiện tượng cùng loại, trong mối quan hệ với thời gian và không gian” [8, 137]. Hiện thực không tồn tại một cách cô lập mà luôn gắn liền với thời gian và không gian. Vì thế, đặc điểm và bản chất của đối tượng được nói tới bị chi phối bởi mối quan hệ này.

Quan hệ giữa hiện thực với quy chiếu

Đề tài của văn bản gắn liền với hiện thực khách quan và một hệ quy chiếu nhất định. Nhiều câu có thể mang ý nghĩa khi được đặt trong một hệ quy chiếu phù hợp, nhưng lại trở nên rời rạc và vô nghĩa nếu thay đổi sang hệ quy chiếu khác. Thông thường, người ta đề cập đến hai hệ quy chiếu: thế giới ảo tưởng và thế giới thực tại. Thế giới ảo tưởng bao gồm thần thoại, cổ tích, truyện viễn tưởng... Trong khi thế giới thực tại là nơi chúng ta đang sinh sống. *“Có những trường hợp cùng một văn bản nhưng lại gọi lên nhiều hiện thực khác nhau”* [8, 138].

b) Liên kết chủ đề

Chủ đề là “*điều mà tác giả muốn dắt dẫn người đọc đến qua việc miêu tả, tự sự*” [8, 139].

Thông qua việc miêu tả chiếc bánh trôi nước, Hồ Xuân Hương đề cao, tôn vinh vẻ đẹp, tấm lòng son sắt của người phụ nữ Việt Nam ngày xưa, đồng thời cũng thể hiện sự xót thương cho số phận ba chìm bảy nổi của họ.

“Liên kết chủ đề của văn bản chính là tính định hướng về chủ đề của các bộ phận cấu thành văn bản đó” [8, 139].

* Tổ chức liên kết chủ đề trong văn bản

Việc tổ chức và liên kết chủ đề trong văn bản nói chung thể hiện qua cách sắp xếp sao cho tất cả các phần của văn bản đều hướng về một chủ đề chung, đồng thời làm rõ hơn chủ đề chung đó. Tuy nhiên, mỗi loại văn bản khác nhau sẽ có những cách thức tổ chức liên kết chủ đề riêng. Chẳng hạn, trong văn bản chính luận, chủ đề thường là một hoặc một số kết luận khái quát mà các ý kiến cần phải hướng tới và phục vụ chủ đề đó, làm cho người đọc nếu đã chấp nhận các ý kiến và kết luận cụ thể thì cũng không thể không đồng tình với kết luận tổng quát. Kết luận tổng quát có thể được trình bày ngay ở đầu, ở cuối hoặc thậm chí ở giữa văn bản. Đôi khi, nó còn có thể không được nêu rõ ràng mà yêu cầu người đọc tự rút ra khi đọc toàn bộ nội dung văn bản.

c) Liên kết logic

“Liên kết logic chính là sự tổ chức sắp xếp nghĩa trong văn bản sao cho phù hợp với thực tế khách quan, với nhận thức của con người” [8, 141].

* Các mặt của liên kết logic

Liên kết logic sự vật: Đòi hỏi người viết phải tôn trọng các mối quan hệ của các sự vật được nói tới (quan hệ với cái nhìn chủ quan của người viết, quan hệ với sự vật cùng loại, quan hệ với quy chiếu), trình bày các đặc điểm hay ý kiến phù hợp với chúng.

Liên kết tự nhiên của một nền văn hóa: Khi đề cập đến tính liên kết logic của văn bản, cũng cần xem xét sự phù hợp của văn bản đó đối với nền văn hóa tự nhiên của một dân tộc nhất định.

Liên kết logic của logic học: Tư duy và nhận thức của con người cần tuân theo những nguyên tắc nhất định, và những nguyên tắc này được nghiên cứu trong lôgic học. Văn bản phải tuân thủ các nguyên tắc này để đảm bảo tính liên kết logic.

d) Liên kết ngữ pháp trong văn bản

“Liên kết ngữ pháp là sự liên kết được tạo ra bởi mối quan hệ về mặt ngữ pháp giữa các yếu tố trong văn bản” [8, 142].

* Các trường hợp liên kết ngữ pháp

+ Các phát ngôn (câu) cùng có chung một thành phần câu nào đấy như chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ ...

Ví dụ:

(1) Cạnh dãy sào, giáo ngả nghiêng dựng ở giáp tường, một lũ tuần phu lớ nhố ngồi trên lớp chiếu quăn quèo. (2) Có người phì phò thổi môi. (3) Có người ve ve môi thuốc và chìa tay chờ đón điếu đóm. (4) Có người há miệng ngáp dài. (5) Có người dang hai tay dụi mắt. (6) Cũng có người còn gãi đầu trên cái hiệu sừng trâu, ngoảnh mặt vào vách mà ngáy.

(Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

Các câu (2), (3), (4), (5), (6) cùng chung thành phần chủ ngữ: “có người”.

Ví dụ:

(1) Ngoài đường có tiếng chó sủa xô xát. (2) Rồi tiếng roi quật vào vách đèn đẹt. (3) Rồi tiếng người hỏi dữ dội.

(Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

Câu (2), (3) cùng chung liên ngữ “rồi”.

+ Phát ngôn (câu) được tách ra từ một vế trong câu ghép

Ví dụ:

(1) Chúng ta chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi, đồng thời cũng phải chống thói ba hoa. (2) Vì thói này cũng hại như hai thói kia. (3) Vì ba thói thường đi đôi với nhau. (4) Vì thói ba hoa còn tức là bệnh chủ quan và bệnh hẹp hòi chưa khỏi hẳn.

(Hồ Chí Minh)

Câu (2), (3), (4) được tách ra từ vế của câu ghép.

1.2.2. Các phương tiện liên kết và phương thức liên kết lặp

a) Các phương tiện liên kết

“Phương tiện liên kết chính là các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng làm công cụ để thể hiện liên kết” [8, 143]. Hay nói cách khác, yếu tố vật chất dùng để làm công cụ liên kết giữa các câu trong văn bản là phương tiện liên kết. Theo đó, liên kết trong văn bản sử dụng được tất cả các phương tiện liên kết thuộc các phương thức liên kết bao gồm: phương thức lặp, phương thức nối, phương thức thế, phương thức tuyến tính, phương thức liên tưởng,... Các phương tiện liên kết gồm ba nhóm cơ bản: phương tiện ngữ âm, phương tiện từ vựng và phương tiện ngữ pháp.

- Phương tiện ngữ âm

Phương tiện ngữ âm bao gồm vần, nhịp điệu và số lượng âm tiết. Nó thường được dùng để liên kết các câu và đoạn trong văn bản thơ, đồng thời có tác dụng tạo ra tính nhạc và khơi gợi cảm xúc cho văn bản. Ví dụ:

Ao thu lạnh lẽo, nước trong veo

Một chiếc thuyền câu, bé tẻo teo

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí

Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo

(Thu điếu, Nguyễn Khuyến)

Các yếu tố ngữ âm được sử dụng trong 4 câu trên là vần “eo” trong các từ *lễo/ veo/ teo/ vèo*, nhịp 4/3, số lượng âm tiết là 7.

- Phương tiện từ vựng

Các thực từ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, đại từ chính là các yếu tố được dùng làm phương tiện từ vựng để liên kết. Ví dụ:

*(1) Từ đó, oán nặng thù sâu, hàng năm **Thủy Tinh** làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh **Sơn Tinh**. (2) Nhưng năm nào cũng vậy, vị **thần nước** đánh một mối, chán chê vẫn không thắng nổi **thần núi** để cưới Mị Nương, đành rút quân.*

(Huỳnh Lí)

Nhờ có các từ *thần nước, thần núi* mà câu (2) liên kết với câu (1). *Thần nước, thần núi* ở câu (2) lần lượt thay thế cho từ *Thủy Tinh, Sơn Tinh* ở câu (1).

- Phương tiện ngữ pháp

Các yếu tố ngữ pháp như hư từ, cấu trúc câu, quan hệ hình tuyến giữa các đơn vị ngôn ngữ cũng góp phần liên kết các thành phần trong văn bản. Ví dụ:

(1) Những thím chích choè nhanh nhẩu. (2) Những chú khướu lắm điều. (3) Những anh chào mào đom đóm. (4) Những bác cu gáy trầm ngâm.

(Nguyễn Kiên)

Các câu (1), (2), (3), (4) sử dụng cấu trúc câu “Chủ ngữ + Vị ngữ” làm phương tiện liên kết.

Ngoài ra, tỉnh lược cũng là phương tiện ngữ pháp giúp liên kết các câu trong văn bản. Ví dụ:

(1) Hai người qua đường đuổi theo nó. (2) Rồi ba bốn người, sáu bảy người.

(Nguyễn Công Hoan)

Vị ngữ của câu (2) bị tỉnh lược, do đó người đọc muốn hiểu được nghĩa phải đọc lại câu (1). Sự hồi cố này làm cho câu (2) liên kết chặt chẽ với câu (1).

b) Phương thức liên kết lặp

* Khái niệm “phương thức liên kết”

“Phương thức liên kết (cách thức, biện pháp, phương pháp) là biện pháp sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để liên kết” [8, 144].

Trong số các phương thức liên kết (phép thế, phép nối, phép tỉnh lược,...), phép lặp là phép liên kết rất phổ biến trong các văn bản.

* Khái niệm “phương thức lặp”

“Phương thức lặp là biện pháp sử dụng trong câu yếu tố ngôn ngữ đã xuất hiện ở câu trước để liên kết” [8, 144]. Phương thức lặp có 3 kiểu sau:

- Lặp ngữ âm

Yếu tố được lặp là các phương tiện ngữ âm: vần, số lượng âm tiết. Lặp ngữ âm thường được sử dụng trong thơ ca để tạo ra nhịp điệu và âm hưởng cho tác phẩm. Ví dụ:

- (1) Con cò mà đi ăn **đêm**,
(2) Đậu phải cành **mềm** lộn cổ xuống **ao**.
(3) Ông ơi, ông vớt tôi **nao**,
(4) Tôi có lòng **nào** ông hãy **xáo** măng.

(Ca dao)

Phương thức lặp ngữ âm được thể hiện ở lặp vần giữa mỗi câu ca dao. Vần *ao* trong câu (2) được lặp lại ở câu (3) và câu (4) trong các tiếng *nao*, *nào*, *xáo*; vần *êm* trong tiếng *đêm* ở câu (1) được lặp lại ở câu (2) trong tiếng *mềm*.

- Lặp từ vựng

Lặp từ vựng là dạng thức liên kết phổ biến nhất trong văn bản. Đây là phương thức lặp lại các yếu tố từ vựng (từ, cụm từ) đã xuất hiện trước đó trong văn bản để tạo ra sự liên kết giữa các câu, đoạn hay toàn bộ văn bản. Ví dụ:

- (1) Gậy **tre**, chông **tre** chống lại sắt thép của quân thù. (2) **Tre** xung phong vào xe tăng, đại bác. (3) **Tre** giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ

đồng lúa chín. (4) **Tre** hi sinh để bảo vệ con người. (5) **Tre**, anh hùng lao động!
(6) **Tre**, anh hùng chiến đấu!

(Thép Mới)

Từ *tre* trong câu (1) được lặp lại ở câu (2), (3), (4), (5), (6).

Các từ ngữ có khi được lặp liên tục hoặc lặp cách quãng. Ví dụ:

(1) **Một bếp lửa** chòn vòn sương sớm

(2) **Một bếp lửa** ấp iu nồng đượm

(3) **Cháu thương bà biết mấy nắng mưa**

(Bằng Việt)

Lặp từ vựng là phương thức ngữ pháp quan trọng để liên kết chủ đề. Tuy nhiên, không nên lạm dụng phương thức này, bởi sẽ dễ dẫn đến lỗi lặp từ và làm cho văn bản nặng nề, nhàm chán. Phương thức này được sử dụng phổ biến trong văn bản hành chính và văn bản khoa học để bảo đảm tính chính xác cao.

Ví dụ:

(1) **Căn cứ** Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

(2) **Căn cứ** Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

(3) **Căn cứ** Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018

(Trích Nghị định 116/2020/NĐ-CP)

Từ *căn cứ* trong câu (1) được lặp lại ở câu (2), (3).

- Lặp ngữ pháp

Lặp ngữ pháp là kiểu lặp mà yếu tố được lặp là các thành phần câu, vế câu hoặc cả một câu. Lặp ngữ pháp mang lại tính mạch lạc, logic cho văn bản. Phương thức này thường được sử dụng phối hợp với phương thức lặp từ vựng.

Ví dụ:

(1) *Hoa vạn thọ thì đôn hậu.* (2) *Hoa đào thì duyên dáng và khôi ngô.*

(Nguyễn Chí Trung)

Câu (1), (2) có cùng cấu trúc “Chủ ngữ + Vị ngữ”.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1 chúng tôi đã trình bày những khái niệm liên quan đến văn bản và những đặc trưng của văn bản như tính mạch lạc, tính liên kết, tính khả phân. Và đặc biệt chúng tôi đã trình bày khái niệm về phép lặp và các kiểu lặp. Đây là cơ sở lí thuyết quan trọng để chúng tôi tiến hành nghiên cứu nội dung trong chương 2.

Chương 2

PHÉP LẬP TRONG TẬP THƠ *AI DẬY SỚM* CỦA VÕ QUẢNG

2.1. Giới thiệu về tác giả Võ Quảng và tập thơ *Ai dậy sớm*

2.1.1. Vài nét về Võ Quảng

Võ Quảng (1/3/1920 – 15/6/2007) sinh ra tại xã Đại Hòa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình có truyền thống nho giáo trung lưu. Có thể nói Võ Quảng là một nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam nói chung và nền văn học thiếu nhi nói riêng. Niềm đam mê văn học của ông được thừa hưởng từ người cha ưu tú của mình là một nhà nho có lòng say mê với văn học. Ông tham gia cách mạng từ khi còn trẻ, bị chính quyền Pháp bắt giam vào năm 1941. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Võ Quảng được phân công giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính Đà Nẵng. Ba năm sau, ông được bổ nhiệm làm Phó Chánh án Tòa án Quân sự miền Nam Việt Nam, rồi tiếp tục đảm nhận vai trò Hội thẩm nhân dân tại Tòa án nhân dân liên khu V. Trong suốt chín năm đầu của nền Dân chủ Cộng hòa, ông đã chứng minh được năng lực của mình trên cả hai lĩnh vực: hành chính và pháp lí. Sau Hiệp định Genève năm 1954, khi tập kết ra Bắc ông được giao nhiệm vụ tại Ban Nhi đồng Trung ương, phụ trách văn học thiếu nhi, đồng thời là một trong những người sáng lập Nhà xuất bản Kim Đồng, nơi ông đã đóng góp to lớn vào sự phát triển văn học cho thiếu nhi. Ngoài công tác tại Nhà xuất bản Kim Đồng, Võ Quảng còn làm Giám đốc Xưởng phim hoạt hình Việt Nam và giữ nhiều chức vụ quan trọng khác như Chủ tịch Hội đồng Văn học thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam từ 1971 đến khi về hưu. Năm 2007, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Ông không chỉ sáng tác thơ dành cho thiếu nhi mà ông còn viết văn xuôi và sáng tác kịch bản. Sự nghiệp sáng tác của ông bắt đầu ngay từ khi ông còn là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, có lẽ bởi vậy mà thơ ông đã sớm có vị trí trong lòng người đọc. Võ Quảng luôn mang tâm niệm sâu sắc rằng phải dành cho con trẻ những gì đẹp đẽ và tinh khiết nhất ngay từ khi các em bước

vào đời. Cả cuộc đời ông đã sống trọn vẹn với lời tâm sự ấy – bằng chính nhân cách sống và bằng những trang viết thấm đẫm tình yêu thương, trí tuệ, và sự tinh tế dành cho tuổi thơ. Văn chương của ông là kết tinh của tài năng và tâm hồn, là món quà trong trẻo ông gửi gắm đến các thế hệ thiếu nhi.

Không chỉ dừng lại ở sáng tác thơ văn, Võ Quảng còn viết nhiều bài tiểu luận, phê bình văn học, chia sẻ kinh nghiệm sáng tác văn học thiếu nhi. Những công trình này đã góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển nền văn học dành cho thiếu nhi Việt Nam trong thời kỳ mới. Có thể kể tới một số sáng tác sau:

* Những tác phẩm tiêu biểu về thơ:

- *Gà mái hoa (1957), Ai dậy sớm (1960), Thấy cái hoa nở (1962), Năng sớm (1965), Anh Đom Đóm (1970), Măng tre (1971), Ên hát và đu quay (in chung - 1972),...*

* Những tác phẩm tiêu biểu về truyện:

- *Cái Thằng (1961), Chỗ cây đa làng (1964), Cái mai (1967), Những chiếc áo ấm (1970), Quê nội (1973), Bài học tốt (1975),...*

* Những bài viết tiêu biểu về tiểu luận - phê bình:

- *Chung quanh vấn đề sáng tác văn thơ cho thiếu nhi, Làm thơ cho thiếu nhi, Truyện đồng thoại cho thiếu nhi, Thơ cho thiếu nhi, Nói về ngôn ngữ văn học đi vào nhà trường.*

2.1.2. Giới thiệu về tập thơ *Ai dậy sớm*

Nói tới Võ Quảng, không thể không nhắc tới tập thơ *Ai dậy sớm* – một trong những tác phẩm đặc sắc dành cho thiếu nhi Việt Nam. Xuất bản lần đầu vào những năm 1960, tập thơ đã gây ấn tượng sâu sắc đối với độc giả nhờ vào ngôn từ và hình ảnh thơ vô cùng thân thuộc nhưng trong sáng, vui tươi. Võ Quảng từng nói: “*Viết cho thiếu nhi là tình yêu và lẽ sống của tôi*” [22]. Ông luôn tâm niệm mình là một nhà giáo dục, cả cuộc đời dành trọn vẹn “*những gì đẹp đẽ nhất, tinh khiết nhất cho thiếu nhi*” [22]. Chính vì vậy, những bài thơ

ông viết cho thiếu nhi vốn không chỉ nhằm giải trí mà còn chứa đựng nhiều thông điệp ý nghĩa. Ông khéo léo lồng ghép các giá trị đạo đức như lòng yêu thương, sự trung thực, tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước vào trong từng bài thơ, giúp trẻ nhỏ hình thành những phẩm chất tốt đẹp từ khi còn nhỏ. Tính cách và thế giới quan của trẻ em cũng vì vậy mà được bồi đắp qua những vần thơ giản dị mà sâu sắc của ông.

Tập thơ *Ai dậy sớm* bao gồm 29 bài thơ, với các chủ đề, đề tài chủ yếu xoay quanh thế giới tự nhiên và những hình ảnh quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của trẻ em như: *Anh Đom Đóm*, *Đàn bồ chao*, *Gió*, *Con Bê lông vàng*, *Chị Chối Tre*... Các bài thơ này đã giúp các em mở ra một không gian tưởng tượng phong phú, nơi mà các em có thể dễ dàng nhận diện và bắt gặp những nhân vật, sự vật quen thuộc trong đời sống. Những hình ảnh này được miêu tả rất gần gũi, dễ hiểu và có sức gợi hình, gợi cảm mạnh mẽ, tạo ra sự thích thú, tò mò và khơi dậy trí tưởng tượng của trẻ em. Qua đó, tập thơ không chỉ mang đến niềm vui, sự phấn khích mà còn giúp trẻ em yêu hơn và hiểu rõ hơn về thiên nhiên, cuộc sống.

Ngoài vai trò giải trí, tập thơ *Ai dậy sớm* còn đóng góp một vai trò quan trọng trong việc giáo dục tinh thần và nhân cách của trẻ em. Những nhân vật trong các bài thơ, từ các loài động vật đến các sự vật vô tri xung quanh, không chỉ là những hình ảnh sinh động mà còn là những người bạn đồng hành trong hành trình giáo dục tâm hồn trẻ em, giúp các em phát triển khả năng quan sát, nhận thức và đánh giá thế giới.

Tập thơ *Ai dậy sớm* cuốn hút người đọc không chỉ bởi thế giới tuổi thơ trong trẻo mà còn ở nghệ thuật biểu đạt tinh tế. Bên cạnh các biện pháp nghệ thuật như so sánh, nhân hoá,...; phép lặp được Võ Quảng vận dụng khéo léo góp phần làm tăng nhạc tính cho câu thơ và gắn kết mạch cảm xúc, giúp khắc sâu bài thơ trong tâm hồn trẻ nhỏ.

2.2. Khảo sát thống kê các kiểu lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm*

2.2.1. Lặp ngữ âm

Sau khi khảo sát, chúng tôi nhận thấy phép lặp ngữ âm được tác giả sử dụng trong tất cả các bài thơ. Tuy nhiên mức độ sử dụng phép lặp ngữ âm có sự khác nhau. Nhiều bài thơ sử dụng phép lặp vần. Nhiều vần được lặp đi lặp lại trong bài. Điều này còn phụ thuộc vào độ dài ngắn của bài thơ.

Ví dụ:

Bài thơ *Mầm Non* có 7 vần được lặp lại. Đó là các vần: “o, im, a, anh, ăng, êu, ơi”.

Bài thơ *Chị Chối Tre* có 7 vần được lặp lại. Đó là các vần: “e, ay, o, a, ang, ung, ưa”.

Bài thơ *Những nghệ sĩ* có 28 câu thơ, trong đó có 7 vần thơ được lặp lại. Đó là các vần: “i, ao, it, ơi, iêu, anh, at”.

Bài thơ *Một làn nước mát* có 24 câu thơ, trong đó có 5 vần thơ được lặp lại. Đó là các vần : “ao, ac, uc, a, ây”.

Bài thơ *Quả đỏ* có 8 câu thơ, trong đó có 3 vần thơ được lặp lại ở 6 câu thơ. Đó là các vần: “ai, ơi, ang” trong các câu thơ (2), (3), (4), (5), (6), (7).

Hầu hết các vần thơ trên được tác giả sử dụng lặp đi lặp lại ở cuối câu thơ. Đó chính là các vần chân.

- (1) Những quả chín đỏ
- (2) Hát dưới nắng mai.
- (3) Những chùm quả sai
- (4) Cười trong nắng mới.

- (5) Đàn chim bay tới
- (6) Cát tiếng reo vang:
- (7) - Ôi chao! Mùa màng
- (8) Năm nay tốt quá!

(Quả đỏ)

Bài thơ *Phải chung màu lại* có 50 câu thơ, trong đó có 15 vần được lặp lại. Đó là các vần: “*a, anh, ai, ăp, au, o, u, e, ơ, ang, iêc, on, ưc, uc, ưng*”.

Song cũng có những bài thơ ít sử dụng phép lặp vần. Ví dụ:

Bài thơ *Bờ tre làng*, có 14 câu nhưng chỉ có 2 vần được lặp lại. Đó là vần *ua* được sử dụng lặp trong câu thơ số (8), (9) và vần *u* được sử dụng lặp lại trong câu (12), (13).

Ngoài ra phép lặp ngữ âm còn được thể hiện thông qua việc lặp số lượng âm tiết trong từng bài thơ. Vì viết cho trẻ em nên hầu hết các bài thơ của Võ Quảng là thơ 3, 4, 5 âm tiết. Số âm tiết, tiếng này được duy trì suốt từ đầu đến cuối bài thơ như các bài: *Mầm Non, Cây tre, Ai dậy sớm*. Đây là cách lặp liên tục, nối tiếp.

Tuy nhiên, cũng có bài có sự kết hợp lặp 3 âm tiết với 4 âm tiết, 2 với 3 âm tiết. Đây là cách lặp cách quãng như bài: *Chị Chổi Tre, Bốn người*.

2.2.2. Lặp từ vựng

Lặp từ vựng cũng là một biện pháp liên kết được sử dụng phổ biến ở tất cả các bài thơ trong tập *Ai dậy sớm*. Không có một bài thơ nào không sử dụng phép lặp từ vựng.

* Về vị trí lặp: Từ vựng được lặp lại thường có vị trí ở cuối, đầu hoặc giữa câu thơ.

Ví dụ:

+ Từ được lặp lại ở cuối câu thơ

- (1) Cốc, cốc, cốc!
- (2) Ai gọi đó?
- (3) Tôi là *Thỏ*
- (4) Nếu là *Thỏ*
- (5) Cho xem tai

(Mời vào)

+ Từ được lặp lại ở đầu câu thơ

- (27) Chị Chổi Tre
- (28) Bước vào nhà
- (29) Lấy khăn ra
- (30) Bịt vào mũi
- (31) Và chị Chổi
- (32) *Quét* roạc, roạc
- (33) *Quét* xó bếp
- (34) *Quét* gầm giường

(Chị Chổi Tre)

Hoặc cũng có khi, từ được lặp lại đứng giữa câu thơ:

- (1) Mặt trời gác núi
- (2) Bóng tối lan dần
- (3) Anh Đóm chuyên cần
- (4) Lên đèn *đi* gác
- (5) Theo làn gió mát
- (6) Đóm *đi* rất êm
- (7) *Đi* suốt một đêm
- (8) Lo cho người ngủ.

(Anh Đóm Đóm)

* Về mặt từ loại: Từ được lặp có thể là danh từ, động từ, tính từ...

+ Từ được lặp là danh từ. Ví dụ như danh từ “*Gió*” trong đoạn thơ sau:

- (33) Mọi việc chu tất
- (34) *Gió* mới nghỉ ngơi
- (35) *Gió* vào im hơi
- (36) Trong cây ngủ thiếp

(Gió)

+ Từ được lặp là động từ. Ví dụ như động từ “*thổi*” trong đoạn thơ sau:

- (13) Vượt qua khó nhọc
- (14) Gió học thành công
- (15) *Thổi* vào cây thông
- (16) Thông reo vì vút
- (17) *Thổi* vào cây mít
- (18) Mít nổi ào ào
- (19) Vỗ sóng xôn xao
- (20) *Thổi* còi huýt huýt

(*Gió*)

+ Từ được lặp là tính từ. Ví dụ như tính từ “*cay cay*” trong đoạn thơ sau:

Chị Chối Tre/ Bước ra hè/.... Bụi tung bay/ Bụi *cay cay*/ Xông vào mũi...
Chị Chối Tre/ Bước ra đàng/... Bụi tung bay/ Bụi *cay cay*...

(*Chị Chối Tre*)

+ Từ được lặp là phụ từ chỉ số lượng từ. Ví dụ như từ “*những*” trong đoạn thơ sau đây:

- (1) *Những* quả chín đỏ
- (2) Hát dưới nắng mai
- (3) *Những* chùm quả sai
- (4) Cười trong nắng mới

(*Quả đỏ*)

+ Từ được lặp là đại từ. Ví dụ như đại từ “*chúng*” trong đoạn thơ sau:

- (5) Đàn bồ chao luôn miêng
- (6) Hú hí ngoài cây rơm
- (7) *Chúng* nhảy nhót lơn ton
- (8) Rồi tung bay đi tuốt
- (9) *Chúng* bay xa mất hút

(*Đàn bồ chao*)

+ Từ được lặp là phụ từ. Ví dụ như từ “*lại*” trong đoạn thơ sau đây:

- (9) Chúng bay xa mắt hút
- (10) Đến đậu ở cây rom
- (11) *Lại* nhảy nhót lơn tơn
- (12) *Lại* bay xa đi tuốt

(Đàn bồ chao)

* Về cách thức lặp: Nhà thơ sử dụng phép lặp từ đứt quãng hoặc liên tục.

+ Lặp đứt quãng: từ “*Mầm Non*” trong bài thơ *Mầm Non*

- (1) Dưới vỏ một cành bàng
- (2) Còn một vài lá đỏ
- (3) Một *Mầm Non* nho nhỏ
- (4) Còn nằm nép lặng im
- (5) *Mầm Non* mắt lim dim
- [....]
- (23) *Mầm Non* vừa nghe thấy
- (24) Vội bật chiếc lá rơi

(*Mầm Non*)

+ Lặp liên tục: từ “*như*” được lặp lại ở câu thơ (28), (29)

- (25) Từng bước, từng bước
- (26) Vung ngọn đèn lồng
- (27) Anh Đóm quay vòng
- (28) *Như* sao bùng nở
- (29) *Như* sao rực rỡ

(*Anh Đóm Đóm*)

2.2.3. Lặp ngữ pháp

Trong tập thơ chỉ có 3 bài không sử dụng phép lặp ngữ pháp. Đó là các bài: *Cùng vui chơi*, *Vì sao Thông vì vu*, *Chú voi con*. Còn lại 26 bài đều sử dụng phép lặp ngữ pháp.

Phép lặp ngữ pháp thường được sử dụng kết hợp với phép lặp từ vựng.

Phép lặp ngữ pháp được sử dụng linh hoạt ở cả ba vị trí: đầu, giữa, cuối bài thơ. Cấu trúc được lặp có thể là câu đơn đầy đủ 2 thành phần chủ ngữ, vị ngữ. Hoặc cũng có thể là các thành phần chức năng: chủ ngữ, vị ngữ,... được cấu tạo là các cụm từ (cụm danh từ, cụm động từ,...)

Ví dụ:

(31) Và chị Chối

(32) Quét roạc, roạc!

(33) Quét xó bếp

(34) Quét gầm giường

(Chị Chối Tre)

Ở ví dụ trên, cụm động từ có cấu trúc “Động từ + Bỏ ngữ” đóng vai trò vị ngữ được lặp lại ở câu (32), (33), (34). Đi liền với phép lặp cấu trúc này là cách sử dụng phép lặp động từ, cụ thể trong trường hợp này là động từ “Quét”.

2.3. Vai trò của phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm*

2.3.1. Phép lặp góp phần duy trì đề tài, chủ đề của tác phẩm

Đề tài và **chủ đề** là những khái niệm quan trọng trong nội dung của một tác phẩm văn học. Khi đọc bất kỳ tác phẩm nào, người đọc đều bắt gặp những hình ảnh sống động, cụ thể về con người, cảnh vật, tâm trạng... Đề tài chính là phạm vi được miêu tả trực tiếp trong tác phẩm. Phạm vi này rất phong phú và đa dạng, có thể bao gồm cả con người, động vật, cây cỏ, đồ vật, thậm chí cả thế giới thần thoại, ma quái, hay những câu chuyện về quá khứ hoặc viễn tưởng về tương lai.

Chủ đề là vấn đề trung tâm, quan trọng nhất mà tác phẩm văn học tập trung phản ánh và triển khai, được hình thành từ đề tài nhưng mang chiều sâu tư tưởng, thể hiện cái nhìn, quan niệm và lí tưởng thẩm mỹ của nhà văn. Nếu đề tài gắn với hiện thực khách quan thì chủ đề là sự khái quát mang tính tư tưởng, là sự thống nhất giữa hiện thực và chủ quan sáng tạo. Chủ đề không tồn tại độc lập mà được hình thành qua quá trình cảm nhận, tích lũy và khái quát từ

đời sống, sau đó thể hiện sinh động qua hình tượng nghệ thuật. Cùng một đề tài, mỗi nhà văn có thể khai thác những chủ đề khác nhau tùy thuộc vào tài năng và quan điểm. Một số tác phẩm tiêu biểu như *Truyện Kiều*, *Tắt đèn*, *Chí Phèo*, *Vợ nhặt*, *Mùa lạc*... đã thể hiện những chủ đề lớn như số phận con người, khát vọng sống, phẩm giá, sự đổi thay của con người trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Về mặt liên kết, để duy trì chủ đề, đề tài trong văn bản, chúng ta thường sử dụng các phép liên kết sau: Lặp từ vựng; Thế đồng nghĩa; Thế đại từ; Tỉnh lược. Với các phương thức liên kết này, có thể tạo ra được đề tài, chủ đề đồng nhất, cũng tức là duy trì được chủ đề, đề tài qua số chuỗi câu liên kết với nhau.

Trong số các phép liên kết trên, phép lặp từ vựng có ưu thế rất lớn trong việc góp phần duy trì đề tài, chủ đề của văn bản nói chung và các văn bản thơ trong tập *Ai dậy sớm* nói riêng.

Tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng bao gồm 29 bài thơ, chúng tôi tạm thời chia các bài thơ trên theo 5 nhóm đề tài trong bảng sau:

Bảng 2.1: Bảng phân chia các bài thơ trong tập thơ *Ai dậy sớm* theo đề tài

TT	Đề tài	Bài thơ
1	Các hiện tượng tự nhiên	(1) Gió (2) Cùng vui chơi (3) Một làn nước mát (4) Bốn người (5) Anh Nắng sớm (6) Biết phải làm gì (7) Chân mưa (8) Nắng ấm (9) Ráng chiều đi đâu? (10) Ngàn sao làm việc
2	Thế giới các loài vật	(1) Đàn bồ chao

		(2) Anh Đom Đóm (3) Cóc và Châu Chấu Voi (4) Cò biết ở sạch (5) Chú voi con (6) Phải chung màu lại (7) Báo mưa (8) Mời vào (9) Con bê lông vàng (10) Thỏ con (11) Chú Chấu Chàng (12) Những nghệ sĩ
3	Cây cối	(1) Mầm Non (2) Quả đỏ (3) Vì sao Thông vì vu (4) Bò tre làng (5) Cây tre
4	Đồ vật	(1) Chị Chổi tre
5	Con người	(1) Ai dậy sớm

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, cả 29 bài thơ nói trên đều sử dụng phép lặp từ vựng.

Trong số những bài thơ viết về các hiện tượng tự nhiên, có nhiều bài thơ được tác giả sử dụng phép lặp từ vựng như: *Gió*, *Anh Nắng sớm*, *Nắng ấm*, *Ráng chiều đi đâu?*, ... Việc lặp lại các từ vựng thường không liên tục.

“**Gió** có nhiều bạn.../Tặng **gió** chiếc sáo/...Dạy cho **gió** học/...**Gió** học thành công/...**Gió** gửi tiếng lòng.../**Gió** mới nghỉ ngơi/**Gió** vào im hơi” (**Gió**).

Bài thơ *Gió* nói về một hiện tượng tự nhiên rất quen thuộc trong đời sống hằng ngày của con người: gió. Để duy trì được đề tài này trong bài thơ, Võ

Quảng 7 lần nhắc đến từ “Gió”. Thông qua đó, tác giả giúp các em dễ dàng nhận biết về đặc điểm của một hiện tượng tự nhiên. Không nhìn thấy gió nhưng các em thấy cây thông reo vi vu, cây mít nổi ào ào, sóng vỗ xôn xao...đấy là ngọn gió. Tiếng gió thổi như tiếng đàn ghi ta, tiếng đàn nguyệt, tiếng nhị, tiếng mẹ ru lúc dặt dìu, lúc tha thướt, lúc cao, lúc thấp, lúc đục, lúc trong. Gió gọi mùa xuân về, gọi mầm non thức giấc. Công việc của gió thật có ích biết bao. Nhưng để có được thành công đó, gió đã phải vượt qua bao khó nhọc, chăm chỉ, học hành. Cho nên các em hãy cố gắng chăm chỉ giống như chị gió. Rồi một ngày, các em cũng sẽ thành công.

Đến với bài thơ *Anh Năng sớm*, các em lại bắt gặp vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời khi “*vùng đông xòe cánh quạt*”. Bài thơ nói về “công việc” hằng ngày của “anh Năng sớm”. Khi nắng lên, vạn vật bừng tỉnh. Ánh nắng vàng trải rộng đến đâu, vạn vật ngập tràn sức sống đến đó. Năng sớm làm cho giọt sương nhỏ trở nên long lanh như kim cương đọng trên cỏ cây, hoa lá. Năng sớm trải vàng đồi nương, rắc bạc trên làn sóng. Năng sớm gọi chồi non, lộc biếc vươn dậy. Năng sớm cũng làm lúa chín vàng trải rộng sân kho, nhà gạch. Năng sớm cũng làm vườn cây tỏa hương thơm mật ngọt đi khắp muôn nơi. Để duy trì đề tài về ánh nắng ban mai, trong bài thơ, có 4 lần tác giả nhắc đến cụm từ “Năng sớm”.

“...*Anh Năng sớm* nhô lên/*...Năng sớm* sợ làm mát/*...Năng sớm* tỏa hơi ấm/*...Năng sớm* vào ngồi chơi” (*Anh Năng sớm*).

Ai trong chúng ta cũng đều nhìn thấy ánh nắng nhưng để cung cấp những hiểu biết một cách giản dị, dễ hiểu về vẻ đẹp, vai trò của ánh nắng ban mai cho trẻ em thì có lẽ bài thơ *Anh Năng sớm* của Võ Quảng đã làm được.

Cũng giải thích về vẻ đẹp của các hiện tượng tự nhiên, bài thơ *Ráng chiều đi đâu?* lại mang đến cho các em những trải nghiệm thú vị.

“...*Tỏa ráng đỏ chiều hôm/...Vậy ráng chiều* đột ngột/*...Ráng* chui vào cành cây/*...Ráng* chui vào cành bàng/*... Ráng* chui vào bông lúa” (*Ráng chiều đi đâu?*).

Với cách lặp đi lặp lại 5 lần từ “*ráng*”, bài thơ đã có sự duy trì được đề tài. Mỗi buổi chiều mùa hè, khi ông mặt trời chuẩn bị tắt nắng lặn xuống, chúng ta lại thấy chân trời bỗng dưng đỏ rực pha chút ánh vàng. Đó chính là ráng chiều. Nhưng sau đó trời lại trở nên tối mịt. Vậy ráng đã đi đâu mất rồi? Bằng con mắt xanh non của trẻ thơ, Võ Quảng đã giải thích: Ráng chiều “chui vào” cành cây nên hoa có màu đỏ, màu vàng, quả có màu chín đỏ; Ráng chiều “chui vào” cành bàng làm lá bàng “đỏ như lửa”; Ráng chiều “chui vào” bông lúa làm bông lúa chín vàng, hương thơm lan tỏa khắp nơi. Thì ra, “ráng chiều” không biến mất, nó đã ở lại trong quả, trong cây, trong bông lúa mảy bông trĩu hạt.

Thông qua duy trì đề tài, chủ đề bài thơ cũng được bộc lộ và duy trì từ đầu đến cuối, tạo nên tính mạch lạc cho nội dung toàn văn bản. Qua việc miêu tả làn gió, ánh nắng sớm ban mai, ráng chiều, nhà thơ muốn mang tới cho các em vẻ đẹp diệu kì của thiên nhiên tươi đẹp. Từ đó gửi tới các em bài học về sự chuyên cần chăm chỉ trong lao động, về tình yêu quê hương đất nước.

Phép lặp từ vựng không chỉ được sử dụng trong các bài thơ viết về các hiện tượng tự nhiên mà còn được sử dụng trong khá nhiều bài thơ viết về các loài vật, cây cối, đồ vật.

Trong số đó phải kể đến bài thơ *Chú voi con*. Nếu như Đom Đóm trong bài thơ *Anh Đóm Đóm* tuy là con vật nhỏ bé nhưng sống một cuộc đời thật ý nghĩa thì chú voi con trong bài thơ *Chú voi con* bằng sự chăm chỉ luyện tập thể dục thể thao của mình lại mang tới cho các em lời khuyên làm thế nào để có sức khỏe thật tốt. Bài thơ viết về việc đi khám sức khỏe của chú voi con. Bác sĩ nhà trẻ khám sức khỏe tổng thể định kì cho voi con. Voi con được bác sĩ kiểm tra từng bộ phận rất kĩ: khám họng, khám tim, khám khuỷu chân, khám bụng, nắn hông, thử máu, đo nước giải. Kết luận cuối cùng “*Sức khỏe voi ta/ Còn hơn bò tót*”. Vậy bí quyết của voi con là gì: “*Hỏi voi bí quyết/ Sức khỏe nhờ đâu?/ Voi cười bấy lâu/ Tôi chăm thể dục!*”. Một bài thơ viết về đề tài thật dễ thương và chủ đề cũng thật hấp dẫn đáng yêu. Bài thơ là lời ngợi khen về sức khỏe của chú voi con đồng thời khuyên các em hãy chăm chỉ luyện tập thể dục thể thao

để có sức khỏe thật tốt như chú voi con ngộ nghĩnh, hồn nhiên này. Đây là chủ đề thật sự cần thiết với trẻ em. Để góp phần duy trì đề tài, chủ đề nêu trên, bài thơ lặp lại 7 lần từ “voi”, 3 lần từ “sức khỏe”, 2 lần từ “khám”.

Không chỉ viết về các loài vật, Võ Quảng còn viết về các loài cây, loại quả gần gũi xung quanh trẻ thơ: cây thông, cây tre, quả đỏ, mầm mon. Ở mỗi bài thơ, trẻ em lại được khám phá, lại có thêm những hiểu biết về thế giới thiên nhiên tươi đẹp.

(1) Buổi sớm lúc sương tan

(2) Bờ tre làng lấp lánh.

(3) Đổ lại đàn cò trắng

(4) Tre như nở bùng hoa

(5) Sáo sậu nổi hát ca

(6) Tre rung rinh trời sáng.

(7) Lời họa mi loáng thoáng

(8) Tre phe phẩy đung đưa

(9) Cu cườm hát giữa trưa

(10) Tre họa lời kiu kịt.

(11) Bờ tre trông đẹp nhất

(12) Đứng giữa ánh trăng thu.

(13) Trăng tròn êm như ru

(14) Treo trên tre lỏng lộng.

(Bờ tre làng)

Cây tre gắn bó thân thuộc từ bao đời nay đối với người dân quê Việt Nam. Ở bất cứ làng quê nào của Việt Nam cũng thấy những rặng tre, bờ tre rì rào trong gió. Tre đã trở thành biểu tượng của con người Việt Nam, cần cù chịu khó. “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”. Mỗi buổi sớm mai thức dậy, “ngọn tre cong gọng vó/ kéo mặt trời lên cao”. Khi mặt trời xuống núi ngủ, “tre nâng vầng trăng lên”. Và đây nữa, bờ tre làng đã trở thành nơi trú ngụ của biết bao nhiêu loài chim. Nào là cò trắng, sáo sậu, họa mi, cu cườm. Mỗi loài chim lại điểm tô cho bờ tre vẻ đẹp riêng, tiếng nói riêng. Từng đàn cò trắng bay về, bờ tre như có hoa bùng nở. Khi sáo sậu ngân nga tiếng hát ấy là lúc trời sáng, bờ tre rung rinh theo điệu nhạc. Khi họa mi thỉnh thoảng cất lời, bờ tre lại “phe phẩy đung đưa”. Khi cu cườm gáy giữa trưa, bờ tre lại đu đưa “kêu kịt”. Bờ tre đã hòa mình với tiếng hót của các loài chim vào những thời gian khác nhau trong ngày. Cho nên lúc nào bờ tre cũng “bận rộn” để đón những vị khách đáng yêu của mình. Nhưng có lẽ về đêm mùa thu, bờ tre trở nên đẹp nhất. Khi trăng thu tròn vành vạnh nhẹ nhàng tỏa ánh sáng êm dịu khắp xóm làng, bờ tre lại dịu dàng nâng đỡ vầng trăng mãi lên cao giữa không gian bao la khoáng đạt. Bài thơ viết về bờ tre làng. Qua đó ca ngợi vẻ đẹp của vùng thôn quê Việt Nam. Đọc bài thơ các em sẽ thêm yêu và tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước dấu yêu của mình. Có nhiều cách khác nhau để duy trì đề tài, chủ đề trong văn bản, trong đó ở bài thơ này một phần sự duy trì đó là nhờ phép lặp từ vựng (từ “tre” được lặp lại 7 lần).

2.3.2. Phép lặp góp phần tạo nên tính nhạc trong thơ

Phép lặp không chỉ duy trì đề tài, chủ đề mà phương thức liên kết này còn góp phần tạo nên tính nhạc trong thơ.

Tính nhạc trong thơ là tính chất của âm thanh trong thơ, là yếu tố âm nhạc tiềm ẩn trong cấu trúc ngôn ngữ thơ. Thơ phản ánh những gì chân thực nhất qua những xúc cảm của tâm hồn. Tính nhạc trong thơ không chỉ là “âm nhạc của tâm hồn” mà còn là “*tiếng nói có nhịp điệu – nhịp điệu của những âm thanh vật chất, của tiếng nói thực tế hòa với nhịp điệu cảm xúc bên trong tâm*”

hồn nhà thơ.” [19]. Tính nhạc trong thơ được tạo nên bởi sự hiệp vần, nhịp điệu ngắt quãng hài hòa, sự phối hợp giữa thanh bằng và thanh trắc, cùng với việc vận dụng các biện pháp nghệ thuật như điệp từ, điệp ngữ, ... (hay chính là biện pháp lặp).

Phép lặp (lặp ngữ pháp kết hợp với lặp từ vựng và lặp ngữ âm) đã trở thành một phương tiện nghệ thuật trong tập thơ *Ai dậy sớm*. Không chỉ đơn thuần là phương tiện liên kết chủ đề, đề tài, phép lặp còn như một nhịp cầu âm thanh vững chắc, tạo nên sự hài hòa, cân đối giữa các vần, nhịp và tiết tấu trong từng khổ thơ, từng bài thơ.

Thơ Võ Quảng đi sâu vào tâm hồn của trẻ không chỉ vì kết cấu ngắn gọn mà còn bằng vẻ vui tươi, ngộ nghĩnh và có sự giao thoa giữa lời thơ và nhạc điệu. Bằng nhạc điệu, ông đã vẽ lên những bức tranh, khung cảnh đời thường gần gũi qua từng vần thơ:

- (1) Ai dậy sớm
- (2) Bước ra nhà,
- (3) Cau ra hoa
- (4) Đang chờ đón!

- (5) Ai dậy sớm
- (6) Đi ra đồng,
- (7) Cả vùng đông
- (8) Đang chờ đón!

- (9) Ai dậy sớm
- (10) Chạy lên đồi,
- (11) Cả đất trời
- (12) Đang chờ đón!

(*Ai dậy sớm*)

Trong bài thơ *Ai dậy sớm*, phép lặp được Võ Quảng sử dụng một cách tinh tế trong cấu trúc, nhạc điệu và thanh âm. Cấu trúc “*Ai dậy sớm*” được lặp lại nguyên vẹn ở đầu mỗi khổ thơ tạo nên nhịp điệu đều đặn. Sự lặp lại này không chỉ đóng vai trò là lời gọi mời, thức tỉnh giục giã “ai dậy sớm” mà còn tựa như một điệp khúc ngân vang. Bên cạnh đó, cấu trúc “Đang chờ đón” lặp lại cuối mỗi khổ mang ý nghĩa khép lại một ý thơ trọn vẹn hay cũng chính là tiếng vang đầy xúc cảm, hồi đáp cho lời gọi mời “ai dậy sớm”.

Nhạc điệu trong bài được thể hiện thông qua sự phối hợp hài hòa giữa nhịp điệu, hiệp vần và thanh. Bài thơ viết theo thể thơ ba tiếng có nhịp 3/3: “*Ai/dậy sớm//Bước ra nhà//Cau ra hoa//Đang chờ đón!//*” kết hợp cùng các thanh bằng cuối câu như: nhà – hoa, đông – đông, đôi – trời tạo nên tiết tấu nhẹ nhàng, dịu êm của buổi sớm thanh bình.

Thông qua phép lặp kết hợp cùng yếu tố nhịp điệu và thanh âm đã tạo nên tính nhạc cho thơ, giúp bài thơ gần gũi với thiếu nhi, dễ thuộc, dễ nhớ. Không một nốt nhạc hiện lên nhưng chính nhờ sự lặp lại ấy, bài thơ dường như là một bài ca rộn ràng ngân xa.

Nhịp điệu tươi vui ấy còn được lan tỏa trong bài thơ *Mời vào*. Những dòng thơ đọc lên mang một âm hưởng hào hứng, rộn ràng:

- (1) Cốc, cốc, cốc!
- (2) Ai gọi đó?
- (3) Tôi là Thỏ.
- (4) Nếu là Thỏ
- (5) Cho xem tai.

- (6) Cốc, cốc, cốc!
- (7) Ai gọi đó?
- (8) Tôi là Nai.
- (9) Thật là Nai

(10) Cho xem gạc.

(11) Cốc, cốc, cốc!

(12) Ai gọi đó?

(13) Tôi là Vạc.

(14) Đúng là Vạc

(15) Cho xem chân.

(16) Cốc, cốc, cốc!

(17) Ai gọi đó?

(18) Tôi là Gió.

(19) Xin mời vào!

(Mời vào)

Âm hưởng đó xuất phát từ sự hài hòa về âm thanh, biểu hiện ở các cấu trúc lặp từ vựng và lặp ngữ pháp. Chỉ bốn khổ thơ nhưng có đến bốn lần lặp ngữ pháp: “*Cốc, cốc, cốc!*”, “*Ai gọi đó?*”, “*Tôi là...*”, “*Cho xem...*” kết hợp với lặp từ vựng: “là”, “Thỏ”, “Nai”, “Vạc”. Phép lặp chạy dọc suốt bài thơ, vừa dẫn dắt mạch thơ, vừa liên kết các khổ thơ và tạo nên độ luyến láy của một bài ca. Lúc này dường như từng vần thơ không chỉ để đọc mà còn để ngân nga, ca hát trong thế giới của trẻ.

Bài thơ viết theo thể thơ ba tiếng và dùng nhịp 3/3: *Cốc! Cốc! Cốc!// Ai gọi đó?// Tôi là Thỏ// Nếu là Thỏ// Cho xem tai//*. Xoay quanh bài thơ là những đối thoại dí dỏm của muôn loài muốn được vào nhà vui đùa cùng bé. Mỗi khổ thơ đều có tiếng gõ cửa “*Cốc, cốc, cốc!*” lịch sự, rộn ràng, lời hỏi đáp “*Ai gọi đó?*” xoay quanh các nhân vật Thỏ, Nai, Vạc, Gió – những nhân vật quen thuộc, đáng yêu với các em. Có lẽ vì thế nên bài thơ *Mời vào* cho đến ngày nay vẫn được ngân nga như một bài đồng dao, dựng thành hoạt cảnh, thành trò chơi cho lứa tuổi thiếu nhi.

Nhịp trong thơ Võ Quảng rất linh hoạt, có những vần thơ tươi vui, rộn ràng, nhưng cũng có những bài thơ mang nhịp chậm, dịu êm, khẽ lắng đọng trong tâm hồn người đọc, người nghe.

- (1) Chuyện kể lại rằng:
- (2) Ngày xưa Sóc đến ở
- (3) Trong hốc một cây thông,
- (4) Ấm áp cả mùa đông...
- (5) Nhưng Sóc thường khó ngủ.
- (6) Nghe khỉ gào, vượn hú
- (7) Là Sóc nổi giật mình,
- (8) Giương to đôi mắt nhìn
- (9) Suốt đêm không chợp mắt!

- (10) Thông vốn rất yêu Sóc,
- (11) Thấy vậy Thông rất lo,
- (12) Thông phải ru nhỏ to
- (13) Vi vu cho Sóc ngủ.

- (14) Cứ theo làn điệu cũ
- (15) Thông ru mãi thành quen,
- (16) Quên ngủ và quên ăn
- (17) Luôn vi vu, ru mãi...

- (18) Thói quen đó truyền lại
- (19) Đến lớp lớp đời sau,
- (20) Như ta thấy ngày nay
- (21) Thông vi vu, vi vút.

(Vi sao Thông vi vu)

Bài thơ có nhịp điệu đều đặn, êm ái như một bài hát ru. Đó là nhờ sự kết hợp hài hòa giữa phép lặp từ vựng: “Sóc”, “Thông”, “vi vu”,... cùng phép lặp ngữ âm như: thông – đông, ngủ - hú – ru – cũ – vu,... tạo nên âm vang nhịp nhàng, nhịp điệu du dương và cảm xúc. Các em có thể cảm nhận được tình yêu thương của cây Thông dành cho Sóc bằng chính trái tim của mình. Bài thơ gieo vào trái tim các em những tình cảm thật trong sáng, hồn nhiên, tinh khiết.

Luôn **vi vu, ru mãi...**

.....

Thông **vi vu, vi vút.**

Phép lặp được sử dụng xuyên suốt qua các khổ thơ nhưng ngay trong bản thân câu thơ cũng có sự lặp lại. Điều này làm cho câu thơ thêm giàu nhạc điệu. Hai câu thơ kết thúc ở cuối mỗi khổ, vang lên như một lời ru êm dịu của cây Thông ru cho Sóc ngủ. Thanh bằng phối hợp cùng thanh trắc đã tạo nên dư âm thiết tha, sâu lắng của một điệu nhạc ru.

Ta còn bắt gặp giai điệu nhẹ nhàng mà dịu êm ấy trong *Bờ tre làng*, vang lên từ lúc sương sớm đến khi trăng tròn lồng lộng:

(1) Buổi sớm lúc sương tan

(2) Bờ tre làng lấp lánh.

(3) Đỗ lại đàn cò trắng

(4) Tre như nở bùng hoa

(5) Sáo sậu nổi hát ca

(6) Tre rung rinh trời sáng.

(7) Lời họa mi loáng thoáng

(8) Tre phe phẩy đung đưa

(9) Cu cườm hát giữa trưa

(10) Tre họa lời kiu kịt.

(11) Bờ tre trông đẹp nhất

(12) Đứng giữa ánh trăng thu.

(13) Trăng tròn êm như ru

(14) Treo trên tre lồng lộng.

(Bờ tre làng)

Bài thơ được viết theo thể thơ 5 tiếng kết hợp cùng nhịp thơ 2/3 và 3/2:
*“Buổi sớm/ lúc sương tan// Bờ tre làng/ lấp lánh// Lời họa mi/ loáng thoáng//
Tre phe phẩy/ đung đưa// Cu cườm/ hát giữa trưa// Tre họa lời/ kiu kịt//...”*.
Phép lặp từ vựng - lặp từ “tre” xuyên suốt bài thơ đã đem lại nhịp điệu ổn định, tạo âm hưởng nhịp nhàng, nhẹ êm của một không gian đồng quê thanh bình.

Việc sử dụng liên tiếp cấu trúc lặp ngữ pháp: “tre + động từ” ở các câu (4), (6), (8), (10) đã giúp hình ảnh tre hiện lên không còn vô tri, vô giác mà trở thành một nhân vật có tâm, có tình. Ở mỗi câu thơ, tre mang một xúc cảm rung động khác nhau. Có khi tre “nở bồng hoa” với đàn cò trắng, “rung rinh” với sáo sậu, “phe phẩy” với họa mi và “họa lời” cùng cu cườm. Hình ảnh tre được lặp lại qua từng nhịp, đan xen như những nốt nhạc trầm trong từng khuôn nhạc, lặng lẽ làm đẹp cho đời mà không mong sự đền đáp.

Nhịp điệu dịu êm ấy cũng được ngân lên trong bài thơ *Gió*. Trong bài thơ bốn tiếng này, Võ Quảng đã khéo léo miêu tả vẻ đẹp tươi mát và hào phóng của *Gió*:

(1) Gió có nhiều bạn,

(2) Có bạn Trúc xanh

(3) Tốt bụng, hiền lành

(4) Tặng Gió chiếc sáo.

(5) Vượt qua khó nhọc

- (6) Gió học thành công,
- (7) Thổi vào cây thông
- (8) Thông reo vi vút!
- (9) Thổi vào cây mít
- (10) Mít nổi ào ào!
- (11) Vỗ sóng xô xao
- (12) Thổi còi huýt huýt!

.....

- (33) Mọi việc chu tất
- (34) Gió mới nghỉ ngơi
- (35) Gió vào, im hơi
- (36) Trong cây ngủ thiếp

(Gió)

Bài thơ *Gió* sử dụng phép lặp từ vựng: “gió”, “tặng”, “thổi” kết hợp với phép lặp ngữ âm khá dày như: xanh – lành, sáo – dạo – rào – xao, cầm – mầm, học – nhọc, công – thông, sa – ta, đến – mền, ru – thu, trong – lòng, ngơi – hơi. Lặp ngữ âm là yếu tố tạo nên sự hòa điệu của ngôn từ, làm cho thơ mang nhịp điệu, âm hưởng và có khả năng cuốn hút người đọc. Có lẽ cũng chính điều này đã góp phần khiến thơ Võ Quảng dễ dàng đi sâu vào tâm trí trẻ thơ.

Trong thơ không thể thiếu yếu tố nhạc điệu, bởi nó không chỉ mang lại sự trầm bổng mà còn làm thơ trở nên dễ thuộc, dễ nhớ. Bài thơ *Gió* được viết theo thể thơ bốn tiếng và có nhịp 2/2: “*Gió học/ thành công// Thổi vào/ cây thông// Thông reo/ vi vút!!! Thổi vào/ cây mít// Mít nổi/ ào ào!!! Vỗ sóng/ xô xao// Thổi còi/ huýt huýt!!!*” kết hợp với việc sử dụng xen kẽ giữa thanh bằng và thanh trắc trong câu đã giúp người đọc cảm nhận bức tranh thiên nhiên như có âm thanh, có tâm hồn.

- (1) Mọi việc chu tất
- (2) Gió mới nghỉ ngơi
- (3) Gió vào, im hơi

(4) Trong cây ngũ thiếp

Nếu bài thơ là một bản ca điệu êm thì khổ thơ cuối như một nốt trầm xao xuyến. Gió lặng lẽ, đồng điệu với thiên nhiên, đồng điệu với tâm hồn các em và vẫn âm thầm cống hiến cho đời. Xuyên suốt bài thơ là nhịp điệu nhẹ nhàng, uyển chuyển: từ sự sẻ chia của Trúc, của Lá Mầm đến sự nỗ lực “*học thành công*” của Gió và rồi Gió mang thành quả ấy làm đẹp cho đời. Trí tưởng tượng khoáng đạt của Võ Quảng đã mang đến cho các em những vần thơ cô đọng mà giản dị như thế.

Trong tập thơ *Ai dậy sớm* nói riêng hay các tác phẩm thơ thiếu nhi nói chung, Võ Quảng đã gieo tính nhạc với một dấu ấn thật riêng trong giọng điệu thơ của mình. Điều đó được thể hiện qua cách hiệp vần, ngắt nhịp, sự tổ chức ngôn ngữ,... Đáng chú ý hơn cả là cách dùng vần trắc của ông: “*Võ Quảng rất sành dùng vần trắc trong thơ*” [7, 39]. Vần trắc vốn có đặc tính âm học dứt khoát, chắc gọn và giàu tính nhạc. Khi được phối hợp liên tục, nó đã tạo nên tiết tấu gấp gáp, mạnh mẽ, góp phần gia tăng nhạc tính trong thơ Võ Quảng.

Những âm thanh quen thuộc như tiếng gõ cửa, quét nhà hay tiếng kêu của muôn loài,... khi kết hợp với nhiều câu từ chứa thanh trắc, đã khiến nhịp điệu trở nên dồn dập hơn, tạo cảm giác tiết tấu liên tục và làm cho người đọc dễ hình dung, dễ cảm nhận bằng các giác quan. Cụ thể khi được sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần trong thơ, vần trắc đã phát huy đúng tác dụng của nó. Đó là tiếng quét sân nhà “*Roặc, roặc, roặc*” của chị Chối Tre (Chị Chối Tre), tiếng gõ cửa lịch sự “*Cốc! Cốc! Cốc!*” của muôn loài (Mời vào),... Nhịp thơ đi cùng vần trắc đã tạo nên sự khỏe khoắn, rộn ràng. Việc sử dụng vần trắc một cách có chủ ý cho thấy Võ Quảng rất giỏi trong việc tổ chức ngôn ngữ, tạo nhịp điệu và hiểu rõ tâm lí cảm thụ thanh âm và tiết tấu của thiếu nhi. Đồng thời, nó cũng khẳng định dụng ý nghệ thuật của ông trong việc xây dựng giọng thơ vừa có nhạc điệu, vừa tràn đầy sức sống.

Nhìn nhận một cách khách quan, tính nhạc không phải là yếu tố tiên quyết, quyết định tất cả đối với bất kì thi phẩm nào. Bởi lẽ, nếu vai trò của tính

nhạc được tuyệt đối hóa thì thơ sẽ mất đi nội dung, giá trị thực và không thể trường tồn cùng dòng chảy của thời gian. Tuy nhiên, không thể phủ nhận hoàn toàn yếu tố này bởi nhạc là thuộc tính của ngôn ngữ thơ, có khi ngôn ngữ thơ không đủ sức để diễn đạt mà phải nhờ vào nhạc điệu thay lời nói hộ. Và trong tập thơ *Ai dậy sớm*, Võ Quảng đã sử dụng rất khéo léo biện pháp lặp, biến nó trở thành yếu tố quan trọng để tạo tính nhạc cho thơ. Giàu nhạc tính là một trong những phẩm chất của thơ hay. Đối với thơ viết cho thiếu nhi, tính nhạc lại càng quan trọng hơn cả. Ở phương diện này, Võ Quảng đã thành công khi gieo nhịp điệu và âm thanh không chỉ qua từng bài thơ mà còn vào tâm hồn của trẻ. Có thể thấy nhạc tính đã chấp cánh cho hồn thơ ông, một hồn thơ hóm hỉnh, đậm thắm, hồn nhiên và đầy ý vị.

2.3.3. Phép lặp góp phần tạo nên tính biểu cảm trong thơ

Thơ không đơn thuần là sự sắp xếp ngôn từ, mà là tiếng vọng của trái tim, là nơi kết tinh những rung động tinh tế và sâu sắc nhất của nhà thơ trước cuộc đời. Không giống như văn xuôi với những lớp lang câu chuyện được sắp đặt chặt chẽ, thơ ca là thế giới của cảm xúc cô đọng và suy tư lặng thầm. Nếu văn xuôi cần đến chiều dài để diễn đạt, thì thơ chỉ cần một vài dòng, đôi khi một hình ảnh, một âm thanh cũng đủ để làm rung lên cả một khoảng trời cảm xúc và tạo ra giá trị biểu cảm rất lớn cho bài thơ.

Chính vì cảm xúc là linh hồn của thơ ca, cho nên trong thơ viết cho thiếu nhi cảm xúc ấy lại càng phải thuần khiết, trong trẻo và phù hợp với thế giới non nớt, tinh khôi của các em. Ý thức sâu sắc được điều đó, thơ văn Võ Quảng không ồn ào triết lí, không tô vẽ cầu kỳ mà lặng lẽ như dòng nước mát lành chảy qua tuổi thơ của bao thế hệ. Ông hiểu rằng trẻ nhỏ không cần những lời hoa mỹ, mà cần một thế giới nơi chúng được tự do khám phá và thỏa sức tưởng tượng. Thơ ông là một bức tranh thiên nhiên sống động với khu vườn bách thú rộng lớn, náo nhiệt, vườn bách thảo xanh mát, tràn ngập sắc hương hoa cỏ, trẻ thơ được “*đắm mình trong những tình cảm chân thật và chan chứa yêu thương*” [20]. Trong tập thơ *Ai dậy sớm*, phép lặp đóng vai trò rất lớn trong việc tạo nên

sắc thái biểu cảm của các bài thơ, giúp tăng thêm sự sinh động, kỳ diệu và đầy hấp dẫn của thế giới thiên nhiên. Từ đó gieo vào trái tim trẻ thơ tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước tươi đẹp.

Mỗi mùa xuân về, thiên nhiên lại bừng dậy trong sức sống căng tràn, những mầm cây non xanh vươn mình trên khắp nẻo đồng quê. Với tâm hồn tinh tế và ánh nhìn chan chứa yêu thương, nhà thơ Võ Quảng đã ghi lại khoảnh khắc kỳ diệu ấy trong bài thơ *Mầm Non*. Bài thơ không chỉ mang đến cho người đọc niềm vui trong trẻo trước cảnh đất trời đổi mới, mà còn khơi gợi niềm tự hào về quê hương đất nước giàu sức sống.

- (1) Dưới vỏ *một* cành bàng
- (2) Còn *một* vài lá đỏ
- (3) *Một Mầm Non* nho nhỏ
- (4) Còn nằm nép lặng im...
- (5) *Mầm Non* mắt lim dim
- (6) Cố nhìn qua kẽ lá
- (7) *Thấy* mây bay hối hả
- (8) *Thấy* lát phát mưa phùn.

(*Mầm Non*)

Vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa được Võ Quảng khắc họa sống động thông qua bài thơ *Mầm Non*. Không cần đến những hình ảnh kỳ vĩ, tác giả đã lựa chọn một lát cắt nhỏ trong tự nhiên là một cành bàng đang chuyển mùa làm phong nền cho bức tranh. Rồi từ đó khéo léo chấm lên một sắc xanh tươi mới mang tên “*Mầm Non*”. Chỉ với một “*Mầm Non*” nhỏ bé, tròn đầy đã khiến bức tranh thiên nhiên cuối đông lạnh lẽo, xám xịt trở nên có hồn hơn bao giờ hết.

Từ “*một*” vang lên nhiều lần trong những câu thơ đầu: “*một cành bàng*”, “*một vài lá đỏ*”, “*một Mầm Non nho nhỏ*” tưởng như chỉ để xác định số lượng, nhưng dưới ngòi bút tài hoa của Võ Quảng, nó đã trở thành một sự nhấn nhá gợi hình, gợi cảm. Cái “*một*” ấy không chỉ biểu hiện cho sự đơn lẻ, mà còn gợi nên cảm giác yên ắng, trống vắng của một khung cảnh thiên nhiên đang độ

chuyển mùa. Cùng với đó, từ “*còn*” được lặp lại như một nốt trầm, mang đến cảm giác về sự tiếp nối âm thầm của sự sống giữa khung cảnh cuối đông vắng lặng. Việc lặp lại từ “*còn*” góp phần khắc họa rõ rệt không khí giao mùa – thời điểm mà thiên nhiên chưa dứt hẳn mùa cũ nhưng cũng chưa thực sự bước vào mùa mới. “*Còn một vài lá đỏ*”, “*còn nằm nép lặng im*” gợi nên sự ngập ngừng của thời gian, đồng thời là bằng chứng rằng sự sống chưa hề biến mất mà nó chỉ đang chờ đợi thời khắc để trỗi dậy. Nhờ đó, bức tranh thiên nhiên không mang màu sắc ảm đạm hoàn toàn, mà vẫn le lói một sức sống mới đang âm thầm cựa mình dưới lớp vỏ cũ kỹ của mùa đông lạnh giá.

Võ Quảng đã rất thành công trong việc lặp lại liên tiếp hai lần động từ “*thấy*” ở câu thơ (7), (8) để nhấn mạnh góc nhìn non nớt, tinh khôi của mầm cây nhỏ bé khi lần đầu tiên cảm nhận thế giới rộng lớn xung quanh. Những hiện tượng tự nhiên như mây, mưa vốn rất quen thuộc nhưng qua ánh nhìn non nớt ấy lại trở nên vô cùng mới lạ và sống động. Mầm Non quan sát một cách dè dặt, nó chưa vội vã vươn mình ra ngoài, nhưng có thể thấy trong cái nhìn ấy đã có sự háo hức, khao khát được thoát khỏi lớp vỏ để khám phá những điều tuyệt diệu của thế giới ngoài kia.

Nếu như những khổ thơ đầu mang âm hưởng nhẹ nhàng, sâu lắng của một sự sống còn ẩn mình, thì khổ thơ cuối là sự bùng tỉnh đầy vui tươi, náo nức khi mùa xuân thực sự xuất hiện.

- (17) Chợt một tiếng chim kêu:
- (18) Chíp chiu chiu! Xuân đến.
- (19) *Tức thì* trăm ngọn suối
- (20) *Nổi* róc rách reo mừng,
- (21) *Tức thì* ngàn chim muông
- (22) *Nổi* hát ca vang dậy.
- (23) Mầm Non vừa nghe thấy
- (24) Vội bật chiếc vỏ rơi
- (25) Nó đứng dậy giữa trời
- (26) Khoác áo màu xanh biếc.

(Mầm Non)

Tiếng chim “*chíp chiu chiu*” bất ngờ vang lên như một tín hiệu mùa xuân, đánh thức cả không gian và thời gian. Võ Quảng đã khéo léo lặp lại các từ “*tức thì*” ở câu (19), (21) và từ “*nổi*” ở câu (20), (22) để khắc họa sức sống căng tràn, bất ngờ và mãnh liệt của thiên nhiên khi mùa xuân tới. Từ “*tức thì*” cho thấy sự bừng tỉnh vô cùng mạnh mẽ, náo nức của khu rừng khi xuân đến. Còn từ “*nổi*” nhấn mạnh trạng thái vui sướng và phấn khích khi cả khu rừng đang hân hoan đón chào nàng xuân bằng những vũ điệu tung bừng và âm nhạc rộn rã. Hai từ “*tức thì*” và “*nổi*” được lặp đi lặp lại như những nốt nhạc bổng ngân lên giữa bản hòa tấu của mùa xuân, làm cho không khí thơ trở nên tươi sáng, nhộn nhịp và tràn đầy sức sống. Nếu “*tức thì*” là khoảnh khắc thiên nhiên bừng tỉnh sau những ngày dài yên ắng, khi suối nguồn, chim muông lập tức sống dậy như thể đã âm thầm chờ đợi mùa xuân từ rất lâu, thì “*nổi*” lại là nhịp nâng của sự sống, là âm thanh dâng lên từ lòng đất, từ dòng suối, từ tiếng chim vang vọng khiến cả khu rừng rộn ràng múa hát vui mừng chào đón mùa xuân trở lại. Việc lặp lại hai từ này không chỉ tạo nhịp điệu nhanh, dồn dập cho khổ thơ, mà còn khiến người đọc cảm nhận rõ rệt sức sống đang căng tràn khắp núi rừng, suối ngàn. Nhịp thơ nhờ đó trở nên vui tươi, giống như những bước chân mùa xuân đang chạy ào đến, làm thức dậy mọi sinh thể sau mùa đông dài giá buốt. Và ở chính cao trào ấy, Mầm Non bé nhỏ cũng không thể nằm yên, nó “*vội bật chiếc vỏ rơi*”, hòa mình vào dòng chảy hồi hả của thiên nhiên. Hành động “*bật vỏ*” là hình ảnh biểu tượng rất ý nghĩa - đó là khoảnh khắc một sự sống bé nhỏ đã sẵn sàng thoát khỏi vùng an toàn của mình để bước ra thế giới rộng lớn. Mầm Non không còn rụt rè nép mình như trước mà đã “*đứng dậy giữa trời*”, tự tin khoác lên mình chiếc áo “*màu xanh biếc*” - màu xanh của hy vọng, của mùa xuân và của sức sống đang lớn dậy từng ngày. Khát vọng sống từng âm ỉ suốt bài thơ giờ đây đã bừng lên mãnh liệt, bắt nhịp cùng thiên nhiên trong phút giây giao mùa. Từ một sinh thể nhỏ bé, im lặng, Mầm Non nay đã hòa mình vào bản giao hưởng của trời đất, đánh dấu sự khởi đầu cho một hành trình trưởng thành đầy sức sống.

Thông qua bài thơ *Mầm Non*, Võ Quảng không chỉ vẽ nên một bức tranh thiên nhiên sinh động mà còn khơi gợi nơi trẻ thơ tình yêu thiên nhiên, lòng biết ơn với sự sống và bài học quý giá về hành trình trưởng thành. Hình ảnh mầm cây bé xiu âm thầm lắng nghe, chờ đợi mùa xuân để bật vờ vươn mình tượng trưng cho sức sống tiềm ẩn trong mỗi bạn nhỏ - những “*Mầm Non*” tương lai của đất nước. Để có thể tỏa sáng giữa đời như “*Mầm Non*” giữa trời xuân, các em phải biết lắng nghe, quan sát, kiên trì và đặc biệt là phải không ngừng cố gắng, nỗ lực trong học tập. Chỉ khi các em siêng năng học hỏi, tích lũy cho mình kiến thức và kinh nghiệm từng ngày, các em mới có đủ hành trang để mạnh mẽ bước vào đời. Bài thơ nhẹ nhàng gửi gắm thông điệp rằng: sự trưởng thành không đến trong một sớm một chiều, mà là kết quả của quá trình âm thầm chuẩn bị, giống như mầm non kia, lặng lẽ mà bền bỉ, nhỏ bé mà đầy hy vọng. Và nếu các em biết nuôi dưỡng niềm tin, không ngừng cố gắng, thì một ngày không xa, các em sẽ vươn cao như cây xanh, góp phần làm đẹp cho cuộc đời này.

Nếu như khoảnh khắc giao mùa mang lại cho các em những ấn tượng sâu sắc về thiên nhiên thì mỗi buổi sáng tinh sương của đất trời lại mang đến cho các em bao điều mới mẻ, hấp dẫn. Mỗi buổi sáng sớm, khi mặt trời còn chưa lên cao, bầu trời vẫn còn xanh dịu và mát mẻ, đó là lúc thiên nhiên đẹp nhất, tinh khôi nhất. Ai thức dậy vào thời khắc ấy sẽ cảm nhận được sự yên bình lan tỏa trong từng nhánh cây, ngọn cỏ và cả nhịp đập dịu dàng của đất trời. Trong bài thơ *Ai dậy sớm*, nhà thơ Võ Quảng đã khéo léo gói trọn vẻ đẹp ấy trong những vần thơ ngắn gọn mà đầy sức gợi.

(1) *Ai dậy sớm*

(2) Bước ra nhà

(3) Cau xoè hoa

(4) *Đang chờ đón!*

(5) *Ai dậy sớm*

(6) Đi ra đồng

(7) Cả vùng đông

(8) Đang chờ đón!

(9) Ai dậy sớm

(10) Chạy lên đồi

(11) Cả đất trời

(12) Đang chờ đón!

(Ai dậy sớm)

Bài thơ *Ai dậy sớm* như một bản hòa ca tươi vui, rộn ràng của buổi sớm bình minh, khẽ khàng lan tỏa giữa không gian tĩnh lặng, đánh thức trong lòng người đọc những cảm xúc tươi mới và trong trẻo. Mỗi khổ thơ là một bức tranh sống động, nơi hoa cau xòe nở đón ánh nắng đầu ngày, nơi vùng đông rạng rỡ trải dài trên cánh đồng yên ả, nơi cả đất trời như dang tay chào đón những bước chân hăm hở và đầy khao khát sống.

Võ Quảng đã rất tài tình trong việc sử dụng phép lặp cấu trúc câu “*Ai dậy sớm*” trong câu (1), (5), (9) và “*Đang chờ đón*” ở câu (4), (8), (12). Việc lặp lại câu hỏi tu từ “*Ai dậy sớm*” và câu khẳng định “*Đang chờ đón*” giống như một lời đánh thức nhẹ nhàng, triu mến, vang vọng của thiên nhiên, khơi dậy sự tò mò, thôi thúc các em nhỏ hãy thức giấc để khám phá những điều tươi đẹp của thế giới ngoài kia. Ba lần lặp cấu trúc “*Ai dậy sớm*” như ba lời mời gọi, mở ra ba không gian khác nhau - từ gần đến xa, từ thấp lên cao: bước ra nhà, đi ra đồng và chạy lên đồi. Càng bước ra xa, thế giới càng rộng mở và dịu dàng dang tay chào đón em nhỏ.

Dưới đôi mắt thi sĩ giàu chất văn thơ của Võ Quảng, thiên nhiên trong bài thơ được nhân hóa sống động như những người bạn đáng yêu, thân thiện. Những chùm hoa cau không nở rộ đơn thuần mà “*xòe*” ra như đưa tay vẫy chào các bạn nhỏ khi bước ra hiên nhà. Ánh sáng vùng đông trải rộng khắp không

gian, nhẹ nhàng và ấm áp như lời chào thân thương của anh Nắng sớm. Và rồi “*cả đất trời*” - không gian tưởng như rộng lớn, xa vời ấy bỗng trở nên thân thuộc đến lạ, nó dang hai cánh tay bao la ôm lấy người bạn nhỏ, mở lối cho em khám phá những điều kỳ diệu đầu ngày. Ngoài ra, cấu trúc “*Đang chờ đón*” được lặp lại ở cuối mỗi khổ thơ giống như một lời thì thầm ngọt ngào của đất trời gửi đến các bạn nhỏ. Nó khiến các em cảm thấy buổi sáng không còn buồn ngủ hay uể oải, mà trở nên thật háo hức vì không biết hôm nay thiên nhiên sẽ mang đến điều kỳ diệu gì đang chờ các em khám phá. Thiên nhiên luôn dang rộng vòng tay, kiên nhẫn chờ em bước ra để cùng vui chơi và bắt đầu một ngày mới đầy hứng khởi. Nhờ phép lặp cấu trúc, bài thơ vang lên như một bản nhạc rộn ràng, nơi mỗi nhịp thơ là một bước chân, mỗi dòng thơ là một nhịp đập của niềm vui và sự sống. Võ Quảng không chỉ ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên buổi sớm, mà qua đó, ông còn thầm nhắn gửi đến các em nhỏ rằng: dậy sớm là một thói quen tốt, mỗi ngày mới là một món quà kỳ diệu đang chờ được mở ra. Chỉ cần các em dậy sớm để lắng nghe và cảm nhận thì cả thiên nhiên luôn dang tay đón chào. Cùng với đó, bài thơ còn dạy các em biết trân quý thời gian, biết rung cảm trước vẻ đẹp bình dị mà rực rỡ của thế giới xung quanh, nuôi dưỡng trong tâm hồn các em một nếp sống chan hòa với thiên nhiên, tràn đầy năng lượng tích cực mỗi ngày.

Thiên nhiên quanh ta luôn xoay vần theo nhịp điệu bất tận: xuân ngân lên khúc dạo đầu xanh biếc, hạ dồn dập với những nốt vàng rực rỡ, thu lắng đọng trong trái ngọt vàng cây còn đông mang theo hơi thở mờ sương, phủ lên đất trời một màu áo mơ màng. Vòng tuần hoàn ấy từ ngàn đời nay vẫn luôn là nguồn cảm hứng bất tận của bao thi nhân. Đến với Võ Quảng – nhà thơ của thiếu nhi, bốn mùa không chỉ là khái niệm thời gian, mà còn là bốn con người với dáng vẻ và cá tính riêng biệt. Trong bài thơ *Bốn người*, Võ Quảng đã khéo léo nhân hóa Xuân – Hạ – Thu – Đông thành bốn người bạn đang “thay ca đổi kíp”, cùng nhau dệt nên bản giao hưởng kì diệu của thời gian và bức tranh tứ bình rực rỡ của đất trời.

- (1) *Người* thứ nhất:
- (2) Vươn vai lên trước
- (3) *Rải khắp* đất trời
- (4) Chồi lộc xanh tươi
- (5) Sắc màu rực rỡ.

- (6) *Người* thứ hai:
- (7) Giục chim làm tổ
- (8) *Nhuộm* lục cánh đồng,
- (9) Thấp đỏ hoa vông,
- (10) *Thổi* bùng lưới lửa.

- (11) *Người* thứ ba:
- (12) Đơm cành trĩu quả
- (13) *Nhuộm* đỏ rừng cây
- (14) *Thổi* lá vàng bay
- (15) Pha hồ nước biếc.

- (16) *Người* thứ tư:
- (17) Giăng mây mù mịt
- (18) Vặt trụi cành bàng
- (19) *Rải khắp* non ngàn
- (20) Mưa phùn gió bắc.

(Bốn người)

Ngay từ những câu thơ đầu tiên, mùa xuân hiện lên như một người bạn trẻ trung, vui tươi và rạng rỡ. Sự xuất hiện trước tiên của mùa xuân đã thổi hồn vào bài thơ một luồng sinh khí mới mẻ, tràn đầy sức sống và hy vọng. Chỉ một động tác “*vươn vai lên trước*” mà cả đất trời bỗng bừng tỉnh sau giấc ngủ đông dài. Câu thơ làm ta liên tưởng đến một dáng hình đầy sức sống. Động từ “*rải*” ở câu (3) kết hợp với “*khoảng*” gợi nên sự bao phủ, lan tỏa, như thể bàn tay của

nàng xuân đang ân cần gieo sự sống mới trên từng tấc đất quê hương. Chồi non xanh mơn mớn bật dậy, sắc màu rực rỡ của nhựa sống căng tràn khắp nhánh cây, ngọn cỏ, khơi dậy cho người đọc niềm hân hoan, hồ hởi chào đón mùa đầu tiên trong một năm. Xuân trong thơ Võ Quảng không chỉ là sắc biếc của lá non, mà còn là mùa của khát vọng, của hi vọng và của sự khởi sắc trong tâm hồn.

Trái ngược với bước xuân dịu dàng, mùa hạ mang đến sự sôi động, nhiệt huyết, cuộn cuộn một khúc tráng ca. Hạ giục chim làm tổ, thấp đỏ hoa vông, nhuộm xanh cánh đồng, thổi bùng lưới lửa. Một mùa hè nồng nàn, chan chứa ánh sáng và sức nóng hiện lên thật sống động. Các động từ mạnh như “*giục*” ở câu (7), “*thấp*” ở câu (9), “*thổi bùng*” ở câu (10) tạo nên nhịp điệu dồn dập, gấp gáp, khiến ta cảm nhận được khí thế sôi động, dồi dào năng lượng của mùa hạ, như một người bạn trẻ trung, đầy khát vọng. Động từ “*giục*” nghe như tiếng trống giục giã, thôi thúc vạn vật nhanh chóng bắt nhịp vào bản nhạc sống. Sắc xanh muốt phủ đầy cánh đồng, hoa vông thấp đỏ, lửa mặt trời thổi bùng lên những vạt nắng chói chang – tất cả hợp thành bức tranh mùa hạ rực rỡ, nồng nàn. Hạ là mùa của tuổi trẻ đang căng đầy sinh lực, là mùa mà con người hòa cùng thiên nhiên trong một nhịp điệu sôi động, rộn ràng. Đọc đến đây, ta cảm thấy trong từng câu chữ có hơi thở hùng hực của sự trưởng thành, của những nỗ lực không ngừng nghỉ để vươn lên. Ở câu thơ thứ (8), từ “*nhuộm đỏ*” vừa tái hiện màu sắc rực rỡ, vừa cho thấy tác động mạnh mẽ của mùa hạ đến cảnh vật. Cái “*đỏ*” ấy không chỉ là sắc hoa, mà còn là hơi thở căng tràn, là trái tim nóng bỏng của thiên nhiên đang rộn ràng.

Khi sắc lửa hạ lắng dần, thu bước vào với dáng hình trầm lặng, đầm thắm. Cây cối đã “*đơm cành trĩu quả*”, rừng cây đỏ thắm trong hương chín, lá vàng bay theo gió, mặt hồ trong xanh pha sắc biếc dịu dàng. Thu là mùa của thành quả, của sự chín muồi sau những tháng ngày phấn đấu, nhưng cũng là mùa của những suy tư thâm kín. Lá vàng bay trong gió như những kỷ niệm nhẹ nhàng, hồ nước biếc pha trộn giữa sắc xanh và sắc vàng tạo nên một không gian thanh bình, mênh mang, khiến lòng người như lắng lại, cảm nhận sâu sắc hơn về sự

chuyển mình của thời gian và cuộc sống. Trong sắc vàng hanh hao, trong mặt hồ biếc mênh mang, ta nghe được tiếng thở dài khe khẽ của thời gian, cảm nhận nổi băng khuâng man mác của lòng người. Võ Quảng không miêu tả nhiều, nhưng chỉ bằng vài nét vẽ tinh tế đã khơi dậy cả một không gian chan chứa tâm tình. Động từ “*nhuộm*” ở câu (8) và từ “*đỏ*” ở câu (9) được lặp lại ở câu (13) với hình ảnh “*nhuộm đỏ rừng cây*” giúp khắc họa bức tranh mùa thu với sắc thái hoàn toàn khác: không còn là cái đỏ bùng cháy của hoa vông, mà là cái đỏ trầm ấm của rừng cây khi lá chuyển màu. Sự chuyển dịch ấy cho thấy bước đi uyển chuyển của thời gian, đồng thời khẳng định vẻ đẹp phong phú, đa dạng của thiên nhiên. Hơn nữa, từ “*thổi*” ở câu (10) lặp lại trong hình ảnh “*thổi lá vàng bay*” ở câu (14) như một tiếng thở dài của gió, đem đến nỗi buồn man mác, băng khuâng đặc trưng của mùa thu. Chính nhờ những lặp lại ấy, ta thấy rõ sự tiếp nối, gắn kết giữa các mùa, đồng thời cảm nhận sâu sắc sắc thái riêng biệt mà thu mang lại.

Cuối cùng, người thứ tư hiện lên với hình ảnh của mùa đông – mùa của sự tĩnh lặng, giá lạnh và cô đơn. “*Giăng mây mù mịt/ Vặt trụi cành bàng/ Rải khắp non ngàn/ Mưa phùn gió bắc*” – những câu thơ như vẽ nên một bức tranh thiên nhiên u ám, trống trải nhưng cũng rất chân thực. Nhưng nếu nhìn sâu, mùa đông trong bài thơ không phải là sự tàn lụi mà là sự chờ đợi, sự chuẩn bị cho một mùa xuân mới sẽ lại đến. Đó là khoảng nghỉ ngơi để đất trời tích tụ nhựa sống, chuẩn bị cho một chu kỳ mới, một mùa xuân mới hồi sinh. Cái tro tro của cành cây, cái lạnh lẽo của gió bắc chính là phép thử để sự sống thêm bền bỉ, kiên cường. Nhờ đông, ta thêm thấu hiểu giá trị của mùa xuân và cũng chính nhờ sự khắc nghiệt, ta càng biết yêu thương cái dịu dàng, rục rờ.

Mưa phùn, gió bắc không chỉ làm cho cảnh vật trở nên lạnh lẽo mà còn gợi cảm giác cô đơn, lạnh lẽ, khiến con người ta suy ngẫm về cuộc đời, về những giá trị sâu xa hơn của sự sống. Điều làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của bài thơ chính là sự khéo léo trong việc sử dụng phép lặp từ ngữ một cách tinh tế, góp phần tạo nên nhịp điệu uyển chuyển, mượt mà và sự liên kết chặt chẽ

giữa các phần. Ở đây, cặp từ “*rải khắp*” ở câu (3) vốn gắn với mùa xuân được tác giả lặp lại ở câu (19) nhưng sắc thái đã thay đổi: nếu xuân rải chồi non để gieo mầm sự sống, thì đông rải mưa phùn, gió bắc để thử thách con người và cây cỏ. Nhờ sự lặp lại này, ta càng thấy rõ sự tương phản giữa khởi đầu và kết thúc, giữa dịu dàng và khắc nghiệt, để rồi càng thêm trân trọng sự sống hồi sinh. Đông khắc nghiệt, song cũng cần thiết: bởi chính đông khép lại một vòng tuần hoàn, mở đường cho xuân mới về. Nhờ vậy, bài thơ gợi ra triết lí thâm thúy: mọi sự vật hiện tượng đều có vai trò riêng trong sự xoay vần của thời gian.

Khổ thơ kết thúc là một sự khái quát đầy sáng tạo:

(21) Thay ca *đổi* kíp

(22) *Đổi* mới non sông

(23) Xuân, Hạ, Thu, Đông

(24) Mỗi người một vẻ.

(*Bốn người*)

Thiên nhiên hiện lên như một dây chuyền liên tục, nơi bốn mùa “*thay ca đổi kíp*”, cùng nhau duy trì sự sống của vũ trụ. Không mùa nào lấn át mùa nào, không dáng vẻ nào là thừa thãi – mỗi mùa đều cần thiết, đều góp phần làm mới non sông. Chính ở đây, Võ Quảng không chỉ dừng lại ở miêu tả thiên nhiên, mà còn gửi gắm một triết lí giản dị: trong đời sống con người cũng vậy, mỗi cá nhân có một thế mạnh riêng, một “mùa” riêng, nhưng khi gắn bó, hòa hợp, tất cả sẽ làm nên một cộng đồng bền vững và đầy sức sống. Kết tinh từ bốn bức tranh ấy là sự hòa quyện trong đoạn thơ cuối. “*Thay ca đổi kíp/ Đổi mới non sông/ Xuân, Hạ, Thu, Đông/ Mỗi người một vẻ*”. Điệp từ “*đổi*” vang lên hai lần trong câu (21), (22) như nhấn mạnh vòng quay bất tận của thiên nhiên, vừa gợi nhịp luân phiên, vừa khẳng định sức mạnh làm mới không ngừng của đất trời. Từ “*người*” được lặp lại xuyên suốt toàn bài trong các câu: “*Người thứ nhất*”, “*Người thứ hai*”, “*Người thứ ba*”, “*Người thứ tư*”, rồi khép lại ở câu thơ cuối “*Mỗi người một vẻ*”, làm nổi bật tư tưởng trung tâm: thiên nhiên hiện

lên như những con người sống động, mỗi người một vẻ đẹp riêng, song đều cùng góp phần vào sự phát triển chung của toàn xã hội.

Bài thơ *Bốn người* của Võ Quảng là một khúc ca bốn mùa ngọt ngào, mang đến cho người đọc, đặc biệt là các em nhỏ, cái nhìn sinh động và gần gũi về thiên nhiên. Bằng bút pháp nhân hóa sáng tạo, ngôn từ trong trẻo và nghệ thuật điệp ngữ giàu tính biểu cảm, nhà thơ đã biến bốn mùa thành bốn nhân vật có tâm hồn, có dáng hình, làm nên một vòng tuần hoàn diệu kì của đất trời. Không dừng lại ở bức tranh thiên nhiên, bài thơ còn gửi đến thiếu nhi những bài học sâu sắc. Khi bốn mùa được nhân hóa thành bốn người bạn, các em sẽ cảm thấy thiên nhiên thật gần gũi, đáng yêu. Mỗi mùa mang một vẻ đẹp riêng: xuân dịu dàng, hạ sôi nổi, thu đầm thắm, đông khắc nghiệt. Chính từ sự khác biệt ấy, trẻ biết yêu thiên nhiên, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước và học được bài học trân trọng và yêu thương từng khoảnh khắc của cuộc sống.

Đồng thời, nhịp điệu “*thay ca đối kíp*” còn nhắc nhở chúng ta về tinh thần sống có trách nhiệm: mỗi người một công việc, một nhiệm vụ, song đều chung sức làm cho cuộc đời thêm đẹp. Ở trẻ thơ, đó là trách nhiệm học tập, rèn luyện; ở người lớn, là trách nhiệm lao động, xây dựng và gìn giữ non sông. Chính vì vậy, bài thơ không chỉ gieo vào lòng ta tình yêu thiên nhiên, mà còn bồi đắp tinh thần trách nhiệm, ý thức gắn bó với cộng đồng và đất nước. *Bốn người* không chỉ là bức tranh tứ bình của đất trời, mà còn là khúc hát nuôi dưỡng tâm hồn, gieo vào lòng trẻ thơ tình yêu, sự trân trọng và tinh thần trách nhiệm trong từng ngày sống.

Thiên nhiên trong mắt trẻ thơ luôn hiện lên với vẻ dịu dàng, thân thuộc và đầy yêu thương. Không chỉ có cây cối, hoa lá, mà cả những sinh vật nhỏ bé như chú ong, con kiến hay anh đom đóm cũng trở thành những người bạn thầm lặng, cần mẫn. Với bài thơ *Anh Đom Đóm*, Võ Quảng đã đưa người đọc đến khung cảnh làng quê đồng bằng Bắc Bộ trong màn đêm yên ả, nơi ánh sáng lấp lánh của những chú đom đóm nhỏ bé soi rọi lên từng lũy tre, bờ ruộng, biến làng quê bình dị thành một bức tranh lung linh, huyền ảo mà vẫn đậm hồn quê.

- (1) Mặt trời gác núi
- (2) Bóng tối lan dần
- (3) Anh Đóm chuyên cần
- (4) Lên đèn đi gác.
- (5) Theo làn gió mát
- (6) Anh đi rất êm
- (7) Đi suốt một đêm
- (8) Lo cho người ngủ.

(Anh Đóm Đóm)

Giữa khung cảnh thiên nhiên tĩnh lặng của buổi chiều tà, ánh sáng đang dần tắt, mặt trời lặn lẽ “*gác núi*”, bóng tối bắt đầu “*lan dần*”, hiện ra một không gian êm đềm như ru con người vào giấc ngủ. Trong thời khắc ấy, anh Đóm Đóm xuất hiện như một điểm sáng nhỏ nhoi giữa màn đêm rộng lớn. Không rực rỡ, huy hoàng mà chỉ là ánh sáng lặng lẽ, dịu dàng tỏa ra từ đôi cánh mong manh. Chính sự giản dị ấy lại làm nên vẻ đẹp riêng - vẻ đẹp của sự âm thầm cống hiến, của một trái tim lặng lẽ mà đầy yêu thương. Việc lặp lại cụm từ “*anh Đóm*” trong bài thơ không chỉ giúp nhân vật Đóm Đóm trở nên thân quen, gần gũi với các em nhỏ, mà còn thể hiện sự tôn trọng và ngợi ca của tác giả dành cho một sinh vật nhỏ bé nhưng giàu trách nhiệm. Cách gọi “*anh*” khiến chú Đóm Đóm hiện lên như một người lớn đáng tin cậy, đang âm thầm làm công việc gác đêm vất vả. Trong bài thơ, từ “*gác*” được lặp lại hai lần ở câu (1) và (4), một lần trong hình ảnh “*mặt trời gác núi*”, một lần trong hành động “*lên đèn đi gác*” của anh Đóm. Sự lặp lại ấy không chỉ tạo nên âm hưởng nhịp nhàng cho câu thơ, mà còn khắc họa một sự chuyển tiếp tinh tế giữa ngày và đêm. Mặt trời “*gác núi*” là cách nói nhân hóa, gọi lên hình ảnh mặt trời sau một ngày làm việc miệt mài đang lặng lẽ lui về nghỉ ngơi sau rặng núi. Nhưng khi ánh sáng ấy vừa khép lại thì một ánh sáng khác nhỏ hơn, dịu dàng hơn lại tiếp tục được thắp lên, đó là ánh sáng của anh Đóm Đóm. Từ một sinh vật nhỏ xíu, anh trở thành người tiếp nối ánh sáng, thay mặt trời giữ gìn sự bình yên cho

đêm tối. Việc lặp từ “*gác*” như để kể với các em nhỏ rằng: trong cuộc sống, luôn có sự tiếp nối âm thầm và bền bỉ giữa các sự vật, mỗi “*người*” đều có vai trò riêng của mình. Nếu ban ngày có mặt trời giữ gìn ánh sáng, thì ban đêm có anh Đóm soi sáng lối đi, chăm lo cho giấc ngủ của mọi người. Hình ảnh ấy vừa đáng yêu, vừa khiến ta cảm phục. Nhờ phép lặp từ vựng tinh tế ấy, bài thơ không chỉ trở nên nhịp nhàng, gần gũi hơn với trẻ thơ, mà còn gửi gắm một bài học ý nghĩa: dù là to lớn như mặt trời hay nhỏ bé như đom đóm, nếu biết chăm chỉ, biết sống có ích, thì ai cũng có thể góp phần làm cho thế giới trở nên tốt đẹp hơn.

Võ Quảng đã rất thành công trong việc lặp lại ba lần từ “*đi*” ở các câu (4), (6), (7) qua các hình ảnh: “*đi gác*”, “*đi rất êm*”, “*đi suốt một đêm*”, tạo nên một nhịp thơ đều đặn, thông thả như chính nhịp bước âm thầm của anh Đóm giữa đêm vắng. Việc lặp lại ấy khiến người đọc có thể hình dung được sự miệt mài, kiên trì không mỏi mệt của anh: anh không nghỉ ngơi, không dừng lại, cứ lặng lẽ đi suốt đêm, chỉ để mang lại một giấc ngủ bình yên cho người khác. Không chỉ mang tính gợi hình, từ “*đi*” còn gợi nên một tinh thần trách nhiệm thầm lặng. Anh Đóm không bay vụt đi như ánh chớp, không mang vẻ vội vàng hấp tấp, mà “*đi rất êm*”, từng bước một trong sự nhẹ nhàng, cẩn trọng, đầy ý thức. Sự cẩn mẫn ấy gợi nhắc các bạn nhỏ đến những người “*đi gác*” ngoài đời thực, đó là bác bảo vệ, cô lao công, chú bộ đội... Họ là những “*anh Đom Đóm*” thật sự trong đêm dài của cuộc sống, lặng lẽ chiếu sáng lòng tốt lên từng khoảnh khắc thường ngày.

Nếu anh Đom Đóm là người bạn nhỏ chuyên cần “*lên đèn đi gác*”, thì chị Chối Tre cũng là một hình ảnh đáng yêu không kém, với những bước chân cẩn mẫn buổi sớm cùng tiếng chối quen thuộc “*roặc, roặc, roặc!*”. Từ ánh sáng lặng lẽ của màn đêm đến âm thanh rộn ràng đầu ngày, Võ Quảng đã khéo léo vẽ nên một thế giới thơ ngập tràn sự chăm chỉ và yêu thương.

(1) *Chị Chối Tre*

(2) *Bước ra hè*

- (3) *Thấy lá me*
- (4) *Roi đầy đất*
- (5) *Chị Chối quét:*
- (6) *Roặc, roặc, roặc!*

.....

- (14) *Chị Chối Tre*
- (15) *Bước ra đàng*
- (16) *Thấy lá vàng*
- (17) *Roi ngập đất*
- (18) *Chị Chối quét*
- (19) *Roặc, roặc, roặc!*

.....

- (27) *Chị Chối Tre*
- (28) *Bước vào nhà*
- (29) *Lấy khăn ra*
- (30) *Bịt vào mũi*
- (31) *Và chị Chối*
- (32) *Quét roặc, roặc!*

(Chị Chối Tre)

Trong nhịp thơ nhẹ nhàng, tươi sáng của *Chị Chối Tre*, Võ Quảng không chỉ khắc họa một công việc lao động quen thuộc mà còn vẽ nên hình ảnh một nhân vật thơ vô cùng đáng yêu - chị Chối. Cây chối tre bình thường giờ đây bỗng trở thành một người bạn, một người chị cả trong gia đình, bước đi khắp mọi nẻo sân vườn, hiên nhà để giữ gìn sự ngăn nắp, sạch sẽ. Việc lặp lại ba lần cấu trúc “*Chị Chối Tre*” trong câu (1), (14), (27) và động từ “*bước*” ở câu (2), (15), (28) không chỉ tạo nên nhịp điệu đều đặn, dễ nhớ mà còn khắc sâu hình ảnh một người chị hiền từ, cần mẫn. Võ Quảng đã rất tinh tế khi lựa chọn đại từ “*chị*” để gọi chối tre. Bởi “*chị*” là cách xưng hô thân mật, gần gũi trong đời sống hằng ngày, thường được trẻ em dùng để gọi những người phụ nữ lớn hơn mình, gọi lên sự triu mến và kính trọng. Khi Võ Quảng gọi cây chối bằng cái tên “*Chị Chối Tre*”, ông đã thổi vào đồ vật ấy một linh hồn, một nhân cách, khiến chối không còn là vật vô tri mà trở thành một nhân vật sống động, giống

như một người chị dịu dàng, đảm đang. Cách gọi ấy cũng góp phần gieo vào lòng trẻ thơ tình yêu với lao động và sự biết ơn đối với những việc tưởng như nhỏ bé, tầm thường. Cây chổi thường gắn liền với công việc dọn dẹp, quét rác – những việc ít được chú ý, thậm chí bị xem là thấp kém. Nhưng qua cách gọi “*chị*”, Võ Quảng đã nâng cao giá trị công việc ấy, giúp trẻ hiểu rằng dọn dẹp cũng là công việc cao quý và đáng trân trọng.

Câu thơ “*Chị Chổi quét*” được lặp lại ở câu (5) và (18) như một điểm nhấn tinh tế, thể hiện tính cách siêng năng, chủ động, yêu lao động của chị Chổi. Dù đối diện với nắng, gió hay bụi bặm, chị vẫn luôn vui vẻ, cần mẫn với công việc của mình. Đáng chú ý nhất là âm thanh quen thuộc và vui tai: “*Roặc, roặc, roặc!*” được lặp lại hai lần ở câu (6), (19) khiến tiếng chổi tre chạm đất trở thành một điệp khúc sinh động, như một tiếng chuông báo thức vang lên vào mỗi sớm mai. Âm thanh này vừa giúp các em nhỏ dễ hình dung, dễ nhớ, vừa làm cho không khí bài thơ thêm rộn ràng, vui tươi. Đó không chỉ là tiếng quét dọn, mà còn là âm thanh của lao động, của khởi đầu một ngày mới với bao điều ý nghĩa.

Hai bài thơ *Anh Đom Đóm* và *Chị Chổi Tre* giống như những câu chuyện nhỏ xinh, dịu dàng, kể cho các em nghe về những người bạn bé xíu mà siêng năng, tốt bụng. “*Anh Đom Đóm*” thấp đèn đi gác đêm để mọi người ngủ yên. “*Chị Chổi Tre*” bước ra sân, ra đường, rồi vào nhà, âm thầm quét sạch từng chiếc lá rơi. Dù nhỏ bé và lặng lẽ, cả hai đều làm công việc của mình với tất cả sự chăm chỉ và yêu thương. Qua đó, nhà thơ muốn nhắn nhủ với các em rằng: công việc nào cũng đáng quý, dù lớn hay nhỏ, chỉ cần ta làm bằng tấm lòng lương thiện thì việc gì cũng trở nên ý nghĩa. Bài thơ giúp các em biết yêu lao động, sống ngăn nắp, tự giác, và học cách trân trọng những điều giản dị quanh mình. Bởi chính từ những việc nhỏ mỗi ngày, ta có thể làm cho thế giới này trở nên tốt đẹp hơn.

Bên cạnh đó những âm thanh ngôn ngữ được lặp đi lặp lại (vần, số lượng âm tiết, từ vựng, cấu trúc câu) cũng tăng thêm sự chú ý, kích thích giác quan của trẻ. Sự lặp lại ấy tạo nên những âm thanh vui tai (roặc, roặc, roặc; lon

tơ;...), du dương (lào rào; xôn xao; vi vu, vi vút;...) dễ đi vào trí nhớ tâm hồn trẻ thơ và mãi neo đậu nơi kí ức tuổi thơ của mỗi người.

Như vậy, phép lặp không chỉ phần nào giúp nhà thơ thể hiện cảm xúc với thiên nhiên, quê hương tươi đẹp mà phép liên kết này cũng góp phần mang tới cho các em những bài học sâu sắc về giá trị của lao động, về trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng xã hội.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2, chúng tôi đã đi sâu nghiên cứu vai trò của phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng. Có thể nhận thấy rằng, phép lặp không chỉ là phương tiện liên kết mà còn là yếu tố nghệ thuật giúp bộc lộ dấu ấn phong cách riêng của nhà thơ. Phép lặp đã góp phần duy trì đề tài, phát triển và làm nổi bật chủ đề tác phẩm. Việc sử dụng phối kết hợp các kiểu lặp cũng đã tạo nên nhịp điệu, âm hưởng trong từng bài thơ, góp phần tạo nên tính nhạc – đặc trưng của thơ thiếu nhi khiến thơ dễ thuộc, dễ nhớ, dễ đi vào tâm hồn của trẻ. Ngoài ra, phép lặp cũng góp phần tạo nên giá trị biểu cảm rất lớn, làm nổi bật những cảm xúc hồn nhiên và tinh tế trong từng tác phẩm.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở kiến thức lí luận về văn bản, liên kết trong văn bản và về phép lặp, đề tài của chúng tôi đã tập trung vào việc khảo sát, thống kê, phân loại và miêu tả các kiểu, dạng lặp xét theo hình thức và chức năng trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng. Sau một quá trình nghiên cứu chúng tôi rút ra được một số kết luận sau:

1. Trong tập thơ *Ai dậy sớm*, Võ Quảng đã sử dụng linh hoạt và sáng tạo ba kiểu lặp là: lặp ngữ âm, lặp từ vựng và lặp ngữ pháp. Phép lặp ngữ âm xuất hiện trong tất cả các bài thơ, được thể hiện qua việc lặp lại các vần, số lượng âm tiết. Phép lặp từ vựng được thể hiện thông qua việc lặp lại những từ và cụm từ. Phép lặp ngữ pháp được thể hiện trong sự lặp lại cả câu, cấu trúc câu, thành phần câu.

2. Về vai trò, phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* của Võ Quảng không chỉ giúp duy trì chủ đề, đề tài mà còn góp phần tạo nên tính nhạc và tính biểu cảm trong thơ. Những âm thanh, vần điệu, từ ngữ được lặp lại có chủ ý khiến mỗi câu thơ vang lên như một khúc hát vui tươi, êm đềm, trong trẻo,... dễ đi vào tâm hồn trẻ nhỏ. Cũng nhờ đó, cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ một cách tự nhiên, chân thành và gần gũi. Các bài học giáo dục từ đó cũng được truyền tải một cách khéo léo, tinh tế. Có thể nói, cùng với nhiều biện pháp nghệ thuật khác, phép lặp trong tập thơ *Ai dậy sớm* đã góp phần hình thành phong cách thơ riêng của Võ Quảng – một phong cách giản dị, tự nhiên mà sâu sắc. Qua đó, giúp các em nhỏ vừa cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, vừa nuôi dưỡng tâm hồn trong sáng và tình yêu cuộc sống, tình yêu lao động... Đúng như nhận xét: “*Giản dị, ngộ nghĩnh và vui tươi, với nhiều thế hệ bạn đọc Việt Nam, những bài thơ của Võ Quảng đã trở thành kỉ vật trân quý được lưu giữ nơi kí ức tuổi thơ*” [17].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban (2006). *Văn bản và liên kết trong Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Diệp Quang Ban (2006). *Văn bản*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (2000). *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
6. I.R.Galperin (1981). *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học (Bản dịch tiếng Việt của Hoàng Lộc)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Lã Thị Bắc Lý (2006). *Giáo trình văn học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Lê A (2012). *Giáo trình Tiếng Việt 3*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách Cánh diều)*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách Cánh diều)*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Thị Hoa (2009). *Phép lập từ vựng và lập ngữ pháp trong thơ Hữu Thỉnh*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
12. Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 1 (Bộ sách Chân trời sáng tạo)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên) (2023). *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5, tập 2 (Bộ sách Chân trời sáng tạo)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

14. Trần Ngọc Thêm (1999). *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Trần Thị Loan (2021). *Giá trị nội dung và nghệ thuật của tập thơ "Ai dậy sớm" - Võ Quảng*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa, Trường Đại học Hoa Lư.
16. Vi Phương Thùy (2017). *Phép lập ngữ pháp trong thơ Tố Hữu*, luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
17. Võ Quảng (2020). *Tập thơ "Ai dậy sớm"*, NXB Kim Đồng, Hà Nội.

II. Website

18. Hạt Muối Nhỏ (2024). Ai dậy sớm: Giai điệu thiên nhiên và tuổi thơ trong trẻo, <<https://hatmuoinho.com/giai-dieu-thien-nhien-va-tuoi-tho-trong-ai-day-som-vo-quang/>>, xem 16/11/2024.
19. Lê Thị Bích Hồng (2011). Tính nhạc của thơ và thơ phổ nhạc, Kiến thức ngày nay, <https://www.chungta/tinh_nhac_cua_tho_va_tho_pho_nhac.html>, xem 22/07/2025.
20. Nguyên An (2024). Nhà văn Võ Quảng – Người bạn lớn của tuổi thơ, Báo văn nghệ, <<https://baovannghe.vn/nguyen-an-nha-van-vo-quang-nguoi-ban-lon-cua-tuoi-tho.html>>, xem 7/11/2024.
21. Phạm Thị Phương Liên (2016). Võ Quảng - Đặc sắc nghệ thuật thơ viết cho thiếu nhi, Tạp chí văn hóa nghệ thuật, <<http://vanhoanghethuat.vn/vo-quang-dac-sac-nghe-thuat-tho-viet-cho-thieu-nhi.html>>, xem 1/12/2024.
22. Tàn Tàn (2020). Tình yêu và lẽ sống của nhà văn Võ Quảng, Tạp chí tri thức, <<https://znews.vn/tinh-yeu-va-le-song-cua-nha-van-vo-quang>>, xem 20/01/2025.
23. Vũ Minh Đức (2014). Lý luận chung về không gian nghệ thuật trong văn học, <<https://caulacbovanhoe2015.wordpress.com/lv-luan-chung-ve-khong-gian=nghe-thuat-trong-van-hoc-vu-minh-duc>>, xem 16/11/2024.

PHỤ LỤC 1

CÁC BÀI THƠ TRONG TẬP THƠ *AI DẠY SỚM*

1. Mầm non

(1) Dưới vỏ một cành bàng	(15) Và tất cả im ắng
(2) Còn một vài lá đỏ	(16) Từ ngọn cỏ làn rêu...
(3) Một Mầm Non nho nhỏ	
(4) Còn nằm nép lặng im...	(17) Chợt một tiếng chim kêu:
(5) Mầm Non mắt lim dim	(18) - Chíp chiu chiu! Xuân đến.
(6) Cổ nhìn qua kẽ lá	(19) Tức thì trăm ngọn suối
(7) Thấy mây bay hồi hả	(20) Nổi róc rách reo mừng,
(8) Thấy lất phất mưa phùn.	(21) Tức thì ngàn chim muông
(9) Rào rào trận lá tuôn	(22) Nổi hát ca vang dậy.
(10) Rải vàng đầy mặt đất	
(11) Rừng cây trông thưa thớt	(23) Mầm Non vừa nghe thấy
(12) Thấy chỉ cội với cành.	(24) Vội bật chiếc vỏ rơi
(13) Một chú thỏ phóng nhanh	(25) Nó đứng dậy giữa trời
(14) Chạy núp vào bụi vắng.	(26) Khoác áo màu xanh biếc.

2. Đàn bồ chao

(1) Mái nhà tranh quện khói	(7) Chúng nhảy nhót lơn ton
(2) Tỉnh giấc lúc bình minh.	(8) Rồi tung bay đi tuốt.
(3) Mấy chú ngỗng trắng tinh	(9) Chúng bay xa mắt hút,
(4) Oang oang vui câu chuyện.	(10) Đến đậu ở cây rom.
(5) Đàn bồ chao luôn miệng	(11) Lại nhảy nhót lơn ton
(6) Hú hí ngoài cây rom.	(12) Lại bay xa đi tuốt.

3. Chị Chổi Tre

(1) Chị Chổi Tre	(27) Chị Chổi Tre
(2) Bước ra hè	(28) Bước vào nhà
(3) Thấy lá me	(29) Lấy khăn ra
(4) Rơi đầy đất	(30) Bịt vào mũi
(5) Chị Chổi quét:	(31) Và chị Chổi
(6) Roặc, roặc, roặc!	(32) Quét roặc, roặc!
(7) Bụi tung bay	(33) Quét xó bếp
(8) Bụi cay cay	(34) Quét gầm giường,
(9) Xôong vào mũi	(35) Nhện cuống cuống
(10) Làm chị Chổi	(36) Co căng chạy,

(11) Hắt xì to, (12) Rồi nổi ho (13) Hai tiếng!	(37) Gián lấy bầy (38) Bay tứ tung. (39) Cóc lẩn đùng (40) Nhảy cút mắt!
(14) Chị Chổi Tre (15) Bước ra đàng (16) Thấy lá vàng (17) Rơi ngập đất (18) Chị Chổi quét (19) Roạch, roạch, roạch! (20) Bụi tung bay (21) Bụi cay cay (22) Xông vào mũi (23) Làm chị Chổi (24) Hắt xì to (25) Rồi nổi ho (26) Ba tiếng!	(41) Nhà mát sạch (42) Cả trong ngoài (43) Gió khoan thai (44) Bay vào cửa. (45) Chị kì rửa (46) Sạch chân tay (47) Ra hiên sau (48) Nằm hóng mát.

4. Quả đỏ

(1) Những quả chín đỏ (2) Hát dưới nắng mai. (3) Những chùm quả sai (4) Cười trong nắng mới.	(5) Đàn chim bay tới (6) Cát tiếng reo vang: (7) - Ôi chao! Mùa màng (8) Năm nay tốt quá!
---	--

5. Gió

(1) Gió có nhiều bạn, (2) Có bạn Trúc xanh (3) Tốt bụng, hiền lành (4) Tặng Gió chiếc sáo. (5) Ve đi hát dạo (6) Tặng chiếc phong cầm. (7) Có bạn Lá Mầm (8) Tặng nhiều bài hát. (9) Và những bạn khác (10) Tặng nhiều loại đàn. (11) Họ rất sẵn sàng (12) Dạy cho Gió học (13) Vượt qua khó nhọc (14) Gió học thành công,	(21) Gảy cây đàn nguyệt (22) Tưởng có mưa sa. (23) Đánh đàn ghi ta (24) Tưởng chừng xuân đến (25) Tiếng nhị trầu mền (26) Như tiếng mẹ ru (27) Như vàng trắng thu (28) Vàng gieo bên nước (29) Dặt dìu, tha thướt (30) Cao, thấp, đục, trong (31) Gió gửi tiếng lòng (32) Mầm mầm thức giấc
---	--

(15) Thổi vào cây thông	(33) Mọi việc chu tất
(16) Thông reo vì vút!	(34) Gió mới nghỉ ngơi
(17) Thổi vào cây mít	(35) Gió vào, im hơi
(18) Mít nổi ào ào!	(36) Trong cây ngủ thiếp
(19) Vỗ sóng xôn xao	
(20) Thổi còi huyết huyết!	

6. Anh Đóm Đóm

(1) Mặt trời gác núi	
(2) Bóng tối lan dần	
(3) Anh Đóm chuyên cần	
(4) Lên đèn đi gác.	
(5) Theo làn gió mát	(21) Ngoài sông thím Vạc
(6) Đóm đi rất êm	(22) Lặng lẽ mò tôm,
(7) Đi suốt một đêm	(23) Bên cạnh sao Hôm
(8) Lo cho người ngủ.	(24) Long lanh đáy nước.
(9) Bờ tre rèm rủ	
(10) Yên giấc Cò Con.	(25) Từng bước, từng bước
(11) Một đàn chim non	(26) Vung ngọn đèn lồng
(12) Trong cây nổi ngáy	(27) Anh Đóm quay vòng
(13) Ao không động đập	(28) Như sao bùng nổ
(14) Lau lách ngủ yên.	(29) Như sao rục rờ
(15) Một chú chim Khuyên	(30) Rụng giữa vườn cam,
(16) Nằm mê ú ớ.	(31) Rụng dọc bờ xoan,
(17) Tiếng chị Cò Bợ:	(32) Vườn cau, vườn mít.
(18) - "Ru hời! Ru hời!	
(19) Hời bé tôi ơi,	(33) Gà đâu rộn rịp
(20) Ngủ cho ngon giấc!"	(34) Gáy sáng đặng đông,
	(35) Tắt ngọn đèn lồng
	(36) Đóm lui về nghỉ.

7. Cóc và Châu Chấu Voi

(1) Cóc gặp Châu Chấu Voi	(11) Bỗng dưng đánh một phóc
(2) Cóc nhìn nhìn nhận xét:	(12) Nhảy vọt lên ngọn cây
(3) - "Ôi cái thằng loắt choắt,	(13) Đứng nhìn khắp trời mây,
(4) Có đôi mắt trong veo,	(14) Rung rung đôi râu mép.
(5) Có đôi chân cà kheo,	
(6) Gầy chỉ bằng cái tóc.	(15) Cóc ngồi nhìn lóa mắt:
(7) Đáng thương cho thằng nhóc,	(16) "Châu Chấu quá tài tình!"
(8) Nhảy nhót sao bằng ta!"	

(9) Châu Châu nhìn ra xa,	(17) Từ đó Cóc dặn mình
(10) Hắt đôi chân tách tách.	(18) Luôn luôn phải khiêm tốn!

8. Cùng vui chơi

(1) Trăng Trung Thu tươi cười	(13) Vạc gọi:
(2) Nhô lên sau đồi cỏ.	(14) - Trăng đẹp!
(3) Mặt ao hồ lớn nhỏ	(15) Chúng em gọi:
(4) Đều tràn ngập ánh trăng.	(16) - Trăng đẹp!
(5) Gió đùa sóng lăn tăn	(17) Mời xuống đây chơi!
(6) Như dát vàng rải bạc.	
(7) Trăng Trung Thu bát ngát,	(18) Trăng Trung Thu nhận lời
(8) Phủ lùa khắp xóm làng,	(19) Xuống tham gia rước đuốc
(9) Vùng quê hóa mỡ màng	(20) Đèn ông Trăng bước trước,
(10) Đẹp như trong thần thoại.	(21) Đèn ông Sao bước theo.
(11)Ếch gọi:	(22) Tất cả nổi mừng reo
(12) - Trăng đẹp!	(23) Lượn giữa trời trăng sáng.

9. Vì sao Thông vì vu

(1) Chuyện kể lại rằng:	(12) Thông phải ru nhỏ to
(2) Ngày xưa Sóc đến ở	(13) Vì vu cho Sóc ngủ.
(3) Trong hốc một cây thông,	
(4) Ấm áp cả mùa đông...	(14) Cứ theo làn điệu cũ
(5) Nhưng Sóc thường khó ngủ.	(15) Thông ru mãi thành quen,
(6) Nghe khi gào, vượn hú	(16) Quên ngủ và quên ăn
(7) Là Sóc nổi giật mình,	(17) Luôn vì vu, ru mãi...
(8) Giương to đôi mắt nhìn	
(9) Suốt đêm không chợp mắt!	(18) Thói quen đó truyền lại
(10) Thông vốn rất yêu Sóc,	(19) Đến lớp lớp đời sau,
(11) Thấy vậy Thông rất lo,	(20) Như ta thấy ngày nay
	(21) Thông vì vu, vì vút.

10. Một làn nước mát

(1) Một làn nước mát	(14) Nổ súng ình oàng,
(2) Động ở non cao,	(15) Cổ lấy con đàn
(3) Một tối trăng sao	(16) Chạy nhanh cho kịp!
(4) Rơi vào dòng thác!	
	(17) Bao trận liên tiếp

(5) Cuộc sống hóa khác,	(18) Xuống đến đồng bằng,
(6) Không thể ngồi yên	(19) Theo sóng lặn tăn
(7) Mà phải thường xuyên	(20) Trôi đi một lả!
(8) Xông pha sôi sục!	
(9) Lao mình hùng hục	(21) Rồi rất êm ả
(10) Húc đá chắn ngang,	(22) Đến tưới cho cây,
(11) Bào, dũa, đục, khoan,	(23) Cây cảnh thêm sây
(12) Quát ầm, la hét,	(24) Kéo dài bóng mát.
(13) Quay tròn tối mắt,	

11. Cò biết ở sạch

(1) Cò mải mê nhặt ốc,	(5) Nhưng cò biết ở sạch
(2) Chui giữa lách với lau.	(6) Vội vã bước ra sông.
(3) Đôi cánh cò trắng phau	(7) Cò tắm gội sạch bong
(4) Bị lấm đầy bùn đất!	(8) Lại tung bay trắng toát!

12. Chú voi con

(1) Một chú voi con	(18) Tung lên như bắn.
(2) Đi khám sức khỏe.	(19) Hết gỗ lại nắn,
	(20) Nắn bụng nắn hông:
(3) Bác sĩ nhà trẻ	(21) Gan ruột đều thông
(4) Khám họng cho voi,	(22) Chẳng gì trở ngại!
(5) Dòm dòm soi soi.	(23) Cho thử nước giải
(6) Viêm xoang chẳng có	(24) Chẳng thấy vết đường.
(7) Bảo voi chổng vó	(25) Máu tốt lạ thường
(8) Ngửa mặt lên trời,	(26) Hồng cầu sáu triệu!
(9) Đặt ống sáng ngời,	
(10) Lắng nghe tim đập.	(27) Kết quả số liệu
(11) Nghe xong gật gật:	(28) Càng thấy rõ ra
(12) - Nhịp đập chẳng sao!	(29) Sức khỏe voi ta
(13) Lại rút trong bao	(30) Còn hơn bò tót!
(14) Một chiếc búa nhỏ.	
(15) Dùng búa gõ gõ	(31) Hỏi voi bí quyết
(16) Vào các khuỷu chân,	(32) Sức khỏe nhờ đâu?
(17) Làm voi giật gân,	(33) Voi cười bấy lâu
	(34) Tôi chăm thể dục!

13. Phải chung màu lại

(1) Một anh Quạ Khoang	(27) Nhưng thật đáng tiếc
(2) Gặp chú Bói Cá,	(28) Cái khó bày ra!
(3) Chuyện trò rôm rả	(29) Quạ sờ khắp da
(4) Bàn phải vẽ tranh.	(30) Chỉ một màu mực.
	(31) Vàng Anh rót cục
(5) Gặp anh Vẹt Xanh	(32) Chỉ có màu vàng.
(6) Trên cành lấp bắp:	(33) Bói Cá càng xoàng,
(7) - "Mùa xuân trái khắp	(34) Chỉ toàn màu lục.
(8) Muôn sắc, muôn màu!	(35) Cỏ Đỏ càng cực
(9) Ta phải mau mau	(36) Chỉ có cục son,
(10) Ghi cho đầy đủ!"	(37) Trong lúc núi non
(11) Cỏ Đỏ thích thú:	(38) Long lanh nghìn sắc.
(12) - "Này các bạn ơi!	
(13) Màu sắc sinh sôi	(39) Chợt đầu diu dặt
(14) Là để ta vẽ!"	(40) Tiếng anh Bách Thanh:
(15) Vàng Anh thở thê:	(41) – “Muốn vẽ nên tranh
(16) - "Tôi rất tán thành,	(42) Phải chung màu lại!”
(17) Sống không vẽ tranh	
(18) Làm sao chịu được!	(43) Tiếng reo: “Phải, phải!”
(19) Non sông óng mượt	(44) Vang cả núi rừng
(20) Hoa gấm, lụa tơ,	(45) Các chim vui mừng
(21) Đất là bài thơ	(46) Pha chung màu sắc
(22) Trời là điệu nhạc!"	
(23) Tài năng nhiệt huyết	(47) Như một điệu nhạc
(24) Tất cả sẵn sàng	(48) Năm đó mùa xuân
(25) Các chim vội vàng	(49) Nghìn sắc tung bừng
(26) Bắt tay vào việc.	(50) Vào tranh tuyệt đẹp!

14. Báo mưa

(1) Con Cóc	(12) Trời đang nắng trưa
(2) Đánh một phóc	(13) Bỗng dung tối mịt.
(3) Như bật lò xo	(14) Mưa đầu rối rít
(4) Cái bụng Cóc to	(15) Khấp ngả kéo về
(5) Tròn như cái trống	(16) Ai nấy hả hê
(6) Cái miệng khoét rộng	(17) Đồng không thiếu nước.
(7) Như miệng bùng binh	(18) Đất trời quạt mát
(8) Ngoài hiên thành linh	(19) Lúa tốt bời bời
(9) Nổi lên: Ọc, ọc!	(20) Con Cóc, mầy ơi,

(10) Tôi là con Cóc,	(21) Báo mưa giỏi thật!
(11) Tôi báo trời mưa.	

15. Mời vào

(1) - Cốc, cốc, cốc!	(16) - Cốc, cốc, cốc!
(2) - Ai gọi đó?	(17) - Ai gọi đó?
(3) - Tôi là Thỏ.	(18) - Tôi là Gió.
(4) - Nếu là Thỏ	(19) - Xin mời vào!
(5) Cho xem tai.	
	(20) Kiễng chân cao
(6) - Cốc, cốc, cốc!	(21) Trèo qua cửa,
(7) - Ai gọi đó?	(22) Cùng soạn sửa
(8) - Tôi là Nai.	(23) Đón trăng lên,
(9) - Thật là Nai	(24) Quat mát thêm..
(10) Cho xem gạc.	(25) Hơi biển cả,
	(26) Reo hoa lá,
(11) - Cốc, cốc, cốc!	(27) Đẩy buồm thuyền...
(12) - Ai gọi đó?	(28) Đi khắp miền
(13) - Tôi là Vạc.	(29) Làm việc tốt.
(14) - Đúng là Vạc	
(15) Cho xem chân.	

16. Con bê lông vàng

(1) Con bê lông vàng	(14) "Bê.. ê", gọi mẹ...
(2) Có loang màu trắng	(15) Chung quanh vắng vẻ
(3) Bước đi liến thoắng,	(16) Chẳng thấy mẹ đâu!
(4) Miệng cứ: "Bê... ê!"	(17) Nó lại đứng lên
	(18) Đi vào vườn ớt,
(5) Ở kia! Con bê	(19) Nhìn sau nhìn trước,
(6) Đi qua vườn ớt,	(20) Đi vào vườn cà,
(7) Nhìn sau nhìn trước,	(21) Đi vào, đi ra,
(8) Đi vào vườn cà,	(22) Vượt qua đồi cỏ.
(9) Đi vào, đi ra,	
(10) Đi tìm mẹ nó!	(23) Thấy cái hoa nở
(11) Vấp cọc đau quá,	(24) Nó bước lại gần,
(12) Nó ngã lăn kên!	(25) Nó đứng tần ngần,
(13) Nó nhìn chung quanh	(26) Mũi kè, hít hít!

17. Thỏ con

(1) Thỏ con run rẩy	(11) Ối! Bà con đâu?
(2) Hoảng hốt kêu la:	(12) Phải chạy! Phải chạy!"
(3) - "Ồi mẹ! Ối cha!	
(4) Ôi kìa! Cháy lớn!	(13) Nhìn ra chỗ cháy
(5) Ối! Quá ghê rợn	(14) Thỏ Mẹ mỉm cười:
(6) Lửa cháy lan tràn.	(15) - "Con của tôi ơi!
(7) Mau mau hộ hàng	(16) Phải nhìn cho rõ.
(8) Phải lo chạy trốn!	(17) Lửa kia rực đỏ
	(18) Là những rừng bàng
(9) Những ai ngồi rón	(19) Tiết thu vừa sang
(10) Sẽ chết queo râu!	(20) Nhuộm thành màu lửa!"

18. Bốn người

(1) Người thứ nhất:	(14) Thổi lá vàng bay
(2) Vươn vai lên trước	(15) Pha hồ nước biếc.
(3) Rải khắp đất trời	
(4) Chồi lộc xanh tươi	(16) Người thứ tư:
(5) Sắc màu rực rỡ.	(17) Giăng mây mù mịt
	(18) Vật trụi cành bàng
(6) Người thứ hai:	(19) Rải khắp non ngàn
(7) Giục chim làm tổ	(20) Mưa phùn gió bắc.
(8) Nhuộm lục cánh đồng,	
(9) Thấp đỏ hoa vông,	(21) Thay ca đôi kíp,
(10) Thổi bùng lưới lửa.	(22) Đổi mới non sông:
	(23) Xuân, Hạ, Thu, Đông
(11) Người thứ ba:	(24) Mỗi người một vẻ.
(12) Đơm cành trĩu quả	
(13) Nhuộm đỏ rừng cây	

19. Chú Châu Chàng

(1) Một chú Châu Chàng	(14) Một bác cá Trôi
(2) Ngồi trên lá sen	(15) Xòe vây quạt quạt.
(3) Mải nhìn hồ nước	(16) Châu Chàng im bật
(4) Thấy trời lộn ngược	(17) Đưa mắt ngồi nhìn.
(5) Mây trắng rung rinh	(18) Mây trôi lặng im
(6) Chú ngồi lặng thính	(19) Đáy hồ nước biếc.
(7) Như đang mơ tưởng	
(8) Một chị Niềng Niềng	(20) Chợt: Cạc, cạc, cạc!

(9) Hì hục dưới bùn.	(21) Có tiếng đàn vịt...
(10) Một anh Chuồn Chuồn	(22) Chú Chấu Chàng
(11) Là là mặt nước.	(23) Nhanh như chớp,
(12) Một chú Nòng Nọc	(24) Đánh một cái phốc
(13) Ngộ nguậy cái đuôi.	(25) Vụt biến mất!

20. Anh Năng sớm

(1) Ngày về còn ngần ngại	(17) Rắc bạc trên làn sóng
(2) Bóng tối vẫn mờ mờ...	(18) Sóng óng ánh rập rờn,
(3) Chợt ánh một đường tơ	(19) Rải ngọc núi mơ màng
(4) Vùng đông xòe cánh quạt.	(20) Núi non bừng sáng quắc.
(5) Ngày trở về bát ngát	(21) Thấp sâu kho, nhà gạch
(6) Anh Năng sớm nhô lên	(22) Rực rỡ sắc vàng son
(7) Nhìn rộng khắp bốn bên	(23) Thấp chồi biếc mầm non
(8) Đất trời im phẳng phắc.	(24) Triệu hào quang lấp lánh.
(9) Năng sớm sợ làm mất	(25) Năng sớm tỏa hơi ấm
(10) Giấc ngủ của cỏ cây	(26) Lúa chín trải vàng phơi
(11) Theo làn gió hây hây	(27) Vườn tược khắp mọi nơi
(12) Lướt êm ru trên cỏ.	(28) Tỏa hương thơm mật ngọt.
(13) Hứng những làn sương nhỏ	(29) Làm xong mọi việc tốt
(14) Đúc thành vụn kim cương	(30) Đến lúc phải nghỉ ngơi
(15) Trải rộng khắp đồi nương	(31) Năng Sớm vào ngôi chơi
(16) Màu lụa vàng óng ánh.	(32) Giữa nụ cười quả đỏ.

21. Biết phải làm gì?

(1) Năng tung lưới lửa	(14) Tưới nước xuống ngay!
(2) Đốt cháy cánh đồng	(15) Làn Mây dừng bay
(3) Ao hồ, suối sông	(16) Cúi nhìn xuống đất
(4) Thấy đều cạn sạch.	(17) Thấy rõ sự thật,
(5) Giữa trưa nắng gắt	(18) Biết phải làm gì?
(6) Chợt có Làn Mây	(19) Làn Mây tức thì
(7) Theo gió hây hây	(20) Vươn dài tỏa rộng
(8) Trôi đi trắng xóa	(21) Cả trời lồng lộng
(9) Vô tư, nhàn nhã	(22) Chợt phủ kín mây.
(10) Ngay giữa đỉnh trời!	
(11) Chợt khắp nơi nơi	

(12) Vang ầm tiếng gọi:	(23) Gió giật rung cây,
(13) - Mây ơi! Dừng lại!	(24) Mưa rơi lấp đóp.

22. Chân mưa

(1) Mặt trời hé nhìn	(7) Chạy khắp các nẻo
(2) Mưa rơi sáng quắc.	(8) Nhẹ gót êm ru
(3) Chân mưa thoăn thoắt	(9) Nắng lóe chiều thu
(4) Chạy vụt qua làng,	(10) Nghìn chân óng mượt.
(5) Từng hàng, từng hàng	(11) Chân mưa đuổi bắt
(6) Dài như chân sếu.	(12) Ráng đỏ hoàng hôn,
	(13) Theo cò cuối thôn
	(14) Chạy xa biển mất!

23. Nắng ầm

(1) Cuối xuân anh Nắng ầm	(9) Nơi chỉ nghe gió rít
(2) Đuổi hết rét về rừng	(10) Chỉ có thác gầm gào
(3) Bọn Rét phút cuối cùng	(11) Chỉ tiếng hùm báo hao,
(4) Chạy vào hang vào hốc,	(12) Chỉ khi ho, cò khóc.
(5) Hoặc cùng nhau tức tốc	(13) Đuổi xong hết bọn Rét
(6) Chui rừng sến, rừng lim,	(14) Nắng ầm lại đứng ra
(7) Rừng bạch đàn thâm nghiêm,	(15) Tung giữa trời bao la
(8) Nơi tối mò tối mịt,	(16) Triệu hào quang lấp lánh.

24. Bờ tre làng

(1) Buổi sớm lúc sương tan	(9) Cu cườm hát giữa trưa
(2) Bờ tre làng lấp lánh.	(10) Tre họa lời kiu kịt.
(3) Đổ lại đàn cò trắng	(11) Bờ tre trông đẹp nhất
(4) Tre như nở bồng hoa	(12) Đứng giữa ánh trăng thu
(5) Sáo sậu nổi hát ca	(13) Trăng tròn êm như ru
(6) Tre rung rinh trời sáng.	(14) Treo trên tre lỏng lộng.
(7) Lời họa mi loáng thoáng	
(8) Tre phe phẩy đung đưa	

25. Những nghệ sĩ

(1) Chung quanh nhà tôi	(16) Là các chú Chim
(2) Có nhiều nghệ sĩ!	(17) Đàn hát liên miên
(3) Làm xiếc tuyệt mỹ	(18) Đủ làn, đủ điệu
(4) Có Ngỗng cổ cao,	(19) Xôn xao, kì diệu
(5) Nhào lộn xuống ao	(20) Tiếng hát Vàng Anh!
(6) Không hề gãy cổ!	(21) Rực rỡ, long lanh
(7) Có nghệ sĩ Thỏ	(22) Giọng anh Bò Cát
(8) Nhảy vọt qua rào	(23) Vừa múa, vừa hát
(9) Không bị gai cào	(24) Các chú Bò Chao!
(10) Toạc da rách thịt!	(25) Vang lừng xôn xao
(11) Có nghệ sĩ Vịt	(26) Giọng anh Chiền Chiện!
(12) Biểu diễn tài bơi	(27) Chao mình múa lượn
(13) Như thuyền ra khơi	(28) Có chú Én Xanh!
(14) Lướt êm mặt nước!	(29) Những “nghệ sĩ” loại ưu tú đàn anh,
(15) Nhiều tài xuất sắc	(30) Quanh nhà tôi đều có đủ!

26. Ráng chiều đi đâu?

(1) Mặt trời xuống đến núi	(11) Ráng chui vào cành cây?
(2) Tỏa ráng đỏ chiều hôm.	(12) Thấp lên những quả đỏ?
(3) Chân trời màu xanh lam	(13) Thấp bông hoa lớn nhỏ
(4) Bỗng sáng lên đỏ rực	(14) Đủ màu đỏ, màu vàng?
(5) Cả ao hồ sông nước	(15) Ráng chui vào cành bàng
(6) Nhuộm màu đỏ, màu vàng.	(16) Cành bàng đỏ như lửa?
(7) Phút chốc khắp non ngàn	(17) Ráng chui vào bông lúa
(8) Bỗng dừng trở tối mịt!	(18) Làm lúa chín vàng hơn?
(9) Vẩy ráng chiều đột ngột	(19) Bông lúa càng thêm thơm
(10) Đã chui mất đi đâu?	(20) Lúc ngày về trở lại!

27. Ngàn sao làm việc

(1) Bóng chiều tỏa ra nhanh	(15) Phía đông nam rời rợi
(2) Trên các bờ bụi rậm	(16) Ai đặt một chiếc nòm
(3) Đồng quê đang xanh thắm	(17) Rờ rờ ngôi sao Hôm
(4) Bỗng chốc trở tối mờ.	

(5) Trâu tôi đã ăn no	(18) Như đuốc đèn soi cá.
(6) Bước giữa trời yên tĩnh	
(7) Trâu tôi đi đủng đỉnh	(19) Bên trời thêm rộn rã
(8) Như bước giữa ngàn sao.	(20) Cả nhóm Đại Hùng Tinh
	(21) Buông gàu bên sông Ngân
(9) Sông Ngân Hà nao nao	(22) Suốt đêm lo tát nước ...
(10) Chảy giữa trời lồng lộng	
(11) Sao Thần Nông tỏa rộng	(23) Ngàn sao vui làm việc
(12) Một chiếc vó bằng vàng	(24) Mãi đến lúc hừng đông
(13) Đón những sao dọc ngang	(25) Phe phẩy chiếc quạt hồng
(14) Như tôm cua bơi lội.	(26) Báo ngày lên về nghỉ.

28. Cây tre

(1) Tôi đi ra đồng	(9) Trên ao cúi cúi
(2) Bờ tre phe phẩy.	(10) Như chiếc cần câu.
(3) Tôi đi về nhà	(11) Câu chùng đã lâu
(4) Bờ tre vẫy vẫy.	(12) Sao chưa giặt cá?
(5) Bờ tre đứng đầy	(13) Dáng tre óng ả
(6) Như đón như chào.	(14) Mềm tựa làn mây,
	(15) Khi giặc đến đây
(7) Một cây tre cao	(16) Tre là gươm nhọn.
(8) Nhô ra khỏi bụi	

29. Ai dậy sớm

(1) Ai dậy sớm	(7) Cả vùng đông
(2) Bước ra nhà,	(8) Đang chờ đón?
(3) Cau ra hoa	
(4) Đang chờ đón!	(9) Ai dậy sớm
	(10) Chạy lên đồi,
(5) Ai dậy sớm	(11) Cả đất trời
(6) Đi ra đồng,	(12) Đang chờ đón!

PHỤ LỤC 2

KHẢO SÁT PHÉP LẬP TRONG TẬP THƠ *AI DẠY SỚM* CỦA VÕ QUẢNG

STT	Tên tác phẩm	Phép liên kết			Phương tiện liên kết
		Lập từ vựng	Lập ngữ âm	Lập ngữ pháp	
1	Mầm Non	x			1. Từ “lá” được lặp lại trong câu (2), (6), (9) 2. Từ “Mầm Non” được lặp lại trong câu (3), (5), (23) 3. Từ “Thấy” được lặp lại trong câu (7), (8), (12) 4. Từ “Tức thì” được lặp lại trong câu (19), (21) 5. Từ “Nổi” được lặp lại trong câu (20), (22) 6. Từ “Một” được lặp lại trong câu (3),(13) 7. Từ “còn” được lặp lại trong câu (2), (4)
			x		* Lặp vần 1. Vần “o” được lặp lại trong từ <i>vỏ</i> ở câu (1), từ <i>đỏ</i> ở câu (2) và từ <i>nhỏ nhỏ</i> ở câu (3). 2. Vần “im” ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>lim dim</i> ở câu (5) 3. Vần “a” được lặp lại trong từ <i>lá</i> ở câu (6), từ <i>hả</i> ở câu (7) 4. Vần “anh” trong từ <i>cành</i> ở câu (12) lặp lại trong từ <i>nhanh</i> ở câu (13) 5. Vần “ăng” trong từ <i>văng</i> ở câu (14) được lặp lại trong từ <i>ắng</i> ở câu (15) 6. Vần “êu” trong từ <i>rêu</i> ở câu (16) được lặp lại trong từ <i>kêu</i> ở câu (17) 7. Vần “oi” trong từ <i>roi</i> ở câu (24) được lặp lại trong từ <i>trời</i> ở câu (25) * Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết

				x	1. Cấu trúc Chủ ngữ -Vị ngữ được lặp lại ở câu (5), (23) 2. Cấu trúc câu “Tức thì ...” được lặp lại ở câu (19), (21)
2	Đàn bò chao	x			1. Từ “Chúng” được lặp lại ở câu (7) và câu (9) 2. Từ “bay” được lặp lại ở câu (8), (9), (12) 3. Từ “xa” được lặp lại ở câu (9) và câu (12) 4. Từ “Lại” được lặp lại ở câu (11) và câu (12) 5. Từ “cây rom” ở câu (6) được lặp lại ở câu (10) 6. Từ “nhảy nhót, lợn tợn” ở câu (7) được lặp lại ở câu (11) 7. Cụm từ “đi tuốt” ở câu (8) được lặp lại ở câu (12)
			x		*Lặp vần 1. Vần “inh” trong từ <i>minh</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>tin</i> ở câu (3) 2. Vần “ôm” trong từ <i>rom</i> ở câu (2) và câu (10)
					* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
				x	1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (7), (9)
3	Quả đỏ	x			1. Từ “quả” được lặp lại ở câu (1) và (3) 2. Từ “những” được lặp lại ở câu (1) và (3)
		x	x		*Lặp vần 1. Vần “ai” trong từ <i>mai</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>sai</i> ở câu (3) 2. Vần “oi” trong từ <i>mới</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>tới</i> ở câu (5) 3. Vần “ang” trong từ <i>vang</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>màng</i> ở câu (7)
					* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết

				x	1. Cấu trúc “Những + danh từ” được lặp lại ở câu (1), (2), (3), (4)
4	Chị Chối Tre	x			1. Cụm từ “chị Chối” được lặp lại ở câu (5), (10), (18), (23), (31) 2. Từ “bụi” được lặp lại ở câu (7), (8), (20), (21) 3. Từ “hắt xì” được lặp lại ở câu (11), (24) 4. Từ “quét” được lặp lại ở câu (32), (33), (34) 5. Từ “tiếng” được lặp lại ở câu (13), (26) 6. Cụm từ “Chị Chối Tre” được lặp lại ở câu (1), (14), (27) 7. Từ “cay cay” được lặp lại ở câu (8), (21) 8. Từ “bước” được lặp lại ở câu (2), (15), (28) 9. Cụm từ “Rồi nổi ho” được lặp lại ở câu (12), (25) 10. Cụm từ “Roặc, roặc, roặc” được lặp lại ở câu (6), (32), (19) 11. Từ “mũi” được lặp lại ở câu (9), (22), (30)
			x		*Lặp vần 1. Vần “e” được lặp lại trong từ <i>tre</i> ở câu (1), từ <i>hè</i> ở câu (2), từ <i>me</i> ở câu (3) 2. Vần “ay” trong từ <i>bay</i> ở câu (7), (20) được lặp lại trong từ <i>cay</i> ở câu (8), (21) 3. Vần “o” được lặp lại trong từ <i>to</i> ở câu (11), từ <i>ho</i> ở câu (12) 4. Vần “a” được lặp lại trong từ <i>nhà</i> ở câu (28), từ <i>ra</i> ở câu (29) 5. Vần “ang” được lặp lại trong từ <i>đàng</i> ở câu (15), từ <i>vàng</i> ở câu (16) 6. Vần “ung” trong từ <i>tung</i> ở câu (38) lặp lại trong từ <i>đùng</i> ở câu (39)

					7. Vần “ư” được lặp lại trong từ <i>cửa</i> ở câu (44), từ <i>rửa</i> ở câu (45)
					* Lặp số lượng âm tiết: 2 âm tiết và 3 âm tiết
				x	1. Câu “Chị Chổi quét” được lặp lại 2 lần ở câu (5), (18) 2. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (1), (2), (3), (4); (14), (15), (16), (17), (27), (28), (29), (30) 3. Cấu trúc “Làm chị Chổi/ Hắt xì to/ Rồi nổi ho” được lặp lại 2 lần 4. Thành phần vị ngữ là “Quét ...” được lặp lại ở câu (32), (33), (34)
5	Gió	x			1. Từ “Gió” được lặp lại ở câu (1), (4), (12), (14), (31), (34), (35) 2. Từ “bạn” được lặp lại ở câu (1), (2), (7), (9) 3. Từ “tặng” được lặp lại ở câu (4), (6), (8), (10) 4. Từ “học” được lặp lại ở câu (12), (14) 5. Từ “Thổi” được lặp lại ở câu (15), (17), (20) 6. Từ “Tuồng” được lặp lại ở câu (22), (24) 7. Từ “tiếng” được lặp lại ở câu (25), (26) 8. Từ “Như” được lặp lại ở câu (26), (27)
				x	*Lặp vần 1. Vần “anh” trong từ <i>xanh</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>lành</i> ở câu (3) 2. Vần “ao” được lặp lại trong từ <i>sáo</i> ở câu (4), từ <i>dạo</i> ở câu (5), từ <i>rào</i> ở câu (18), từ <i>xao</i> ở câu (19) 3. Vần “âm” trong từ <i>cầm</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>Mầm</i> ở câu (7) 4. Vần “oc” trong từ <i>học</i> ở câu (12) lặp lại trong từ <i>nhọc</i> ở câu (13)

				5. Vần “ông” trong từ <i>công</i> ở câu (14) được lặp lại trong từ <i>thông</i> ở câu (15) 6. Vần “a” được lặp lại trong từ <i>sa</i> ở câu (22), từ <i>ta</i> ở câu (23) 7. Vần “ên” trong từ <i>đến</i> ở câu (24) được lặp lại trong từ <i>mến</i> ở câu (25) 8. Vần “u” được lặp lại trong từ <i>ru</i> ở câu (26), từ <i>thu</i> ở câu (27) 9. Vần “ong” trong từ <i>trong</i> ở câu (30) được lặp lại trong từ <i>lòng</i> ở câu (31) 10. Vần “oi” trong từ <i>ngôi</i> ở câu (34) lặp lại trong từ <i>hoi</i> ở câu (35)
				* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
			x	1. Câu “<i>Có bạn ...</i>” được lặp lại 2 lần ở câu (2), (7) 2. Cấu trúc Động từ + bổ ngữ: “<i>Thổi vào +...</i>” được lặp lại 2 lần ở câu (15), (17)
6	Anh Đom Đóm	x		1. Cụm từ “Anh Đóm” được lặp lại ở câu (3), (27) 2. Từ “đóm” được lặp lại ở câu (6), (36) 3. Từ “gác” được lặp lại ở câu (1), (4) 4. Từ “đi” được lặp lại ở câu (4), (6), (7) 5. Từ “ngủ” được lặp lại ở câu (8), (12), (14), (20) 6. Từ “sao” được lặp lại ở câu (28), (29) 7. Cụm từ “ngọn đèn lòng” được lặp lại ở câu (26), (35) 8. Từ “nhu” được lặp lại ở câu (28), (29) 9. Từ “rụng” được lặp lại ở câu (30), (31)
			x	*Lặp vần 1. Vần “ân” trong từ <i>dân</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>cần</i> ở câu (3)

					2. Vần “êm” được lặp lại trong từ <i>êm</i> ở câu (6), từ <i>đêm</i> ở câu (7) 3. Vần “u” được lặp lại trong từ <i>ngủ</i> ở câu (8), từ <i>rủ</i> ở câu (9) 4. Vần “on” trong từ <i>Con</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>non</i> ở câu (11) 5. Vần “ơ” được lặp lại trong từ <i>ó</i> ở câu (16), từ <i>Bơ</i> ở câu (17), từ <i>nở</i> ở câu (28), từ <i>rỡ</i> ở câu (29) 6. Vần “oi” trong từ <i>hời</i> ở câu (18) được lặp lại trong từ <i>oi</i> ở câu (19) 7. Vần “ôm” trong từ <i>tôm</i> ở câu (22) được lặp lại trong từ <i>Hôm</i> ở câu (23) 8. Vần “ước” trong từ <i>nước</i> ở câu (24) được lặp lại trong từ <i>bước</i> ở câu (25) 9. Vần “ông” trong từ <i>đông</i> ở câu (34) được lặp lại trong từ <i>lông</i> ở câu (35)
					* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
				x	1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (13), (14) 2. Cấu trúc “Như sao” được lặp lại 2 lần ở câu (28), (29) 3. Cấu trúc “Rạng ...” được lặp lại ở câu (30), (31)
7	Cóc và Châu Chấu Voi	x			1. Từ “Cóc” được lặp lại ở câu (1), (2), (15), (17) 2. Từ “Châu Chấu” được lặp lại ở câu (1), (9), (16) 3. Từ “có” được lặp lại ở câu (4), (5) 4. Từ “nhìn” được lặp lại ở câu (13), (15)
			x		*Lặp vần 1. Vần “eo” trong từ <i>veo</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>kheo</i> ở câu (5) 2. Vần “oc” trong từ <i>tóc</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>nhóc</i> ở câu (7), (11)

					3. Vần “a” được lặp lại trong từ <i>ta</i> ở câu (8), từ <i>xa</i> ở câu (9) 4. Vần “ây” trong từ <i>cây</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>mây</i> ở câu (13) 5. Vần “inh” trong từ <i>tình</i> ở câu (16) được lặp lại trong từ <i>mình</i> ở câu (17)
					* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
				x	1. Cấu trúc “<i>Có + cụm danh từ</i>” được lặp lại ở câu (4), (5) 2. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (1), (2), (15)
8	Cùng vui chơi	x			1. Từ “gọi” được lặp lại ở câu (11), (13), (15) 2. Từ “trắng” được lặp lại ở câu (1), (7), (12), (14), (16), (18), (23) 3. Từ “Trung Thu” được lặp lại ở câu (1), (7), (18) 4. Từ “đẹp” được lặp lại ở câu (12), (14), (16) 5. Từ “đèn” được lặp lại ở câu (20), (21) 6. Từ “bước” được lặp lại ở câu (20), (21)
				x	*Lặp vần 1. Vần “o” được lặp lại trong từ <i>cỏ</i> ở câu (2), từ <i>nhỏ</i> ở câu (3) 2. Vần “at” trong từ <i>dát</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>ngát</i> ở câu (7) 3. Vần “ang” trong từ <i>làng</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>màng</i> ở câu (9) 4. Vần “oi” trong từ <i>chơi</i> ở câu (17) được lặp lại trong từ <i>lời</i> ở câu (18) 5. Vần “ước” được lặp lại trong từ <i>rước</i> câu (19), trong từ <i>bước</i>, <i>trước</i> ở câu (20), trong từ <i>bước</i> ở câu (21) 6. Vần “eo” trong từ <i>theo</i> ở câu (21) được lặp lại trong từ <i>reo</i> ở câu (22)

					7. Vần “ep” được lặp lại trong từ <i>đẹp</i> ở câu (12), (14), (16)
					* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
				x	1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “ <i>Trăng Trung Thu...</i> ” được lặp lại 3 lần ở câu (1), (7), (18) 2. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “ <i>Trăng đẹp</i> ” được lặp lại 3 lần ở câu (12), (14), (16) 3. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “ <i>Đèn ông...bước..</i> ” được lặp lại ở câu (20), (21)
9	Vì sao Thông vi vu				1. Từ “Sóc” được lặp lại ở câu (2), (5), (7), (10), (13) 2. Từ “Thông” được lặp lại ở câu (10), (11), (12), (15), (21) 3. Từ “ngủ” được lặp lại ở câu (5), (13), (16) 4. Từ “ru” được lặp lại ở câu (12), (15), (17) 5. Từ “vi vu” được lặp lại ở câu (13), (17), (21)
		x			
				x	*Lặp vần 1. Vần “ông” trong từ <i>thông</i> ở câu (3) được lặp lại trong từ <i>đông</i> ở câu (4) 2. Vần “u” được lặp lại trong từ <i>ngủ</i> ở câu (5), (13), (16); từ <i>hú</i> ở câu (6), từ <i>ru</i> ở câu (12), (15), (17); từ <i>cũ</i> ở câu (14), từ <i>ngủ</i> ở câu (16), từ <i>vu</i> ở câu (17) 3. Vần “o” được lặp lại trong từ <i>lo</i> ở câu (11), từ <i>to</i> ở câu (12), từ <i>cho</i> ở câu (13)
10	Một làn nước mát				* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
		x			1. Từ “một” được lặp lại ở câu (1), (3)
				x	*Lặp vần 1. Vần “ao” trong từ <i>cao</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>sao</i> ở câu (3) 2. Vần “ac” trong từ <i>thác</i> ở câu (4)

					được lặp lại trong từ <i>khác</i> ở câu (5) 3. Vần “uc” được lặp lại trong từ <i>sục</i> ở câu (8), từ <i>hục</i> ở câu (9), từ <i>húc</i> ở câu (10), từ <i>đục</i> ở câu (11) 4. Vần “a” được lặp lại trong từ <i>lả</i> ở câu (20), từ <i>êm ả</i> ở câu (21) 5. Vần “ây” trong từ <i>cây</i> ở câu (22) được lặp lại trong từ <i>sây</i> ở câu (23) * Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
11	Cò biết ở sạch	x			1. Từ <i>sạch</i> ở câu (5) được lặp lại ở câu (7) 2. Từ <i>cò</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (3), (5)
			x		*Lặp vần 1. Vần <i>au</i> trong từ <i>lau</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>phau</i> ở câu (3) * Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
				x	1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (1), (7)
12	Chú voi con	x			1. Từ <i>voi</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (4), (7), (17), (29), (31), (33) 2. Từ <i>sức khỏe</i> ở câu (2) được lặp lại ở câu (29), (32) 3. Từ <i>khám</i> ở câu (2) được lặp lại ở câu (4) 4. Từ <i>đập</i> ở câu (10) được lặp lại ở câu (12) 5. Từ <i>búa</i> ở câu (14) được lặp lại ở câu (15) 6. Từ <i>gỗ</i> ở câu (15) được lặp lại ở câu (19) 7. Từ <i>nấn</i> ở câu (19) được lặp lại ở câu (20) 8. Từ <i>chẳng</i> ở câu (22) được lặp lại ở câu (24)
			x		*Lặp vần 1. Vần <i>oi</i> trong từ <i>voi</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>soi</i> ở câu (5)

				2. Vần <i>o</i> trong từ <i>có</i> ở câu (6) được lặp lại trong trong từ <i>vó</i> ở câu (7), từ <i>nhỏ</i> ở câu (14), từ <i>gỗ</i> ở câu (15) 3. Vần <i>ăt</i> trong từ <i>mặt</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>đặt</i> ở câu (9) 4. Vần <i>oi</i> trong từ <i>trời</i> ở câu (8) được lặp lại trong trong từ <i>ngời</i> ở câu (9) 5. Vần <i>ao</i> trong từ <i>sao</i> ở câu (12) được lặp lại trong trong từ <i>bao</i> ở câu (13) 6. Vần <i>ân</i> trong từ <i>chân</i> ở câu (16) được lặp lại trong từ <i>gân</i> ở câu (17) 7. Vần <i>ăn</i> trong từ <i>bắn</i> ở câu (18) được lặp lại trong từ <i>nắn</i> ở câu (19) 8. Vần <i>ông</i> trong từ <i>hông</i> ở câu (20) được lặp lại trong từ <i>thông</i> ở câu (21) 9. Vần <i>ai</i> trong từ <i>ngại</i> ở câu (22) được lặp lại trong từ <i>giải</i> ở câu (23) 10. Vần <i>ương</i> trong từ <i>đường</i> ở câu (24) được lặp lại trong từ <i>thường</i> ở câu (25) 11. Vần <i>iêu</i> trong từ <i>triệu</i> ở câu (26) được lặp lại trong từ <i>liệu</i> ở câu (27) 12. Vần <i>a</i> trong từ <i>ra</i> ở câu (28) được lặp lại trong trong từ <i>ta</i> ở câu (29) 13. Vần <i>âu</i> trong từ <i>đâu</i> ở câu (32) được lặp lại trong từ <i>lâu</i> ở câu (33) * Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
13	Phải chung màu lại	x		1. Từ <i>anh</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (5), (40) 2. Từ <i>phải</i> ở câu (4) được lặp lại ở câu (9), (42), (43) 3. Từ <i>vẽ</i> ở câu (4) được lặp lại ở câu (14), (17), (41) 4. Từ <i>tranh</i> ở câu (4) được lặp lại ở câu (17), (41), (50) 5. Từ <i>sắc</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu (38), (49) 6. Từ <i>màu</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu

				(30), (32), (34), (42) 7. Từ <i>ta</i> ở câu (9) được lặp lại ở câu (14) 8. Từ <i>chỉ</i> ở câu (30) được lặp lại ở câu (32), (34), (36) 9. Từ <i>càng</i> ở câu (33) được lặp lại ở câu (35) 10. Từ <i>ngành</i> ở câu (38) được lặp lại ở câu (49) 11. Từ <i>chung</i> ở câu (42) được lặp lại ở câu (46) 12. Từ <i>màu sắc</i> được lặp lại ở câu (13), (46) 13. Cụm từ <i>các chim</i> được lặp lại ở câu (25), (45)
		x		*Lặp vần 1. Vần <i>a</i> trong từ <i>cá</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>rả</i> ở câu (3), từ <i>ra</i> ở câu (28), từ <i>da</i> ở câu (29) 2. Vần <i>anh</i> trong từ <i>anh</i> ở câu (1) được lặp lại trong từ <i>tranh</i> ở câu (4), (17), (41); từ <i>xanh</i> ở câu (5); từ <i>cành</i> ở câu (6); từ <i>thành</i> ở câu (16); từ <i>tranh</i> ở câu (17); từ <i>anh</i> ở câu (40) 3. Vần <i>ai</i> trong từ <i>phải</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>trái</i> ở câu (7), từ <i>phải</i> ở câu (9), (42), (43) 4. Vần <i>ấp</i> trong từ <i>lấp bắp</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>khấp</i> ở câu (7) 5. Vần <i>au</i> trong từ <i>màu</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>mau mau</i> ở câu (9) 6. Vần <i>o</i> trong từ <i>cho</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>đỏ</i> ở câu (11) 7. Vần <i>u</i> trong từ <i>đủ</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>thú</i> ở câu (11) 8. Vần <i>e</i> trong từ <i>vẽ</i> ở câu (14) được lặp lại trong từ <i>thẻ</i> ở câu (15) 9. Vần <i>ơ</i> trong từ <i>tơ</i> ở câu (20) được lặp lại trong từ <i>thơ</i> ở câu (21)

				10. Vẫn <i>ang</i> trong từ <i>sàng</i> ở câu (24) được lặp lại trong từ <i>vàng</i> ở câu (25), (32); từ <i>càng</i> ở câu (33) 11. Vẫn <i>iêc</i> trong từ <i>việc</i> ở câu (26) được lặp lại trong từ <i>tiếc</i> ở câu (27) 12. Vẫn <i>on</i> trong từ <i>son</i> ở câu (36) được lặp lại trong từ <i>non</i> ở câu (37) 13. Vẫn <i>uc</i> trong từ <i>mực</i> ở câu (30) được lặp lại trong từ <i>cực</i> ở câu (35) 14. Vẫn <i>uc</i> trong từ <i>cục</i> ở câu (31) được lặp lại trong từ <i>lục</i> ở câu (34), từ <i>cục</i> ở câu (36), từ <i>lúc</i> ở câu (37) 15. Vẫn <i>ung</i> trong từ <i>rừng</i> ở câu (44) được lặp lại trong từ <i>mùng</i> ở câu (45), từ <i>bùng</i> ở câu (49)
				* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
				x 1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (21), (22), (29), (31), (33), (35) 2. Cấu trúc “<i>Gặp + cụm danh từ</i>” được lặp lại ở câu (2), (5) 3. Cấu trúc “<i>Chỉ có.../chỉ toàn.../chỉ một...</i>” được lặp lại ở câu (30), (32), (34), (36)
14	Báo mưa	x		1. Từ <i>con cóc</i> trong câu (1) được lặp lại trong câu (10), (20) 2. Từ <i>miệng</i> trong câu (6) được lặp lại trong câu (7) 3. Từ <i>cái</i> trong câu (4) được lặp lại trong câu (5), (6) 4. Từ <i>tôi</i> trong câu (10) được lặp lại trong câu (11) 5. Từ <i>mưa</i> trong câu (11) được lặp lại trong câu (14), (21) 6. Từ <i>trời</i> trong câu (11) được lặp lại trong câu (12) 7. Từ <i>báo</i> trong câu (11) được lặp lại trong câu (21)

			x	*Lắp vần - Vần <i>oc</i> trong từ <i>cóc</i> ở câu (1) được lặp lại trong từ <i>phóc</i> ở câu (2), từ <i>oc</i> ở câu (9), từ <i>cóc</i> ở câu (10) - Vần <i>o</i> trong từ <i>lò xo</i> ở câu (3) được lặp lại trong từ <i>to</i> ở câu (4) - Vần <i>ông</i> trong từ <i>trống</i> ở câu (5) được lặp lại trong từ <i>rộng</i> ở câu (6) - Vần <i>inh</i> trong từ <i>binh</i> ở câu (7) được lặp lại trong từ <i>thành linh</i> ở câu (8) - Vần <i>ưa</i> trong từ <i>mưa</i> ở câu (11) được lặp lại trong từ <i>trưa</i> ở câu (12), từ <i>mưa</i> ở câu (14) - Vần <i>it</i> trong từ <i>mít</i> ở câu (13) được lặp lại trong từ <i>rít</i> ở câu (14) - Vần <i>ôi</i> trong từ <i>tối</i> ở câu (13) được lặp lại trong từ <i>rối</i> ở câu (14) - Vần <i>ê</i> trong từ <i>về</i> ở câu (15) được lặp lại trong từ <i>hê</i> ở câu (16) - Vần <i>oi</i> trong từ <i>bời bời</i> ở câu (19) được lặp lại trong từ <i>oi</i> ở câu (20)
				* Lắp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
				x - Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại trong câu (10), (11) - Cấu trúc so sánh <i>A như B</i> được lặp lại ở các câu (4), (5), (6), (7)
15	Mời vào	x		- Từ <i>cốc</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (6), (11), (16) - Từ <i>ai</i> ở câu (2) được lặp lại ở câu (7), (12), (17) - Từ <i>gọi</i> ở câu (2) được lặp lại ở câu (7), (12), (17) - Từ <i>đó</i> ở câu (2) được lặp lại ở câu (7), (12), (17) - Từ <i>tôi</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (8), (13), (18) - Từ <i>là</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (4), (8), (9), (13), (14), (18)

				7. Từ <i>thỏ</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (4) 8. Từ <i>cho</i> ở câu (5) được lặp lại ở câu (10), (15) 9. Từ <i>xem</i> ở câu (5) được lặp lại ở câu (10), (15) 10. Từ <i>nai</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu (9) 11. Từ <i>vạc</i> ở câu (13) được lặp lại ở câu (14)
			x	*Lặp vần 1. Vần <i>o</i> trong từ <i>đó</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>thỏ</i> ở câu (3), (4); từ <i>đó</i> ở câu (7), (12), (17); từ <i>gió</i> ở câu (18) 2. Vần <i>ai</i> trong từ <i>nai</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>nai</i> ở câu (9) 3. Vần <i>ac</i> trong từ <i>gạc</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>vạc</i> ở câu (13), (14) 4. Vần <i>ao</i> trong từ <i>vào</i> ở câu (19) được lặp lại trong từ <i>cao</i> ở câu (20) 5. Vần <i>ua</i> trong từ <i>cửa</i> ở câu (21) được lặp lại trong từ <i>sửa</i> ở câu (22) 6. Vần <i>a</i> trong từ <i>cả</i> ở câu (25) được lặp lại trong từ <i>lá</i> ở câu (26)
				* Lặp số lượng âm tiết: 3 âm tiết
16	Con bê lông vàng	x		x 1. Các câu “<i>Cốc, cốc, cốc!</i> /<i>Ai gọi đó?</i> /<i>Tôi là...</i>” được lặp đi lặp lại 4 lần 2. Cấu trúc “<i>Cho xem...</i>” được lặp đi lặp lại 3 lần ở câu (5), (10), (15)
				1. Từ <i>con bê</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (5) 2. Từ <i>đi</i> ở câu (6) được lặp lại ở câu (8), (9), (10), (18), (20), (21) 3. Từ <i>vườn ốt</i> ở câu (6) được lặp lại ở câu (18) 4. Từ <i>nhìn</i> ở câu (7) được lặp lại ở câu (13), (19)

				5. Từ <i>sau</i> ở câu (7) được lặp lại ở câu (19) 6. Từ <i>trước</i> ở câu (7) được lặp lại ở câu (19) 7. Từ <i>vào</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu (9), (18), (20), (21) 8. Từ <i>vườn cà</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu (20) 9. Từ <i>ra</i> ở câu (9) được lặp lại ở câu (21) 10. Từ <i>nó</i> ở câu (10) được lặp lại ở câu (12), (13), (17), (24), (25) 11. Từ <i>chung quanh</i> ở câu (13) được lặp lại ở câu (15) 12. Từ <i>mẹ</i> ở câu (10) được lặp lại ở câu (14), (16) 13. Từ <i>thấy</i> ở câu (16) được lặp lại ở câu (23)
			x	*Lặp vần 1. Vần <i>ê</i> trong từ <i>bê</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>bê</i> ở câu (5) 2. Vần <i>a</i> trong từ <i>cà</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>ra</i> ở câu (9), từ <i>cà</i> ở câu (20), từ <i>ra</i> ở câu (21) 3. Vần <i>ân</i> trong từ <i>gần</i> ở câu (24) được lặp lại trong từ <i>ngần</i> ở câu (25)
				* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
			x	1. Cả hai câu thơ (8), (9) được lặp lại ở câu (20), (21) 2. Cấu trúc “<i>Đi ... vườn ớt / Nhìn sau nhìn trước</i>” được lặp lại ở câu thơ (6),(7),(18),(19) 3. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (12), (13), (17), (24), (25)
17	Thỏ con	x		1. Từ <i>ôi</i> ở câu (4) được lặp lại ở câu (5) 2. Từ <i>ối</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (11) 3. Từ <i>cháy</i> ở câu (4) được lặp lại ở câu

					(6), (13) 4. Từ <i>lửa</i> ở câu (6) được lặp lại ở câu (17), (20) 5. Từ <i>phải</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu (12) 6. Từ <i>chạy</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu (12)
			x		*Lặp vần 1. Vần <i>a</i> trong từ <i>la</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>cha</i> ở câu (3) 2. Vần <i>on</i> trong từ <i>lớn</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>rợn</i> ở câu (5) 3. Vần <i>ôn</i> trong từ <i>trốn</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>rốn</i> ở câu (9) 4. Vần <i>âu</i> trong từ <i>râu</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>đâu</i> ở câu (11) 5. Vần <i>ay</i> trong từ <i>chạy</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>cháy</i> ở câu (13) 6. Vần <i>o</i> trong từ <i>rõ</i> ở câu (16) được lặp lại trong từ <i>đỏ</i> ở câu (17) 7. Vần <i>ang</i> trong từ <i>bàng</i> ở câu (18) được lặp lại trong từ <i>sang</i> ở câu (19)
				x	* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết 1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ được lặp lại ở câu (1), (14)
18	Bốn người	x			1. Từ <i>người</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (6), (11), (16), (24) 2. Từ <i>rải</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (19) 3. Từ <i>khắp</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (19) 4. Từ <i>nhuộm</i> ở câu (8) được lặp lại ở câu (13) 5. Từ <i>đỏ</i> ở câu (9) được lặp lại ở câu (13) 6. Từ <i>thối</i> ở câu (10) được lặp lại ở câu (14) 7. Từ <i>đổi</i> ở câu (21) được lặp lại ở câu (22)

			x	*Lặp vần 1. Vần <i>ai</i> trong từ <i>vai</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>rải</i> ở câu (3) 2. Vần <i>ông</i> trong từ <i>đồng</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>vông</i> ở câu (9), từ <i>sông</i> ở câu (22), từ <i>đông</i> ở câu (23) * Lặp số lượng âm tiết: 3 âm tiết và 4 âm tiết
				x 1. Cấu trúc “<i>Người ...</i>” được lặp lại ở các câu (1), (6), (11), (16)
19	Chú Chấu Chàng	x		1. Từ <i>một</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (8), (10), (12), (14) 2. Từ <i>chú</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (6), (22) 3. Từ <i>Chấu Chàng</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (16), (22) 4. Từ <i>ngồi</i> ở câu (2) được lặp lại ở câu (6), (17) 5. Từ <i>nhìn</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (17) 6. Từ <i>nước</i> ở câu (3) được lặp lại ở câu (11), (19)
			x	*Lặp vần 1. Vần <i>uoc</i> trong từ <i>nước</i> ở câu (3) được lặp lại trong từ <i>ngược</i> ở câu (4), từ <i>nước</i> ở câu (11) 2. Vần <i>inh</i> trong từ <i>rinh</i> ở câu (5) được lặp lại trong từ <i>thinh</i> ở câu (6) 3. Vần <i>ăt</i> trong từ <i>băt</i> ở câu (16) được lặp lại trong từ <i>mắt</i> ở câu (17) * Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
				x 1. Cấu trúc câu được cấu tạo là Cụm danh từ được lặp lại ở các câu (1), (8), (10), (12), (14)
20	Anh Năng sớm	x		1. Từ <i>ngày</i> ở câu (1) được lặp lại ở câu (5) 2. Cụm từ <i>năng sớm</i> ở câu (6) được lặp lại ở câu (9), (25), (31)

				3. Từ <i>rộng</i> ở câu (7) được lặp lại ở câu (15) 4. Từ <i>khấp</i> ở câu (7) được lặp lại ở câu (15) 5. Từ <i>cỏ</i> ở câu (10) được lặp lại ở câu (12) 6. Từ <i>làn</i> ở câu (11) được lặp lại ở câu (13), (17) 7. Từ <i>sóng</i> ở câu (17) được lặp lại ở câu (18) 8. Từ <i>óng ánh</i> ở câu (16) được lặp lại ở câu (18) 9. Từ <i>thấp</i> ở câu (21) được lặp lại ở câu (23) 10. Từ <i>mọi</i> ở câu (27) được lặp lại ở câu (29)
		x		*Lặp vần 1. Vần <i>ân</i> trong từ <i>ngân</i> ở câu (1) được lặp lại trong từ <i>vẫn</i> ở câu (2) 2. Vần <i>ơ</i> trong từ <i>mờ</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>tơ</i> ở câu (3) 3. Vần <i>ên</i> trong từ <i>lên</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>bên</i> ở câu (7) 4. Vần <i>ây</i> trong từ <i>cây</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>hây hây</i> ở câu (11) 5. Vần <i>o</i> trong từ <i>cỏ</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>nhỏ</i> ở câu (13), từ <i>đỏ</i> ở câu (32) 6. Vần <i>an</i> trong từ <i>làn</i> ở câu (13) được lặp lại trong từ <i>vạn</i> ở câu (14) 7. Vần <i>ương</i> trong từ <i>sương</i> ở câu (13) được lặp lại trong từ <i>cương</i> ở câu (14), từ <i>nuương</i> ở câu (15) 8. Vần <i>ong</i> trong từ <i>óng</i> ở câu (16) được lặp lại trong từ <i>sóng</i> ở câu (17) 9. Vần <i>on</i> trong từ <i>son</i> ở câu (22) được lặp lại trong từ <i>non</i> ở câu (23) 10. Vần <i>ơ</i> trong từ <i>phơi</i> ở câu (26) được lặp lại trong từ <i>nơi</i> ở câu (27),

					<i>ngơi ở câu (30), chơi ở câu (31)</i>
					* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
				x	1. Cấu trúc Động + Bổ ngữ: “ <i>Thấp + ...</i> ” được lặp lại ở câu (21), (23)
21	Biết phải làm gì	x			1. Từ “ <i>Làn Mây</i> ” được lặp lại trong các câu (6), (15), (19). 2. Từ “ <i>dừng</i> ” được lặp lại ở câu (13), (16) 3. Từ “ <i>xuống</i> ” được lặp lại ở câu (14), (16) 4. Từ “ <i>chợt</i> ” được lặp lại ở câu (6), (11), (22)
			x		*Lặp vần 1. Vần “ <i>ông</i> ” trong từ <i>đồng</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>sông</i> ở câu (3), từ <i>rộng</i> ở câu (20), từ <i>lộng</i> ở câu (21) 2. Vần “ <i>oi</i> ” trong từ <i>trời</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>nơi</i> ở câu (11) 3. Vần “ <i>ât</i> ” trong từ <i>đất</i> ở câu (16) được lặp lại trong từ <i>thật</i> ở câu (15) 4. Vần “ <i>ây</i> ” trong từ <i>mây</i> ở câu (22) được lặp lại trong từ <i>cây</i> ở câu (23) 5. Vần “ <i>i</i> ” trong từ <i>gì</i> ở câu (18) được lặp lại trong từ <i>thì</i> ở câu (19)
				x	* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết 1. Cấu trúc câu “ <i>chợt + ...</i> ” được lặp lại ở câu (6), (11), (22) 2. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “ <i>Làn Mây+...</i> ” được lặp lại ở câu (15), (19)
22	Chân mưa	x			1. Từ “ <i>chạy</i> ” được lặp lại ở câu (4), (7), (14) 2. Từ “ <i>chân mưa</i> ” được lặp lại ở câu (3), (11)
			x		*Lặp vần 1. Vần “ <i>ang</i> ” trong từ <i>làng</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>hàng</i> ở câu (5) 2. Vần “ <i>u</i> ” trong từ <i>ru</i> ở câu (8) được

					lặp lại trong từ <i>thu</i> ở câu (9) 3. Vần “ôn” trong từ <i>hôn</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>thôn</i> ở câu (13)
					* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
				x	1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “ <i>Chân mưa+...</i> ” được lặp lại ở câu (3), (11) 2. Cấu trúc Động từ + Bỏ ngữ: “ <i>Chạy + ...</i> ” được lặp lại ở câu (4), (7), (14)
23	Nắng ẩm	x			1. Từ <i>hết</i> , <i>đuổi</i> được lặp lại ở các câu (2), (13) 2. Từ <i>rét</i> được lặp lại ở các câu (2), (3), (13) 3. Cụm từ <i>nắng ẩm</i> được lặp lại ở câu (1), (14) 4. Từ <i>rừng</i> được lặp lại ở câu (2), (6), (7) 5. Từ <i>chỉ</i> được lặp lại ở câu (10), (11), (12)
			x		*Lặp vần 1. Vần “ôc” trong từ <i>hóc</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>tốc</i> ở câu (5) 2. Vần “it” trong từ <i>mịt</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>rít</i> ở câu (9) 3. Vần “ao” trong từ <i>gào</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>hao</i> ở câu (11) 4. Vần “a” trong từ <i>ra</i> ở câu (14) được lặp lại trong từ <i>la</i> ở câu (15)
				x	* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết 1. Cấu trúc “ <i>Nơi + ...</i> ” được lặp lại ở câu (8) và (9) 2. Cấu trúc “ <i>Chỉ + ...</i> ” được lặp lại ở câu (10), (11), (12)
24	Bờ tre làng	x			1. Từ “ <i>tre</i> ” được lặp lại trong câu (4), (6), (8), (10), (14) 2. Từ “ <i>hát</i> ” được lặp lại trong câu (5), (9) 3. Từ “ <i>bờ tre</i> ” được lặp lại ở câu (2), (11)

			x	*Lặp vần - Vần “<i>ua</i>” trong từ <i>đưa</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>trưa</i> ở câu (9) - Vần “<i>u</i>” trong từ <i>thu</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>ru</i> ở câu (13)
				* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
				x - Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “<i>bờ tre + ...</i>” được lặp lại ở câu (2), (11) - Cấu trúc “<i>tre + động từ</i>” được lặp lại ở câu (4), (6), (8), (10)
25	Ráng chiều đi đâu?	x		- Từ “<i>chui</i>” được lặp lại ở câu (10), (11), (15), (17) - Từ “<i>màu vàng, màu đỏ</i>” được lặp lại ở câu (6), (14) - Từ “<i>đỏ</i>” được lặp lại ở câu (2), (12), (16) - Từ “<i>lúa</i>” được lặp lại ở câu (17), (18), (19) - Từ “<i>thấp</i>” được lặp lại ở câu (12), (13) - Từ “<i>ráng</i>” được lặp lại ở câu (2), (9), (11), (15), (17)
			x	*Lặp vần - Vần “<i>o</i>” trong từ <i>đỏ</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>nhỏ</i> ở câu (13) - Vần “<i>ang</i>” trong từ <i>vàng</i> ở câu (14) được lặp lại trong từ <i>bàng</i> ở câu (15)
				* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết
				x Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “<i>ráng + cụm động từ</i>” được lặp lại ở câu (11), (15), (17)
26	Ngàn sao làm việc	x		- Từ “<i>sao</i>” được lặp lại ở câu (11), (13), (17), (23) - Từ “<i>trời</i>” được lặp lại ở câu (6), (10), (19) - Từ “<i>trâu</i>” được lặp lại ở câu (5), (6) - Từ “<i>tôi</i>” được lặp lại ở câu (5), (7)

					5. Từ “ <i>sông</i> ” được lặp lại ở câu (9), (21)
			x		*Lặp vần - Vần “<i>o</i>” trong từ <i>mò</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>no</i> ở câu (5) - Vần “<i>inh</i>” trong từ <i>tĩnh</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>đỉnh</i> ở câu (7) - Vần “<i>ao</i>” trong từ <i>sao</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>nao</i> ở câu (9) - Vần “<i>ông</i>” trong từ <i>rộng</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>rộng</i> ở câu (11), trong từ <i>đồng</i> ở câu (24) được lặp lại trong từ <i>hồng</i> ở câu (25) - Vần “<i>ang</i>” trong từ <i>vàng</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>ngang</i> ở câu (13) - Vần “<i>a</i>” trong từ <i>cá</i> ở câu (18) được lặp lại trong từ <i>rã</i> ở câu (19)
				x	* Lặp số lượng âm tiết: 5 âm tiết - Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “<i>trâu tôi + ...</i>” được lặp lại ở câu (5), (7) - Cấu trúc câu so sánh “<i>Như + ...</i>” được lặp lại ở câu (8), (14), (18)
27	Những nghệ sĩ	x			- Từ “<i>nghệ sĩ</i>” được lặp lại ở câu (2), (7), (11), (29) - Từ “<i>không</i>” được lặp lại ở câu (6), (9) - Từ láy “<i>xôn xao</i>” được lặp lại ở câu (19), (25) - Cụm từ “<i>nhà tôi</i>” được lặp lại ở câu (1), (30) - Từ “<i>có</i>” được lặp lại ở câu (2), (4), (7), (11), (28), (30) - Từ “<i>cổ</i>” được lặp lại ở câu (4), (6) - Từ “<i>hát</i>” được lặp lại ở câu (17), (23) - Từ “<i>mua</i>” được lặp lại ở câu (23), (27)

				9. Từ “<i>anh</i>” được lặp lại ở câu (22), (26) 10. Từ “<i>chú</i>” được lặp lại ở câu (16), (28), (24) 11. Từ “<i>giọng</i>” ở câu (22) được lặp lại ở câu (26)
			x	*Lặp vần 1. Vần “<i>i</i>” trong từ <i>sĩ</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>mĩ</i> ở câu (3) 2. Vần “<i>ao</i>” trong từ <i>cao</i> ở câu (4) được lặp lại trong từ <i>ao</i> ở câu (5); trong từ <i>rào</i> ở câu (8); từ <i>cào</i> ở câu (9), (24), (25); từ <i>chao</i> ở câu (24); từ <i>xao</i> ở câu (25) 3. Vần “<i>it</i>” trong từ <i>thịt</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>vịt</i> ở câu (11) 4. Vần “<i>ơ</i>” trong từ <i>boi</i> ở câu (12) được lặp lại trong từ <i>khơi</i> ở câu (13) 5. Vần “<i>iêu</i>” trong từ <i>điều</i> ở câu (18) được lặp lại trong từ <i>diệu</i> ở câu (19) 6. Vần “<i>anh</i>” trong từ <i>anh</i> ở câu (20) được lặp lại trong từ <i>lanh</i> ở câu (21), từ <i>xanh</i> ở câu (28), từ <i>anh</i> ở câu (29) 7. Vần “<i>at</i>” trong từ <i>cát</i> ở câu (22) được lặp lại trong từ <i>hát</i> ở câu (23)
				* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
28	Cây tre	x		1. Cấu trúc “<i>Có + cụm danh từ</i>” được lặp lại ở câu (2), (7), (11), (28) 2. Cấu trúc “<i>không + động từ</i>” được lặp lại ở câu (6), (9)
			x	*Lặp vần 1. Vần “<i>ây</i>” trong từ <i>phe phẩy</i> ở câu (2) được lặp lại trong từ <i>vẩy</i> ở câu (4), từ <i>đấy</i> ở câu (5), từ <i>mây</i> ở câu (14) và từ <i>đây</i> ở câu (15)

					2. Vần “ao” trong từ <i>chào</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>cao</i> ở câu (7) 3. Vần “ui” trong từ <i>bụi</i> ở câu (8) được lặp lại trong từ <i>cúi</i> ở câu (9) 4. Vần “âu” trong từ <i>câu</i> ở câu (10) được lặp lại trong từ <i>lâu</i> ở câu (11) 5. Vần “a” trong từ <i>nhà</i> ở câu (3) được lặp lại trong từ <i>cá</i> ở câu (12), trong từ <i>ả</i> ở câu (13)
					* Lặp số lượng âm tiết: 4 âm tiết
				x	1. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “<i>tôi + vị ngữ</i>” được lặp lại ở câu (1), (3) 2. Cấu trúc Chủ ngữ - Vị ngữ: “<i>bờ tre + động từ</i>” được lặp lại ở câu (2), (4), (5)
29	Ai dậy sớm	x			1. Từ “ai”, “dậy”, “sớm” được lặp lại ở câu (1), (5), (9) 2. Từ “ra” trong câu (2) được lặp lại ở câu (3), (6) 3. Từ “đang”, “chờ”, “đón” lặp lại ở câu (4), (8), (12) 4. Từ “cả” được lặp lại ở câu (7), (11)
				x	*Lặp vần 1. Vần “ông” trong từ <i>đồng</i> ở câu (6) được lặp lại trong từ <i>đông</i> ở câu (7)
				x	* Lặp số lượng âm tiết: 3 âm tiết 1. Cấu trúc “<i>Ai dậy sớm /Đang chờ đón!</i>” được lặp lại ở cả 3 đoạn thơ 2. Cấu trúc “<i>cả + danh từ</i>” được lặp lại trong câu (7), (11)

PHỤ LỤC 3
THỐNG KÊ CÁC KIỂU LẶP
TRONG TẬP THƠ *AI DẬY SỚM* CỦA VÕ QUẢNG

STT	Tên tác phẩm	Lặp từ vựng	Lặp ngữ âm	Lặp ngữ pháp
1	Mầm Non	x	x	x
2	Đàn bồ chao	x	x	x
3	Quả đỏ	x	x	x
4	Chị Chối Tre	x	x	x
5	Gió	x	x	x
6	Anh Đom Đóm	x	x	x
7	Cóc và Châu Châu Voi	x	x	x
8	Cùng vui chơi	x	x	x
9	Vì sao Thông vì vu	x	x	
10	Một làn nước mát	x	x	
11	Cò biết ở sạch	x	x	x
12	Chú voi con	x	x	
13	Phải chung màu lại	x	x	x
14	Báo mưa	x	x	x
15	Mời vào	x	x	x
16	Con bê lông vàng	x	x	x
17	Thỏ con	x	x	x
18	Bốn người	x	x	x
19	Chú Châu Chàng	x	x	x
20	Anh Nắng sớm	x	x	x
21	Biết phải làm gì?	x	x	x
22	Chân mưa	x	x	x
23	Nắng ấm	x	x	x
24	Bò tre làng	x	x	x
25	Ráng chiều đi đâu	x	x	x
26	Ngàn sao làm việc	x	x	x
27	Những nghệ sĩ	x	x	x
28	Cây tre	x	x	x
29	Ai dậy sớm	x	x	x